

さんだ子育て ハンドブック 多言語版 2025

笑顔ですくすく SUN だっこ

「こどもまんなかのまち」さんだ

応援します！楽しい子育て

「さんだ子育てハンドブック」は、子育て中の皆様にわかりやすく、子育てに関する様々な情報を1冊にまとめたものです。

この冊子を開けば、妊娠・出産から子どもに関する保健・福祉・医療などの各種施策や、子育て支援の各種機関など、子どもの成長に必要な情報を得ることができるように作成しました。

「笑顔ですくすくSUNだっこ」のタイトルは、子育てする大人も育っていく子どもも、地域のみみんなも笑顔で、すくすくさんさんと降り注ぐ太陽に「抱っこ」されて成長して欲しいという思いを込めと名付けました。この冊子が大いに活用され、皆さま方のお役にたつことを願っております。

三田市
編集協力 さんだ子育てハンドブック編集委員会

Sanda Cẩm nang Nuôi dạy trẻ bản đa ngôn ngữ 2025

Nụ cười rạng rỡ SUN Dakko

“Thành phố lấy trẻ em làm trung tâm”

Thành phố Sanda luôn đồng hành và ủng hộ bạn trên
hành trình nuôi dạy con vui khỏe!

“Cẩm nang nuôi dạy trẻ Sanda” là cuốn sách tổng hợp các thông tin đa dạng về nuôi dạy con cái một cách dễ hiểu dành cho tất cả các quý vị đang nuôi con.

Chúng tôi biên soạn cuốn sổ này để bạn có thể nhận được những thông tin cần thiết cho sự phát triển của trẻ chỉ bằng cách mở nó ra, từ lúc mang thai, sinh con cho đến các chính sách khác nhau về bảo hiểm, phúc lợi, y tế liên quan đến trẻ em, cũng như các cơ quan hỗ trợ nuôi dạy trẻ.

Tiêu đề “Nụ cười rạng rỡ SUN Dakko” được đặt với mong muốn rằng cả những người lớn đang nuôi dạy trẻ, những trẻ em đang lớn lên và tất cả mọi người trong cộng đồng đều luôn mỉm cười, cùng trưởng thành trong sự bao bọc (Dakko) của ánh mặt trời (SUN) tỏa sáng rực rỡ.

Chúng tôi hy vọng cuốn tài liệu này sẽ được sử dụng rộng rãi và mang lại nhiều giá trị hữu ích cho quý vị.

Sanda-shi
Hợp tác biên tập: Ủy ban biên tập Cẩm nang nuôi dạy trẻ Sanda

子育てカレンダー	Lịch dành cho cha mẹ
<p>妊娠したら 母子健康手帳を受け取りましょう 妊婦健康診査費の助成 妊婦のための支援給付(1回目) 妊婦相談・訪問 プレ・パパママ教室</p>	<p>Khi mang thai Nhận Sổ tay sức khỏe mẹ và bé Trợ cấp chi phí khám sức khỏe phụ nữ mang thai Trợ cấp hỗ trợ cho phụ nữ mang thai (Lần 1) Tư vấn và thăm khám thai phụ Lớp học dành cho cha mẹ tương lai (Papa/Mama)</p>
<p>出産したら 出生届 マイナンバーカードの特急発行(出生届の届出と同時申請) 先天性代謝異常検査 新生児聴覚検査 産婦健康診査費の助成 産後ケア事業 産後等ヘルパー事業 赤ちゃん訪問 低体重児の届出 妊婦のための支援給付(2回目) 1か月児健康診査費の助成 乳幼児健診 ブックスタート事業 乳児健康相談 離乳食教室 乳幼児の相談事業 予防接種～子どもの健康を守るために</p>	<p>Sau khi sinh con Giấy khai sinh Cấp nhanh thẻ My Number (Đăng ký cùng lúc với hồ sơ khai sinh) Xét nghiệm sàng lọc rối loạn chuyển hóa bẩm sinh Kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe cho sản phụ Dịch vụ chăm sóc sau sinh Dịch vụ nhân viên hỗ trợ tại nhà sau sinh Thăm khám trẻ sơ sinh Khai báo trẻ nhẹ cân Trợ cấp hỗ trợ cho phụ nữ mang thai (Lần 2) Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi Khám sức khỏe tổng quát trẻ nhỏ Chương trình Book Start (tặng sách tranh cho trẻ sơ sinh) Tư vấn sức khỏe trẻ sơ sinh Lớp học nấu ăn dặm Chương trình tư vấn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ Tiêm chủng – Vì sức khỏe của trẻ em</p>
<p>おでかけしよう！ 離乳食教室レポート！ 三田市子ども家庭センター(すべての妊産婦・子育て世帯・こどものための総合相談窓口) チャッピーサポートセンター ペアレントトレーニング プレ・パパママ教室レポート！ 市内の子育て交流ひろば 多世代交流館 ふらっと 子育て交流ひろば ウッディ子育て交流ひろば 地域子育て支援センター: みな・とっちひろば 駅前子育て交流ひろば 地域子育て支援推進事業</p>	<p>Cùng ra ngoài nào! Báo cáo về Lớp học nấu ăn dặm Trung tâm gia đình trẻ em thành phố Sanda (Cửa sổ tư vấn tổng hợp dành cho mọi sản phụ, hộ gia đình nuôi con và trẻ em). Trung tâm hỗ trợ Chappy Chương trình đào tạo kỹ năng làm cha mẹ Báo cáo về lớp học cho cha mẹ tương lai! Các không gian giao lưu nuôi dạy trẻ trong thành phố Trung tâm giao lưu đa thế hệ "Furatto" - không gian giao lưu nuôi dạy trẻ Không gian giao lưu nuôi dạy trẻ Woody Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ trong khu vực: Không gian Mina-Tocchi. Không gian giao lưu nuôi dạy trẻ trước nhà ga Chương trình thúc đẩy hỗ trợ nuôi dạy trẻ trong khu vực</p>
<p>お役立ち情報 三田市「赤ちゃんの駅」マップ 全国版救急受診アプリ「Q 助(きゅーすけ)」</p>	<p>Thông tin hữu ích Bản đồ "Trạm dừng chân cho bé" của thành phố Sanda. Ứng dụng chẩn đoán cấp cứu toàn quốc "Q-Suke".</p>

<p>Web 版ハザードマップさんだ 備えよう赤ちゃんの防災</p>	<p>Bản đồ cảnh báo thiên tai trực tuyến thành phố Sanda. Chuẩn bị phòng chống thiên tai cho gia đình có trẻ em.</p>
<p>医療機関 三田市内医療機関一覧表(医科) 三田市内医療機関一覧表(歯科) 夜間・休日診療・電話相談</p>	<p>Cơ sở y tế Danh sách các cơ sở y tế trong thành phố Sanda (Y khoa) Danh sách các cơ sở y tế trong thành phố Sanda (Nha khoa) Khám bệnh đêm/ngày lễ và tư vấn qua điện thoại</p>
<p>子どもを預けるときは 1号認定を受けて利用する(幼稚園など) 2号認定・3号認定を受けて利用する(保育所など) 保育所 認定こども園 小規模保育 一時預かり(一時保育) ファミリーサポートセンター 子育て家庭ショートステイ 病児・病後児保育施設「ふらっと・クローバー」 障害児一時預かり事業 認可外保育施設 幼稚園・認定こども園 小学校 特別支援学校 三田市あすなろ教室 放課後児童クラブ</p>	<p>Khi gửi trẻ Nhận và sử dụng Chứng nhận loại 1 (VD: Trường mầm non, v.v.) Nhận và sử dụng Chứng nhận loại 2 và loại 3 (Nhà trẻ, v.v.) Nhà trẻ Trường mầm non được công nhận Cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ Gửi trẻ tạm thời (chăm sóc ngắn hạn) Trung tâm hỗ trợ gia đình Dịch vụ lưu trú ngắn hạn cho hộ gia đình có con nhỏ Cơ sở giữ trẻ khi ốm/ sau ốm (Flat Clover) Dịch vụ giữ trẻ khuyết tật tạm thời Cơ sở giữ trẻ ngoài cơ sở được cấp phép Trường mầm non/cơ sở giáo dục mầm non được công nhận Trường tiểu học Trường giáo dục đặc biệt Lớp học Asunaro thành phố Sanda Câu lạc bộ thiếu nhi sau giờ học</p>
<p>支援・相談窓口 発達や発育が気になったら 子どもの幸せを願って 子育ての悩みちょっと話してみませんか？ ひとり親家庭をサポートします</p>	<p>Quà hỗ trợ và tư vấn Khi lo lắng về sự phát triển và tăng trưởng của trẻ Vì hạnh phúc trẻ thơ Bạn có muốn chia sẻ một chút về những lo lắng trong việc nuôi dạy con không? Hỗ trợ gia đình đơn thân</p>
<p>制度 さまざまな制度があります</p>	<p>Chế độ Có nhiều chế độ khác nhau</p>
<p>相談機関 こんなとき、誰に相談すればいいの？</p>	<p>Cơ quan tư vấn Trong những lúc như thế này, tôi nên tìm đến ai để được tư vấn?</p>

子育てカレンダー / Lịch trình nuôi dạy trẻ

	妊娠中 Trong thời kỳ mang thai	赤ちゃん誕生 Khi em bé chào đời	生後3~5か月 Giai đoạn 3 đến 5 tháng tuổi sau sinh	生後6~8か月 Giai đoạn 6 đến 8 tháng tuổi sau sinh	9か月~1歳頃 Giai đoạn 3 đến Khoảng 1 tuổi	1歳6か月頃 Khoảng 1 tuổi 6 tháng	2歳頃 Khoảng 2 tuổi	3歳~就学前 Từ 3 tuổi Trước khi vào tiểu học
健康診査・ 予防接種 Khám sức khỏe và tiêm chủng định kỳ	妊婦健康診査費の助成 ▶P1-2 Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe cho sản phụ	新生児聴覚検査 ▶P2-2 Kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh 1か月児健康診査費 の助成▶P2-4 Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi 産婦健康診査費助成事業 ▶P1-2 Chương trình hỗ trợ chi phí khám sức khỏe sản phụ	4か月児健診▶P2-4 Khám sức khỏe tổng quát trẻ 4 tháng tuổi		9か月児健診 ▶P2-4 Khám sức khỏe tổng quát trẻ 9 tháng tuổi	1歳6か月児健診 ▶P2-4 Khám sức khỏe tổng quát trẻ 1 tuổi 6 tháng		3歳児健診 ▶P2-4 Khám sức khỏe tổng quát trẻ 3 tuổi
予防接種 ▶P2-6 Tiêm chủng định kỳ								
事業・サービス Các Chương trình/Dịch vụ	プレ・パパママ教室 ▶P3-4 Bảo cáo về lớp học cho cha mẹ	新生児訪問・こんにちは赤ちゃん事業 ▶P2-3 Chương trình thăm khám trẻ sơ sinh - "Xin chào em bé" 産後ケア事業 ▶P2-2 Dịch vụ nhân viên hỗ trợ tại nhà sau sinh 産後等ヘルパー事業▶P2-2 Dịch vụ nhân viên hỗ trợ tại nhà sau sinh	離乳食教室 ▶P2-5 Lớp học nấu ăn dặm		ブックスタート▶P2-4 Chương trình Book Start (tặng sách tranh cho trẻ sơ sinh)			
ファミリーサポートセンター ▶P5-8 Trung tâm hỗ trợ gia đình								
オンライン保健師・栄養士相談 ▶P2-5 Tư vấn trực tuyến với hộ lý/chuyên gia dinh dưỡng								

相談 Tư vấn	子ども家庭センター / Trung tâm gia đình trẻ em ・家庭児童相談室 / Phòng tư vấn gia đình và trẻ em▶P6-3 ・チャッピー子育て支援センター / Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Chappy▶P3-2 ・チャッピーサポートセンター / Trung tâm hỗ trợ Chappy▶P3-1						
	子育て交流ひろば / Các không gian giao lưu nuôi dạy trẻ trong thành phố▶P3-5						
	乳幼児の相談事業 / Dịch vụ tư vấn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ▶2-5						
							5歳児発達相談 ▶P2-5 Tư vấn phát triển cho trẻ 5 tuổi

妊娠したら

病院を受診し、妊娠判定を受けた場合

	子ども政策課	各市民センター
①妊娠届出→母子健康手帳交付	○	○
②妊婦・産婦健康診査費助成申請（県内協力医療機関で受診予定の場合）	○	×
③保健師・助産師による妊婦面談（所要時間 20 分程度）	○	×
④妊婦のための支援給付申請	○	×

母子健康手帳を受け取りましょう

問い合わせ

子ども政策課（三田市役所 2 階）

☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

子ども政策課（三田市総合福祉保健センター2 階）

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

妊娠・出産・育児を通じたお母さんとお子さんの健康の記録です。乳幼児健診や予防接種の結果などを記録するために、妊娠届出時にお渡ししています。詳細は市ホームページなどをご確認ください。

交付窓口

平日・土日・祝日：まちづくり協働センター（キッピーモール内6階）

平日：子ども政策課（三田市役所 2 階、三田市総合福祉保健センター2 階）、各市民センター、高平ふるさと交流センター、ふれあいと創造の里、有馬富士共生センター

子ども政策課（三田市役所 2 階、三田市総合福祉保健センター2 階）以外で妊娠届出の場合、上記表の①しか受付できません。

持ち物

上記表の①の申請には本人のマイナンバーカード確認書類が必要になります。④の申請の際には、本人確認書類・給付金の受取口座を確認できるものが必要になります。

※やむを得ない理由で妊婦本人が届出できない場合は、お問合せください。

Khi mang thai

Trường hợp đã khám tại cơ sở y tế và nhận kết quả xác định mang thai.

	Ban chính sách trẻ em	Các trung tâm cộng đồng em
① Khai báo mang thai → Cấp sổ tay sức khỏe mẹ và bé	○	○
② Đăng ký nhận hồ chi phí khám sức khỏe thai phụ/sản phụ (Trường hợp dự kiến khám tại các cơ sở y tế hợp tác trong tỉnh)	○	×
③ Tư vấn, trao đổi với thai phụ bởi hộ lý/ hộ sinh (Thời gian khoảng 20 phút)	○	×
④ Đăng ký nhận trợ cấp hỗ trợ cho thai phụ	○	×

Hãy nhận Sổ tay sức khỏe mẹ và bé

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em (Toà thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

Ban chính sách trẻ em (Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Đây là hồ sơ ghi lại sức khỏe của mẹ và bé xuyên suốt quá trình mang thai, sinh nở và nuôi con. Sổ được cấp tại thời điểm khai báo mang thai để ghi chép kết quả khám sức khỏe trẻ sơ sinh trẻ nhỏ và tiêm chủng. Vui lòng kiểm tra chi tiết trên trang web của thành phố.

Quầy cấp phát

Ngày thường, Thứ Bảy, Chủ Nhật, Ngày lễ : Trung tâm hợp tác xây dựng thành phố (Tầng 6 toà nhà Kippy Mall)

Ngày thường : Ban chính sách trẻ em (Toà thị chính, Tầng 2, Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2), Các trung tâm cộng đồng, Trung tâm hợp tác xây dựng thành phố, Làng giao lưu và sáng tạo (Fureai to Sozo no Sato), Trung tâm cộng sinh Arima Fuji Kyosei

Trường hợp khai báo mang thai tại nơi khác ngoài Phòng Chính sách Trẻ em (Tầng 2 Tòa thị chính thành phố Sanda, hoặc Tầng 2 Trung tâm Phúc lợi và Sức khỏe Tổng hợp thành phố Sanda), chỉ có thể làm thủ tục mục (1) trong bảng trên.

Đồ mang theo

Để đăng ký mục (1) trong bảng trên, cần xuất trình My Number của chính chủ. Khi đăng ký mục (4), cần giấy tờ xác nhận danh tính và giấy tờ có thể xác nhận tài khoản nhận tiền trợ cấp.

※ Trường hợp thai phụ không thể trực tiếp đến khai báo vì lý do bất khả kháng, vui lòng liên hệ để được hướng dẫn.

妊婦健康診査費の助成

医療機関で受診する妊婦健康診査の費用について、106,000 円(多胎児は 25,000 円追加)を上限に助成します。詳細は市ホームページなどをご確認ください。

交付窓口

子ども政策課(三田市役所 2 階、三田市総合福祉保健センター2 階)

問い合わせ

子ども政策課(三田市役所 2 階)

☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

子ども政策課(三田市総合福祉保健センター2 階)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

妊婦のための支援給付(1 回目)

妊娠届出の面談の時に申請書をお渡しします。詳細は市ホームページをご確認ください。

問い合わせ

子ども政策課(三田市総合福祉保健センター2 階)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

妊婦相談・訪問

妊娠への不安解消のため保健師または助産師が電話や訪問による健康相談を行っています。

問い合わせ

子ども政策課(三田市役所 2 階)

☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

子ども政策課(三田市総合福祉保健センター2 階)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

プレ・パパママ教室

はじめてのお父さん、お母さんになる方向けの教室です。

問い合わせ

子ども政策課(三田市総合福祉保健センター2 階)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Trợ cấp chi phí khám sức khỏe phụ nữ mang thai

Về chi phí khám sức khỏe phụ nữ mang thai tại cơ sở y tế, thành phố trợ cấp tối đa 106,000 yên (đa thai được cộng thêm 25,000 yên). Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.

Quầy cấp phát

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2, Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2)

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

Ban chính sách trẻ em(Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Trợ cấp hỗ trợ cho phụ nữ mang thai (Lần 1)

Đơn đăng ký sẽ được phát tại buổi trao đổi khi khai báo mang thai. Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Tư vấn và thăm khám thai phụ

Để giải tỏa lo lắng khi mang thai, hộ lý hoặc hộ sinh sẽ thực hiện tư vấn sức khỏe qua điện thoại hoặc thăm khám tại nhà.

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

Ban chính sách trẻ em(Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Lớp học dành cho cha mẹ tương lai (Papa/Mama)

Lớp học dành cho những người lần đầu làm cha, mẹ

Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

出産したら

出生届

問い合わせ: 市民課戸籍係

☎ 079-559-5045 Fax 079-560-2101

〈届出期間〉

生まれた日を含めて14日以内

〈届出人〉

届出人は赤ちゃんの父または母(父母の連名でも可)。届出人が署名した後に、届出書を窓口
に持参する人は、親族・その他の人でも可。

〈届出場所〉

届出人の本籍地または所在地(一時的な居所でも可)、もしくは出生地の市区町村。三田市の受
付窓口は、市民課戸籍係(市民課業務時間外は、市役所夜間休日窓口で受付)。

〈届出に必要なもの〉

- 医師・助産師等が作成した「出生証明書付き出生届」または「出生証明書」
※届出用紙は、出産した病院などから渡されます。なお、「出生証明書」のみ出産した病院から
渡された場合は、市民課戸籍係窓口で出生届出用紙をお渡します。

- 母子健康手帳

〈届出について〉

赤ちゃんの名前は、人名用として使用できる文字を使用してください。赤ちゃんが外国人でも日本
国内で生まれた場合は届出が必要です。

マイナンバーカードの特急発行(出生届の届出と同時申請申請)

問い合わせ: 市民課証明登録係個人番号カード交付担当

☎ 079-559-5106 Fax 079-559-5114

出生届を出す時に、出生届に記載されている個人番号カード交付申請書欄に記入して申請する
と、赤ちゃんのマイナンバーカード(※)を簡易書留ですみやかに(約1週間)受け取ることができま
す。カードの送付場所を里帰り出産時の帰省先などに指定することもできます。

交付申請書欄のない出生届をご利用の方には、別紙申請書を窓口でお渡ししますので出生届の
届出時にお申し出ください。(※)0歳時のマイナンバーカードには顔写真はつきません。

※出生届の届出時にマイナンバーカードの交付申請をされなかった場合は、後日、国から世帯主
あてに赤ちゃんの「個人番号通知書」が簡易書留で送付されます。

先天性代謝異常検査

問い合わせ: 出産された医療機関

先天性代謝異常がある場合、早期に発見し治療を行えば、心身障害の発生を予防することが期
待できます。赤ちゃんが生まれて 5~7 日頃に検査する方法があります。

Sau khi sinh con

Giấy khai sinh

Hỏi đáp : Ban thị dân Bộ phận Hộ tịch

☎ 079-559-5045 Fax 079-560-2101

〈Thời hạn khai báo〉

Trong vòng 14 ngày kể từ ngày sinh .

〈Người khai báo〉

Cha hoặc mẹ của em bé (có thể đứng tên chung cha mẹ). Sau khi người khai báo đã ký tên, người nộp
giấy khai báo tại quầy tiếp nhận có thể là người thân hoặc người khác.

〈Nơi khai báo〉

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi cư trú của người khai báo (có thể là nơi ở tạm thời), hoặc thành
phố/thị trấn/làng nơi em bé sinh ra. Quầy tiếp nhận tại Sanda là: Bộ phận Hộ tịch, phòng Dân cư. (Ngoài
giờ làm việc của Khoa Dân cư, tiếp nhận tại cửa sổ trực đêm/ngày lễ của tòa thị chính.)

〈Giấy tờ cần thiết khi khai báo〉

- “Giấy khai sinh kèm chứng sinh” do bác sĩ/hộ sinh lập hoặc “Giấy chứng sinh” riêng.

※Mẫu tờ khai sẽ được cấp bởi bệnh viện nơi sinh. Ngoài ra, nếu bệnh viện chỉ cấp “Giấy chứng sinh”,
mẫu khai báo khai sinh sẽ được cấp tại quầy Hộ tịch.

- Sổ tay sức khỏe mẹ và bé

〈Về việc khai báo〉

Tên của em bé phải sử dụng các ký tự được phép dùng cho tên người. Ngay cả khi em bé là người nước
ngoài, nếu sinh ra tại Nhật Bản vẫn cần phải khai báo và làm thủ tục khai sinh.

Cấp nhanh thẻ My Number (Đăng ký cùng lúc với hồ sơ khai sinh)

Hỏi đáp : Ban thị dân Bộ phận Đăng ký Chứng nhận, Phụ trách cấp thẻ Số cá nhân

☎ 079-559-5106 Fax 079-559-5114

Khi nộp giấy khai sinh, nếu bạn điền thông tin vào mục Đơn đề nghị đăng ký cấp thẻ Số cá nhân (My
Number) được in sẵn trên giấy khai sinh và nộp cùng lúc, bạn có thể nhận được thẻ My Number của bé
qua thư chuyển phát bảo đảm trong thời gian sớm (khoảng 1 tuần) (※). Bạn cũng có thể chỉ định nơi
gửi thẻ là địa chỉ quê quán khi về quê sinh con.

Đối với người sử dụng mẫu giấy khai sinh không có cột đăng ký cấp thẻ, vui lòng thông báo tại quầy
khi nộp hồ sơ khai sinh, chúng tôi sẽ phát mẫu đơn đăng ký riêng để bạn điền và nộp. (※) Thẻ My
Number cho trẻ 0 tuổi sẽ không có ảnh chân dung.

※Trường hợp không đăng ký cấp thẻ khi nộp giấy khai sinh, sau này "Thông báo số cá nhân" của bé sẽ
được gửi đến chủ hộ qua thư chuyển phát bảo đảm từ phía nhà nước.

Xét nghiệm sàng lọc rối loạn chuyển hóa bẩm sinh

Hỏi đáp : Cơ sở y tế nơi sinh

Đối với các trường hợp có rối loạn chuyển hóa bẩm sinh, việc phát hiện và điều trị kịp thời có thể kỳ
vọng ngăn ngừa được các khuyết tật về thân thể và trí tuệ. Có phương pháp kiểm tra khi bé được khoảng
5 đến 7 ngày tuổi.

新生児聴覚検査

問い合わせ: 子ども政策課(三田市総合福祉保健センター2階) ☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

先天性聴覚障害の早期発見のための「新生児聴覚検査」。産科入院中(出生後概ね3日以内)に行われます。赤ちゃんが眠っている間の短時間でできる検査です。ぜひ検査を受けることをお勧めします。

※令和7年4月1日以降に子どもが生まれた世帯に対し、検査費の全額(上限5,000円)を助成します。検査費の助成は令和7年10月1日から開始します。詳細はホームページをご確認ください。

産婦健康診査費の助成

問い合わせ

子ども政策課(三田市役所 2 階)

☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

子ども政策課(三田市総合福祉保健センター)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

医療機関で受診する産婦健康診査の費用について、1回 5,000 円を上限に2回助成します。詳細は市ホームページなどをご確認ください。

〈交付窓口〉子ども政策課(三田市役所2階、三田市総合福祉保健センター2階)

産後ケア事業

問い合わせ

子ども政策課(三田市役所 2 階)

☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

助産師等の専門職から、産後の健康管理や授乳指導、育児相談等を受けることができます。詳細は市ホームページなどをご確認ください。

産後等ヘルパー事業

問い合わせ

子ども政策課(三田市役所 2 階)

☎ 079-559-5079 Fax 079-563-3611

妊娠・出産後の心身の不調などのため日中家事や育児が困難な家庭にヘルパーを派遣し、家事や育児をお手伝いします。対象者や利用方法などはホームページをご確認ください。

赤ちゃん訪問

赤ちゃんの健やかな成長とご家族の育児を応援することを目的に、生後 4 か月までの赤ちゃんがいるすべての家庭を訪問し、相談や情報提供を行っています。

赤ちゃんの様子や相談内容により、「新生児訪問」または「こんにちは赤ちゃん事業」を選択し、利用できます。(2,500 g 未満で生まれた赤ちゃんは新生児訪問で対応いたします。)

赤ちゃんが生まれたらできるだけ早く(目安:生後 3 週間以内)に「赤ちゃん訪問連絡票」をオンライン申請してください。

訪問費用: 無料

Kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh

Hỏi đáp : Ban chính sách trẻ em(Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

“Kiểm tra thính lực trẻ sơ sinh” để phát hiện sớm khiếm thính bẩm sinh. Đây là xét nghiệm được thực hiện trong thời gian mẹ và bé còn nằm viện sau sinh (thông thường trong vòng 3 ngày sau sinh). Việc kiểm tra được thực hiện ngắn gọn khi bé đang ngủ. Chúng tôi khuyến khích gia đình nên thực hiện kiểm tra này.

※Đối với các hộ gia đình có con sinh từ ngày 1/4/2025 trở đi, sẽ được trợ cấp toàn bộ chi phí xét nghiệm (tối đa 5,000 yên). Chế độ trợ cấp chi phí xét nghiệm sẽ bắt đầu từ ngày 1/10/2025. Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.

Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe cho sản phụ

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

Ban chính sách trẻ em(Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Về chi phí khám sức khỏe sản phụ tại cơ sở y tế, chi phí khám sẽ được trợ cấp 2 lần với mức tối đa 5,000 yên/lần. Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.

〈Quyền cấp phát〉Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2/ Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2)

Dịch vụ chăm sóc sau sinh

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2) ☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

Bạn có thể nhận được hướng dẫn về quản lý sức khỏe sau sinh, hướng dẫn cho con bú, tư vấn nuôi dạy trẻ từ các chuyên gia như hộ sinh. Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.

Dịch vụ nhân viên hỗ trợ tại nhà sau sinh

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5079 Fax 079-563-3611

Đối với các gia đình gặp khó khăn trong việc làm việc nhà hoặc chăm sóc trẻ vào ban ngày do tình trạng sức khỏe không tốt sau khi mang thai/sinh con, chúng tôi sẽ cử nhân viên đến tận nhà để hỗ trợ. Vui lòng kiểm tra trang web để biết đối tượng áp dụng và cách thức sử dụng dịch vụ.

Thăm khám trẻ sơ sinh

Nhằm hỗ trợ sự phát triển khỏe mạnh của trẻ nhỏ và giúp gia đình yên tâm trong quá trình nuôi dạy trẻ, chúng tôi đến thăm tất cả các gia đình có trẻ đến dưới 4 tháng tuổi để tư vấn và cung cấp thông tin.

Dựa trên tình trạng của bé và nội dung tư vấn, gia đình có thể chọn và sử dụng một trong hai hình thức là "Thăm khám trẻ sơ sinh" hoặc "Chương trình Xin chào em bé". Đối với trẻ sinh ra có cân nặng dưới 2,500g sẽ được hỗ trợ thông qua "Thăm khám trẻ sơ sinh". Sau khi bé chào đời, vui lòng đăng ký trực tuyến "Phiếu liên lạc thăm khám trẻ" càng sớm càng tốt (thời gian khuyến nghị: trong vòng 3 tuần sau sinh). Chi phí thăm khám : Miễn phí.

出産したら/ After giving birth / 分娩后 2-2

新生児訪問 / Thăm khám trẻ sơ sinh tại nhà		
内容 Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> ● 赤ちゃんの身体計測など、発育発達の確認や健康についてのご相談 ● お母さんの産後の健康状態等のご相談 ● 様々な育児に関するご相談、情報提供 	<ul style="list-style-type: none"> ● Kiểm tra, đo các chỉ số phát triển của trẻ như cân nặng và tư vấn về sức khỏe của bé. ● Tư vấn về tình trạng sức khỏe của mẹ sau sinh. ● Tư vấn và cung cấp thông tin về các vấn đề nuôi dạy trẻ khác nhau
訪問員 Người thăm khám	子ども政策課 保健師または助産師	Ban chính sách trẻ em Hộ lý hoặc hộ sinh.
問合先 Hỏi đáp	子ども政策課(三田市総合福祉保健センター2階) ☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705	Ban chính sách trẻ em(Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2) ☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705
こんにちは赤ちゃん事業 / Chương trình Xin chào em bé		
内容 Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> ● 子育てに役立つ情報提供 ● 子育ての不安や悩みなどをお聞きし、楽しく子育てができるよう、希望される支援につなげていきます。 ● 誕生記念グッズを使い、赤ちゃんの足型と写真、メッセージカードを入れたタイムカプセルを作ってプレゼント。 	<ul style="list-style-type: none"> ● Cung cấp các thông tin hữu ích trong việc nuôi dạy trẻ ● Chúng tôi lắng nghe những lo lắng, băn khoăn trong quá trình nuôi con của phụ huynh và sẽ kết nối đến các hình thức hỗ trợ phù hợp theo nguyện vọng, nhằm giúp việc nuôi dạy con trở nên vui vẻ và yên tâm hơn. ● Sử dụng bộ quà lưu niệm chào mừng em bé ra đời, chúng tôi sẽ tạo và trao tặng một viên nang thời gian gồm dấu chân của bé, ảnh chụp và thiệp nhân gửi.
訪問員 Người thăm khám	三田市社会福祉協議会 『こんにちは赤ちゃん訪問員』 ※研修を積んだ先輩ママたちです。土・日曜日にも訪問できます。ご家族でお聞きください。	Hội đồng Phúc lợi Xã hội thành phố Sanda Nhân viên thăm khám của Chương trình Xin chào em bé là những người mẹ đi trước đã qua đào tạo chương trình tập huấn. Chúng tôi có thể thăm khám vào cả Thứ Bảy và Chủ Nhật. Khuyến khích cả gia đình cùng tham gia lắng nghe.
問合先 Hỏi đáp	子ども政策課(三田市役所本庁 2階) ☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611 訪問に関する問い合わせ 三田市社会福祉協議会(多世代交流館内シニア・ユースひろば) ☎079-562-8423	Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2) ☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611 Hỏi đáp Hội đồng Phúc lợi Xã hội thành phố Sanda (Không gian giao lưu dành cho người cao tuổi và thanh thiếu niên trong Trung tâm Giao lưu Đa thế hệ.)☎079-562-8423

低体重児の届出

問い合わせ

子ども政策課(三田市総合保健福祉センター2階)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

2,500g 未満で生まれた赤ちゃんは、赤ちゃん訪問連絡票(低体重児届出書)の提出が必要となります。未熟児養育医療給付の申請は、子ども政策課で受付しています。(P7-4)

妊婦のための支援給付(2回目)

問い合わせ

子ども政策課(三田市総合福祉保健センター2階)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

出生届出後、新生児訪問等の面談の時に申請書をお渡します。詳細は市ホームページなどをご確認ください。

Khai báo trẻ nhẹ cân

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Trẻ sinh ra có cân nặng dưới 2,500g cần phải nộp Phiếu liên lạc thăm khám bé (Giấy khai báo trẻ nhẹ cân). Hồ sơ đăng ký trợ cấp y tế nuôi dưỡng trẻ sinh non được tiếp nhận tại Ban chính sách trẻ em. (P7-4)

Trợ cấp hỗ trợ cho phụ nữ mang thai (Lần 2)

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Sau khi nộp giấy khai sinh, đơn đăng ký sẽ được phát tại buổi trao đổi như thăm khám trẻ sơ sinh tại nhà. Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.

1 か月児健康診査費の助成

問い合わせ

子ども政策課（三田市総合福祉保健センター2 階）

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

令和7年4月1日以降にこどもが生まれた世帯に対し、1 か月児健康診査費の全額（上限6千円）を助成します。健診費用の助成は令和7年10月1日から開始します。詳細はホームページをご確認ください

乳幼児健診

問い合わせ

子ども政策課（三田市総合福祉保健センター2 階）

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Đối với các hộ gia đình có con sinh từ ngày 1/4/2025 trở đi, sẽ được trợ cấp toàn bộ chi phí khám sức khỏe cho trẻ 1 tháng tuổi (tối đa 6,000 yên). Việc trợ cấp chi phí khám sức khỏe sẽ bắt đầu từ ngày 1/10/2025. Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.

Khám sức khỏe tổng quát trẻ nhỏ

Khám sức khỏe tổng quát trẻ nhỏ

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

事業名/ Tên chương trình	受付時間/ Thời gian tiếp nhận	通知/ Thông báo	備考/ Ghi chú
4 か月児健康診査/ Khám sức khỏe tổng quát trẻ 4 tháng tuổi	12:45~13:45 日時、受付時間、人数を区切って、完全予約制で実施します。日時の厳守にご協力お願いいたします。	対象者には個別に通知いたします。 Chúng tôi sẽ gửi thông báo riêng đến từng người thuộc đối tượng khám.	母子健康手帳、問診票、バスタオルを持参。(健診までに、母子健康手帳の保護者欄に必要事項を必ず記入してください。) Mang theo Sổ tay sức khỏe mẹ và bé, Phiếu câu hỏi tầm soát, khăn bông. (Trước khi khám, gia đình phải điền đầy đủ các thông tin cần thiết vào cột người bảo hộ trong Sổ tay sức khỏe mẹ và bé.)
9 か月児健康診査 (9~10 か月児) / Khám sức khỏe tổng quát trẻ 9 tháng tuổi(Trẻ từ 9-10 tháng tuổi)	Để tránh tình trạng tập trung đông và hỗn loạn, chúng tôi thực hiện chế độ lấy hẹn, chia rõ thời gian khám và thời gian làm thủ tục lễ tân. Xin hãy hợp tác bằng việc tuân thủ đúng ngày giờ đã hẹn.		
1 歳 6 か月児健康診査/ Khám sức khỏe tổng quát trẻ 1 tuổi 6 tháng			
3 歳児健康診査/ Khám sức khỏe tổng quát trẻ 3 tuổi			母子健康手帳、問診票、目と耳に関するアンケート、尿 5cc、バスタオルを持参。(健診までに、母子健康手帳の保護者欄に必要事項を必ず記入してください。) Mang theo Sổ tay sức khỏe mẹ và bé, Phiếu câu hỏi tầm soát, Phiếu khảo sát về tai và mắt, 5 cc nước tiểu, khăn bông.

ブックスタート事業

問い合わせ

子ども政策課（三田市役所 2 階）

☎ 079-559-5079 FAX 079-563-3611

ブックスタートは、赤ちゃんと保護者に絵本を開く楽しい体験と絵本をプレゼントし、心ふれあうひとときをもつきっかけをつくる事業です。9 か月児健診の際に、絵本を1冊プレゼントしています。

乳児健康相談

問い合わせ

子ども政策課（三田市総合福祉保健センター2 階）

☎ 079-559-5701 FAX 079-559-5705

子どもの発達の様子や離乳食など、子育てに関する相談を行っています。

<とき> 年 8 回 金曜日 午前中(予約制)

Chương trình Book Start (tặng sách tranh cho trẻ sơ sinh)

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5079 Fax 079-563-3611

Chương trình Book Start là hoạt động nhằm trao tặng sách tranh cho trẻ sơ sinh và cha mẹ, đồng thời mang đến trải nghiệm vui vẻ khi cùng nhau mở sách, tạo cơ hội để có những khoảnh khắc gắn kết tình cảm. Mỗi bé sẽ được trao tặng 1 quyển sách tranh vào lúc khám sức khỏe 9 tháng tuổi

Tư vấn sức khỏe trẻ sơ sinh

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Chúng tôi thực hiện tư vấn về sự phát triển của trẻ, thức ăn dặm và các vấn đề liên quan đến nuôi dạy.

<Thời gian sử dụng> 8 lần/năm Thứ 6 Vào buổi sáng (theo lịch hẹn).

離乳食教室

問い合わせ

子ども政策課(三田市総合福祉保健センター2階)

☎ 079-559-5701 FAX 079-559-5705

栄養士による離乳食の講座です。(予約制)

離乳食の進め方の講話と保護者の試食があります。

＜対象＞3～6か月児

＜とき＞年4回 月曜日 午後

詳細は市広報「広報さんだ」及び市ホームページをご覧ください。

乳幼児の相談事業

問い合わせ

子ども政策課(三田市総合福祉保健センター2階)

☎ 079-559-5701 FAX 079-559-5705

子どもの成長に応じてさまざまな保健サービスなどを利用しましょう。

乳幼児相談・訪問

子どもの健やかな発育と保護者の育児に対する不安の解消を図ることを目的として電話や訪問による生活に即した相談・助言を行っています。

ふれあい教室

子育てに悩みのある1歳6か月から3歳までのお子さんと保護者を対象に親子遊びを中心とした教室を行っています。

子育て支援相談

子育て中の保護者の育児に関する不安や悩みなどについて心理士・保健師がお話を伺います。

ことばと育児の相談会

ことばが遅い、落ち着きがないなど、子どもの発育全般と育児に関する相談に応じます。

5歳児発達相談

今年度中に満5歳になられる幼児を対象に発達相談をしています。市内の所属保育施設または個別送付にてご案内します。

オンライン保健師・栄養士相談

育児や離乳食で悩みごとがある保護者や家族を対象に、保健師または栄養士がオンラインでご相談に応じます。

Lớp học nấu ăn dặm

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Đây là lớp học về ăn dặm do chuyên gia dinh dưỡng thực hiện (theo lịch hẹn).

Có bài giảng về cách tiến hành cho ăn dặm và có phần ném thử thức ăn dặm dành cho phụ huynh.

〈Đối tượng tham gia〉 Trẻ từ 3–6 tháng tuổi

〈Thời gian sử dụng〉 4 lần/năm Thứ 2 Buổi chiều

Chi tiết vui lòng tham khảo bản tin thành phố "bản tin Sanda" và trang web chính thức thành phố.

Chương trình tư vấn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Hãy sử dụng các dịch vụ y tế khác nhau phù hợp với sự trưởng thành của trẻ.

Tư vấn và thăm khám tại nhà cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

Với mục đích thúc đẩy sự phát triển khỏe mạnh của trẻ và giải tỏa nỗi lo nuôi dạy con của phụ huynh, chúng tôi thực hiện tư vấn và đưa ra lời khuyên phù hợp với đời sống thông qua điện thoại hoặc thăm nhà.

Lớp học gắn kết Fureai

Dành cho trẻ từ 1 tuổi 6 tháng đến 3 tuổi và phụ huynh đang gặp khó khăn trong việc nuôi dạy con, tổ chức các buổi học tập trung vào trò chơi tương tác giữa cha mẹ và trẻ.

Tư vấn hỗ trợ nuôi dạy trẻ

Chuyên gia tâm lý hoặc hộ lý sẽ lắng nghe những băn khoăn, lo lắng liên quan đến việc nuôi dạy con của phụ huynh.

Buổi tư vấn về ngôn ngữ và nuôi dạy trẻ

Tiếp nhận tư vấn về các vấn đề liên quan đến sự phát triển toàn diện của trẻ, chẳng hạn như trẻ chậm nói, trẻ hiếu động khó tập trung, v.v.

Tư vấn phát triển cho trẻ 5 tuổi

Chúng tôi thực hiện tư vấn phát triển cho trẻ sẽ tròn 5 tuổi trong năm học này. Thông báo sẽ được gửi thông qua cơ sở giáo dục mầm non mà trẻ đang theo học trong thành phố hoặc được gửi riêng đến từng gia đình. Đối với phụ huynh và gia đình đang gặp khó khăn hoặc có băn khoăn về việc nuôi dạy trẻ hay chế độ ăn dặm, nhân viên y tế hoặc chuyên gia dinh dưỡng sẽ hỗ trợ tư vấn trực tuyến.

Tư vấn trực tuyến với hộ lý/chuyên gia dinh dưỡng

Chúng tôi thực hiện tư vấn phát triển cho trẻ sẽ tròn 5 tuổi trong năm học này. Thông báo sẽ được gửi thông qua cơ sở giáo dục mầm non mà trẻ đang theo học trong thành phố hoặc được gửi riêng đến từng gia đình. Đối với phụ huynh và gia đình đang gặp khó khăn hoặc có băn khoăn về việc nuôi dạy trẻ hay chế độ ăn dặm, nhân viên y tế hoặc chuyên gia dinh dưỡng sẽ hỗ trợ tư vấn trực tuyến.

予防接種～子どもの健康を守るために～

問い合わせ

子ども政策課(三田市総合福祉保健センター2階)

☎ 079-559-5701 FAX 079-559-5705

かかりつけ医に相談して、予防接種の予定をきめましょう。乳幼児期の予防接種は、市内の実施医療機関で受けられます。くわしくは、「予防接種のてびき」をご覧ください。

Tiêm chủng định kỳ～Đề bảo vệ sức khỏe của trẻ～

Hỏi đáp

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Hãy trao đổi với bác sĩ gia đình để sắp xếp lịch tiêm chủng phù hợp. Các mũi tiêm phòng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ có thể được thực hiện tại các cơ sở y tế được chỉ định trong thành phố. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo “Sổ tay hướng dẫn tiêm chủng”.

おでかけしよう！

離乳食教室レポート！

「離乳食について心配はあるものの、初めての教室に行くのは少し緊張する・・・」「料理が苦手なのに手間のかかるものばかりを勧められるのでは・・・」といったような不安はありませんか？

「もうすぐ離乳食を始める時期だけれどどうすればよいかわからない」「料理が苦手、簡単にできる方法は？」「離乳食の硬さについて知りたい」など、離乳食に不安を持っている方が多数参加されていました。（お仕事復帰を予定の方、両親そろって参加の方も）

〈離乳食教室の流れ〉

1. お子さんの月齢や住んでいる地域など、簡単な自己紹介で始まり、離乳食についてのお話を聞きます。

その他、アレルギー発症時の具体的な対応方法についても話されていました。

2. 保護者向けの離乳食の試食タイム（だし汁・中期・後期）

3. 白身魚や野菜の初期～完了期の調理例の展示や便利グッズの紹介、少量の離乳食を用意するためのアイデア、ベビーフードや冷凍離乳食の紹介。

4. 最後は自由に質問タイム！栄養士さんが3名おり、内容問わず質問しやすい雰囲気。参加された親子さん同士でお話される姿もありましたよ。

〈編集委員の感想〉

・ひとりの栄養士さんが、参加者へ「赤ちゃんは可愛い？」と尋ねられていました。「離乳食が始まる時期は、夜泣きやグズグズが出てくる時期と重なるから、疲れがたまって赤ちゃんが可愛いと思えなくなるときもあるの。頑張りすぎないようにしてくださいね。」とお話されていて、一人目を育てていた頃の自分に伝えてあげたい～！と心の中で感涙しました。

・コロナ禍は中止されていたこの教室。実際私も約10年前に参加しました。令和5年度から「もぐもぐ期」「かみかみ期」と分けられていた教室をまとめ、離乳食期を通して学ぶことができます。内容も赤ちゃんを育てる家庭に寄り添った内容で、離乳食へのハードルが下がるものでした。一人目はもちろん、二人目、三人目の離乳食期で少しでも不安のある方もぜひ参加をおすすめします！

Cùng ra ngoài nào!

Báo cáo về Lớp học nấu ăn dặm

Bạn có gặp phải những lo lắng như:

“Tôi lo lắng về việc ăn dặm nhưng lại cảm thấy hơi căng thẳng khi lần đầu tham gia lớp học...”

“Tôi không giỏi nấu ăn, không biết liệu có bị khuyên làm toàn những món cầu kỳ, tốn công không...”

Có nhiều phụ huynh tham gia lớp học vì đã có những lo lắng như:

“Sắp đến thời điểm bắt đầu cho bé ăn dặm nhưng không biết nên làm thế nào.”

“Tôi không giỏi nấu ăn, có cách nào đơn giản hơn không?”

“Tôi muốn biết độ mềm/cứng phù hợp của thức ăn dặm.”

(Ngoài ra còn có cả những phụ huynh dự định đi làm trở lại, hoặc cả hai vợ chồng cùng tham gia lớp học.)

〈Quy trình lớp học ăn dặm〉

1. Bắt đầu bằng phần giới thiệu ngắn gọn như tháng tuổi của trẻ và khu vực cư trú, sau đó là phần nghe hướng dẫn về ăn dặm.

Ngoài ra, lớp học cũng đề cập đến cách xử lý cụ thể khi trẻ xuất hiện triệu chứng dị ứng.

2. Thời gian ném thử món ăn dặm dành cho phụ huynh (Nước dùng dashi – giai đoạn giữa – giai đoạn sau)

3. Tại lớp học có trưng bày mẫu chế biến cá thịt trắng và rau củ từ giai đoạn đầu đến giai đoạn hoàn tất ăn dặm, giới thiệu các dụng cụ tiện ích, chia sẻ ý tưởng chuẩn bị khẩu phần ăn dặm với số lượng nhỏ, cũng như giới thiệu thức ăn dặm đóng sẵn và thức ăn dặm đông lạnh.

4. Cuối buổi là thời gian đặt câu hỏi tự do. Có 3 chuyên gia dinh dưỡng tham gia, tạo không khí cởi mở để phụ huynh dễ dàng đặt câu hỏi về bất kỳ nội dung nào.

Cũng có thể thấy các cặp cha mẹ và con cùng tham gia trò chuyện, giao lưu với nhau.

〈Cảm tưởng của ủy viên ban biên tập〉

- Một chuyên gia dinh dưỡng đã hỏi những người tham gia: “Các bạn có thấy bé yêu của mình dễ thương không?” Cô chia sẻ rằng, “Thời điểm bắt đầu ăn dặm cũng trùng với giai đoạn bé hay quấy khóc về đêm và dễ cáu gắt, vì vậy sự mệt mỏi tích tụ có thể khiến có lúc bạn không còn cảm thấy con thật sự đáng yêu nữa. Vì thế, xin đừng cố gắng quá sức nhé.” Nghe những lời đó, tôi đã xúc động đến rơi nước mắt trong lòng và nghĩ rằng: “Giá mà khi nuôi đứa con đầu lòng, mình cũng được ai đó nói với mình những điều này...”
- Lớp học này đã từng bị tạm ngừng trong thời gian dịch COVID. Thực tế, tôi cũng đã từng tham gia vào khoảng 10 năm trước. Từ năm 2023, khi các lớp trước đây được chia thành hai giai đoạn là "giai đoạn nhai nhẹ" và "giai đoạn nhai kỹ" được gộp lại, giúp phụ huynh có thể học xuyên suốt toàn bộ thời kỳ ăn dặm. Nội dung lớp học cũng được xây dựng theo hướng gần gũi với các gia đình đang nuôi con nhỏ, giúp giảm bớt áp lực và lo lắng đối với việc cho trẻ ăn dặm. Không chỉ những người nuôi con đầu lòng, mà ngay cả với con thứ hai, thứ ba, nếu còn chút băn khoăn nào trong giai đoạn ăn dặm, tôi cũng rất khuyến khích mọi người tham gia.

こどもからの相談もOK！三田市子ども家庭センター(すべての妊産婦・子育て世帯・こどものための総合相談窓口)

「母子保健」の視点と「児童福祉」の視点、両相談機能が各々の専門性を活かしつつ連携を行い、それぞれの家庭に寄り添ったきめの細かい切れ目のない相談支援を行い、子育てをサポートします。

三田市における「母子保健」と「児童福祉」の相談機能は、下記のとおりです。

「母子保健」

・チャッピー子育て支援センター

・チャッピーサポートセンター(妊娠・出産・子育ての総合相談窓口)

「児童福祉」

・家庭児童相談室(子どもに関する相談窓口)

・青少年育成センター(青少年の悩み相談窓口)

〈例えばこんなお悩み〉

・同年代に比べて、発達がゆっくりな気がする

・妊娠中や産後のサポートや制度について知りたい

・幼稚園や学校への行き渋りがあって心配

・子育てでイライラすることが多い。このままでいいのかな？

・子どもの偏食が心配

・家族とトラブルがあり精神的につらい など

〈相談方法〉

来所相談、電話相談、メール相談 お気軽にご相談ください！

必要に応じて家庭訪問も可

チャッピーサポートセンター

チャッピーサポートセンターの方にお話をお伺いしました。

子育て支援員と、子育てひろばで一緒に楽しく過ごしながら、お子さんのことを気軽に話でき、希望があれば、相談内容に応じた専門機関の紹介もして下さるそうです。

〈子育て支援員コメント〉

子育て交流ひろばに遊びに来たついでに、継続して話できるので、お子さんの成長と一緒に見守りましょう。インターネットや育児書などで、たくさん情報が溢れていますが、お子さんに合った子育ての方法と一緒に見つけましょう。個別に話できるお部屋もあります。お子さんと一緒に来てくださいね。

・フラワーチャッピーサポートセンター

☎ 079-553-8003 Fax 079-562-8422

火曜日～土曜日 9:30～17:00

・ウッドイタウンチャッピーサポートセンター

ウッドイタウン市民センター2階

☎ 079-550-9116

月曜日～金曜日 9:00～17:00

Trẻ em cũng có thể tham gia nhận tư vấn! Trung tâm gia đình trẻ em thành phố Sanda (Cửa sổ tư vấn tổng hợp dành cho mọi sản phụ, hộ gia đình nuôi con và trẻ em).

Các dịch vụ tư vấn kết hợp cả góc nhìn “Sức khỏe mẹ và bé” và “Phúc lợi trẻ em”, vừa tận dụng và phát huy tính chuyên môn của mỗi lĩnh vực, vừa có sự phối hợp chặt chẽ, nhằm cung cấp tư vấn chi tiết, liên tục và sát với từng gia đình, hỗ trợ quá trình nuôi dạy trẻ.

Chức năng tư vấn về "Sức khỏe mẹ và bé" và "Phúc lợi trẻ em" tại thành phố Sanda như sau:

“Sức khỏe mẹ và bé”

● Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ Chappy

● Trung tâm hỗ trợ Chappy (quầy tư vấn tổng hợp về mang thai, sinh nở và nuôi dạy trẻ)

“Phúc lợi trẻ em”

● Phòng tư vấn trẻ em trong gia đình (Quầy tư vấn các vấn đề liên quan đến trẻ em).

● Trung tâm Phát triển Thanh thiếu niên (Quầy tư vấn nỗi lo của thanh thiếu niên).

〈Ví dụ về những băn khoăn thường gặp〉

● Cảm thấy bé phát triển chậm hơn so với các bạn cùng lứa.

● Muốn biết về các hỗ trợ và chế độ trong khi mang thai hoặc sau sinh.

● Lo lắng vì bé không muốn đi nhà trẻ hoặc đi học.

● Hay bực bội, căng thẳng trong quá trình nuôi con. Liệu tình trạng này có ổn không?

● Lo lắng về tình trạng kén ăn của trẻ.

● Có rắc rối với gia đình và đang gặp khó khăn về tinh thần, v.v.

〈Phương thức tư vấn〉

Tư vấn trực tiếp tại cơ quan, tư vấn qua điện thoại, tư vấn qua email. Vui lòng liên hệ và trao đổi với chúng tôi bất cứ lúc nào! Trong trường hợp cần thiết, chúng tôi cũng có thể thực hiện thăm gia đình.

Trung tâm hỗ trợ Chappy

Chúng tôi đã trao đổi trực tiếp với nhân viên Trung tâm hỗ trợ Chappy.

Phụ huynh có thể vừa cùng nhân viên hỗ trợ nuôi dạy trẻ và tham gia không gian sinh hoạt dành cho cha mẹ – trẻ em, vừa thoải mái trò chuyện về những vấn đề liên quan đến con mình trong bầu không khí gần gũi, thân thiện. Nếu có nhu cầu, trung tâm cũng sẽ giới thiệu các cơ quan chuyên môn phù hợp tùy theo nội dung tư vấn.

〈Chia sẻ từ Nhân viên hỗ trợ nuôi dạy trẻ〉

Nhân dịp đưa trẻ đến vui chơi tại Không gian giao lưu nuôi dạy trẻ, phụ huynh có thể trao đổi với chúng tôi một cách thường xuyên và liên tục để cùng nhau theo dõi và đồng hành trong quá trình trưởng thành của bé. Hiện nay có rất nhiều thông tin về việc nuôi dạy con tràn ngập trên Internet và trong sách hướng dẫn, tuy nhiên, điều quan trọng nhất vẫn là tìm ra phương pháp phù hợp với chính con của bạn. Chúng tôi sẵn sàng cùng bạn tìm kiếm và xây dựng cách nuôi dạy phù hợp nhất.

Trung tâm cũng có phòng riêng để trao đổi cá nhân khi cần.

Hãy đưa bé đến cùng bạn nhé.

・ Flower Town Trung tâm hỗ trợ Chappy

☎ 079-553-8003 Fax 079-562-8422 Thứ3～Thứ7 9:30～17:00

・ Woody Town Trung tâm hỗ trợ Chappy

Trung tâm cộng đồng Woody Town Tầng 2 ☎ 079-550-9116 Thứ2～Thứ6 9:00～17:00

参加しませんか？ペアレントトレーニング～いらいらしない子育て講座～

ダメだとわかっているけど、気が付けば怒ってばかり・・・

子育てのこんな悩みはありませんか？

大人もそうですが、関係性の悪い人の話は、どんないい話でもなかなか素直に受け取れないものです。

ペアレントトレーニングとは、子どもとの良い関係を作るために、良い関わり方を学びながら、日常の子育ての困りごとを解消し、楽しく子育てができるよう支援する保護者向けのプログラムです。

子育てのちょっとしたコツを学び、イライラする子育てから笑顔あふれる楽しい子育てに変えていきましょう！

〈対象児童〉

赤ちゃんから中・高生くらいまで、年齢に応じたコツを学べます。これから赤ちゃんを迎えるプレパパ・プレママも大歓迎

〈回数〉

1～5回程度。希望に合わせて調整可能

〈場所〉

市役所・自宅・派遣も可能

〈受講人数〉

個別・グループ・団体でもOK！

〈費用〉

無料

問い合わせ：子ども家庭課 家庭児童相談室

☎ 079-559-5076(平日9:00～16:30)

Bạn có muốn tham gia không? Khóa học Huấn luyện Phụ huynh “Nuôi dạy con không cấu gắt”

Dù biết là không nên, nhưng rồi lại vô tình quát mắng con...

Bạn có đang gặp những băn khoăn như thế trong việc nuôi dạy con không?

Không chỉ trẻ em mà ngay cả người lớn cũng vậy, khi mối quan hệ không tốt thì dù lời khuyên có hay đến đâu cũng khó có thể tiếp nhận một cách tích cực.

Huấn luyện phụ huynh là chương trình dành cho cha mẹ, nhằm giúp xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với con cái. Thông qua việc học cách tương tác phù hợp, chương trình hỗ trợ giải quyết những khó khăn thường gặp trong cuộc sống nuôi dạy con hằng ngày, từ đó giúp việc nuôi dạy con trở nên nhẹ nhàng và vui vẻ hơn.

Hãy cùng học những “bí quyết nhỏ” trong nuôi dạy con, để biến việc nuôi con đầy căng thẳng thành hành trình tràn ngập nụ cười!

〈Đối tượng〉

Chương trình cung cấp nội dung phù hợp theo từng độ tuổi, từ trẻ sơ sinh đến học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Cũng rất hoan nghênh các cặp cha mẹ tương lai đến tham gia.

〈Số buổi〉

Khoảng 1 đến 5 lần. Có thể điều chỉnh theo nguyện vọng. Địa điểm tổ chức có thể thực hiện tại.

〈Địa điểm〉

Tòa thị chính, tại nhà riêng, hoặc cứ người đến nơi yêu cầu đều được.

〈Số lượng người tham gia khóa học〉

Cá nhân, nhóm nhỏ hoặc đoàn thể đều OK!

〈Chi phí〉

Miễn phí

Hỏi đáp : Phòng Trẻ em và Gia đình Phòng tư vấn gia đình trẻ em.

☎ 079-559-5076 (các ngày trong tuần9:00～16:30)

プレ・パパママ教室レポート！

プレ・パパママ教室は現在、年9回開催しており、定員は12組で参加費は無料です。参加人数の多い時は3部に分けて実施しており、保健師、助産師、歯科衛生士の話聞くことができます。

1. 沐浴指導

パパが主となり、新生児の抱き方、身体のどこから洗うか、沐浴に適する時間帯等、丁寧に教えてくださいます。

実際に体験されたプレパパは、赤ちゃんの人形を使って丁寧に沐浴を実践し、プレママも「良かったです！」と安堵した様子でした。

また沐浴後の授乳の話では、赤ちゃんが産まれて間もない間は、授乳のタイミングがあわない時もあるけど少しずつコツをつかめてくるのと、優しいお声かけがありました。

2. 助産師による話

・妊娠期における困りごとや気をつけること(足のつり、妊娠線予防、体重管理、お腹が張った時の呼吸法)

・陣痛の間隔の話

・産後に起こりうること(骨盤のゆがみや身体の不調だけでなく、慣れない育児によるストレスからのマタニティーブルー、産後うつについて)

・新生児訪問や産後ケアについて(積極的な利用を勧められていました)

3. 歯科衛生士の話

・妊娠中に口腔で気をつけること

・つわりで歯磨きがつらい時について(香りの少ない歯磨き粉にする、ヘッドの小さいものにする、前かがみで歯磨きをする等)

〈編集委員の感想〉

赤ちゃんが産まれると、暫くは歯医者に通いづらくなるので、妊娠期のうちに歯科検診、ケアを受けることが大切だと思いました。また、パパ自身で沐浴を実践してみることや、助産師さんから具体的なお産の進め方の話を聞くことで、生まれる前からパパ、ママとしての自覚が芽生える手助けになると思いますので、是非皆さんにも参加してみてください！

Báo cáo về lớp học cho cha mẹ tương lai!

Hiện nay, lớp học dành cho cha mẹ tương lai được tổ chức 9 lần mỗi năm, với số lượng tối đa 12 cặp/mỗi buổi và hoàn toàn miễn phí. Khi số lượng đăng ký đông, lớp sẽ được chia thành 3 phần để đảm bảo chất lượng. Người tham gia sẽ được lắng nghe chia sẻ từ cán bộ y tế, hộ sinh và nhân viên vệ sinh răng miệng.

1. Hướng dẫn tắm cho trẻ sơ sinh

Người cha sẽ đóng vai trò chính và được hướng dẫn cẩn thận về cách bế trẻ sơ sinh, thứ tự tắm - nên bắt đầu rửa từ bộ phận nào trên cơ thể, cũng như thời điểm thích hợp để tắm cho bé.

Các ông bố tương lai đã trực tiếp thực hành tắm cho bé bằng búp bê mô phỏng trẻ sơ sinh một cách tỉ mỉ. Các bà mẹ tương lai cũng bày tỏ sự nhẹ nhõm và chia sẻ rằng: “Thật tốt quá!”

Ngoài ra, trong phần trao đổi về việc cho con bú sau khi tắm, các chuyên viên cũng nhẹ nhàng giải thích rằng trong thời gian đầu sau sinh, có thể sẽ có lúc chưa điều chỉnh được thời điểm cho bú phù hợp, nhưng dần dần cha mẹ sẽ quen và nắm bắt được nhịp điệu phù hợp

2. Chia sẻ từ hộ sinh

● Những khó khăn có thể gặp phải trong thời kỳ mang thai và các điểm cần lưu ý

● Chuột rút ở chân, phòng ngừa rạn da, quản lý cân nặng, cách thở khi bụng bị căng cứng (Giải thích về khoảng cách giữa các cơn đau chuyển dạ)

● Những vấn đề có thể xảy ra sau sinh (không chỉ là lệch khung chậu hay các vấn đề về thể chất, mà còn bao gồm tình trạng “maternity blues” do căng thẳng vì chưa quen với việc chăm sóc con, và trầm cảm sau sinh)

● Thông tin về thăm khám trẻ sơ sinh tại nhà và dịch vụ chăm sóc sau sinh (khuyến khích phụ huynh tích cực sử dụng các dịch vụ này)

3. Chia sẻ từ chuyên viên vệ sinh răng miệng

Những điều cần chú ý đối với khoang miệng khi mang thai.

Khi bị ốm nghén khiến việc đánh răng trở nên khó khăn (Sử dụng kem đánh răng có mùi nhẹ hoặc ít mùi, chọn bàn chải có đầu nhỏ, đánh răng trong tư thế hơi cúi người về phía trước để giảm cảm giác buồn nôn.v..v

〈Cảm tưởng của ủy viên ban biên tập〉

Khi em bé chào đời, việc đến nha sĩ sẽ trở nên khó khăn trong một thời gian, vì vậy tôi nghĩ rằng việc khám và chăm sóc răng miệng ngay trong thời kỳ mang thai là rất quan trọng. Ngoài ra, việc người cha trực tiếp thực hành tắm cho bé, cũng như nghe hộ sinh chia sẻ cụ thể về quá trình sinh nở, sẽ giúp cả cha và mẹ dần hình thành ý thức và sự chuẩn bị cho vai trò làm cha, làm mẹ ngay từ trước khi em bé ra đời. Vì vậy, tôi rất mong mọi người hãy thử tham gia chương trình này.

市内の子育て交流ひろば

三田市には妊娠期から就学前の子育て中の親子が気軽に立ち寄り、遊びなどを通じて交流を深めることができるひろばが4か所あります。

気軽に相談もでき、情報交換や、親子でリフレッシュできる場です。

多世代交流館ふらっと

三田市が運営するひろばです。とても広くて、調理室などの設備もあります。

フラワーチャッピーサポートセンターが開設されました。

「多世代交流館ふらっと」は、世代を超えたさまざまな人が気軽に立ち寄れる場所です。子育て交流ひろばでは主に就学前の子どもとその家族、また、シニア・ユースひろばでは中高生など若い世代、シニア世代などが気軽に集うことのできる交流拠点となることをめざしています。

多世代交流館 ふらっと 子育て交流ひろば

弥生が丘 1-1-2 2階

フラワータウン市民センター

武庫が丘 7-3-1(毎月第2水曜日休館)

月曜日、祝日、12/28~1/4 休み

☎ 079-562-8421 Fax 079-562-8422

1階に赤ちゃんの駅授乳室があります。



©Fumira

Các không gian giao lưu nuôi dạy trẻ trong thành phố

Tại Thành phố Sanda có 4 không gian giao lưu dành cho các gia đình đang nuôi con từ giai đoạn mang thai đến trước tuổi đi học. Đây là nơi cả cha mẹ và con trẻ có thể thoải mái ghé thăm, vui chơi và tăng cường giao lưu thông qua các hoạt động khác nhau. Đây là nơi mà phụ huynh có thể dễ dàng trao đổi, chia sẻ thông tin và cùng con thư giãn, tái tạo năng lượng.

Trung tâm giao lưu đa thế hệ "Furatto"

Đây là các cơ sở do Thành phố Sanda quản lý và vận hành. Không gian rộng rãi, được trang bị đầy đủ tiện nghi như phòng nấu ăn, v.v. Ngoài ra, Trung tâm Hỗ trợ Flower Chappy cũng đã được thành lập.

"Trung tâm giao lưu đa thế hệ Furatto" là nơi mọi người thuộc nhiều thế hệ khác nhau có thể thoải mái ghé thăm.

Tại khu giao lưu nuôi dạy Trẻ, chủ yếu dành cho trẻ trước tuổi đi học và gia đình của các em.

Còn tại Không gian giao lưu dành cho người cao tuổi và thanh thiếu niên, hướng đến việc trở thành điểm giao lưu nơi học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông, thanh niên và người cao tuổi có thể dễ dàng tụ họp.

Trung tâm giao lưu đa thế hệ "Furatto" Khu giao lưu nuôi dạy trẻ
Yayoigaoka 1-1-2 tầng 2.

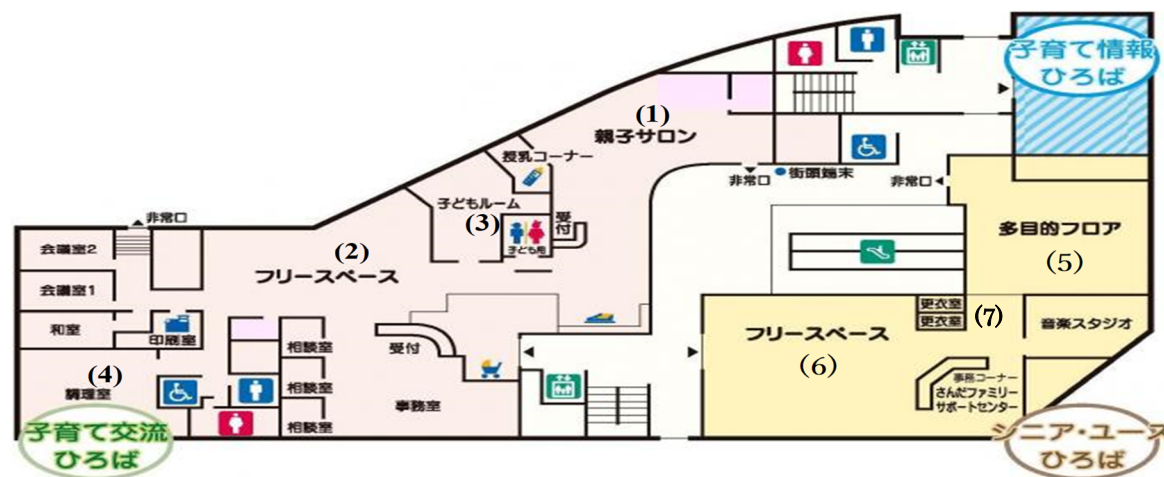
Trung tâm cộng đồng Flower Town

Mukogaoka 7-3-1.

Nghỉ: Thứ Hai, ngày lễ, 28/12 ~ 4/1.

☎ 079-562-8421 Fax 079-562-8422

Có phòng cho bú "Trạm dừng chân cho bé" ở tầng 1.



自由なあそびをとおして、子どもや親同士の交流を育みます。

- ▶0歳のひろば・1歳のひろば他、いろいろな年齢があつまるひろばを開催します。
- ▶おさんぽふらっと(毎週水曜日 10:00~11:00 人と自然の博物館エントランスホール前芝生広場)

相談や情報提供など子育て支援をコーディネートします。

- ▶電話、面接による相談に応じます。
- ▶市ホームページ・ふらっ子通信・子育て交流ひろばの掲示板などを通じて、子育て情報を提供しています。

子育てに関する啓発や、子育て支援活動を推進します。

- ▶子育て交流ひろばのボランティアを養成(事業の企画・運営などに活躍中)。

子育てグループ

子育て中の親が孤立せず、安心してたのしく子育てできるよう、子育てグループの育成・支援をしています。

子育ての悩みを聞いてくれる友達がほしい、集まる場がほしい。そう考えているあなた、一緒に参加しませんか。アレルギーなどの子どもをもつ親の会(にんじんの会)・多胎児を持つ親の会(TWINS)など特色のあるグループもあります。

シニア・ユースひろば

どなたでもご利用いただけるフリースペースがあり飲食もできます。ベビーチェア完備。三田市社会福祉協議会の子育て支援事業として、ファミリーサポートセンター、こんにちは赤ちゃん事業、ひとり親世帯つながり事業、子育てグループ・サロン助成などを行っています。

おでかけふらっと

「ふらっと」が地域の市民センターなどに出向き「子育てひろば」を実施します。チャッピーサポートセンタースタッフも参加します。
※子どもや子育てに関する支援を専門とする主任児童委員も参加しています。

Thông qua các hoạt động vui chơi tự do, chúng tôi tạo điều kiện để trẻ em và phụ huynh giao lưu, kết nối với nhau.

- ▶Có các không gian sinh hoạt theo độ tuổi như “Khu vui chơi dành cho trẻ 0 tuổi”, “Khu vui chơi dành cho trẻ 1 tuổi”, ngoài ra còn có các buổi giao lưu dành cho nhiều độ tuổi khác nhau.
- ▶Đi dạo Furatto (Mỗi Thứ Tư 10:00~11:00 tại thăm có trước sảnh Bảo tàng Con người và Thiên nhiên).

Chúng tôi điều phối các dịch vụ hỗ trợ nuôi dạy trẻ như tư vấn và cung cấp thông tin.

- ▶Hỗ trợ tư vấn qua điện thoại hoặc trực tiếp.
- ▶Thông tin liên quan đến nuôi dạy trẻ được cung cấp thông qua trang thông tin điện tử của thành phố, bản tin Furakko và bảng thông báo tại các khu giao lưu nuôi dạy trẻ, v.v.

Chúng tôi thúc đẩy các hoạt động nâng cao nhận thức về nuôi dạy con và các hoạt động hỗ trợ gia đình.

- ▶Đào tạo tình nguyện viên cho các không gian giao lưu nuôi dạy trẻ (hiện đang tích cực tham gia vào việc lập kế hoạch và vận hành các chương trình).

Nhóm nuôi dạy trẻ

Chúng tôi hỗ trợ và phát triển các nhóm nuôi dạy trẻ nhằm giúp các bậc phụ huynh đang nuôi con không cảm thấy cô lập, có thể yên tâm và vui vẻ trong quá trình chăm sóc, nuôi dạy con. Nếu bạn muốn có bạn bè để chia sẻ những băn khoăn khi nuôi con hoặc muốn có nơi để gặp gỡ, hãy tham gia cùng chúng tôi. Ngoài ra còn có các nhóm mang tính đặc thù như:

Nhóm phụ huynh có con bị dị ứng (Nhóm “Ninjin”). Nhóm phụ huynh có con sinh đôi, sinh ba... (TWINS)

Không gian giao lưu dành cho người cao tuổi và thanh thiếu niên

Có không gian sinh hoạt tự do mà bất kỳ ai cũng có thể sử dụng, đồng thời cũng cho phép ăn uống tại đây. Trang bị đầy đủ ghế dành cho trẻ nhỏ.

Như một phần của các hoạt động hỗ trợ nuôi dạy con do Hội xã hội thành phố Sanda tổ chức, nơi đây triển khai: Trung tâm Hỗ trợ Gia đình, chương trình “Xin chào em bé”, kết nối các gia đình đơn thân, hỗ trợ nhóm nuôi dạy con và các salon cộng đồng.

Chương trình Lưu động "Furatto"

“Furatto” sẽ đến các trung tâm sinh hoạt cộng đồng trong khu vực để tổ chức “Không gian giao lưu nuôi dạy trẻ”.

Nhân viên của Trung tâm Hỗ trợ Chappy cũng tham gia.

※Ủy viên Nhi đồng chủ chốt chuyên phụ trách hỗ trợ liên quan đến trẻ em và nuôi dạy trẻ cũng tham gia hỗ trợ.

ウッディ子育て交流ひろば

子育て中の親子(主に就学前)が集える遊びのひろばです。子育て支援の専門機関や市民活動団体などが運営しています。

※利用者が多数の場合、入場をお断りすることがあります。

運営団体

- ・地域子育て支援センター
- ・特定非営利活動法人 保育ネットワーク・ミルク
- ・シルバー人材センター「子育てカンガルー」
- ・子育て支援 ほっとHot

- ・館内に図書分館があり、図書やイベントなどをご利用いただけます。
- ・テラスに芝生ひろばがあり青空の下、芝生を活かしたあそびができます！
- ・引っ越ししてきてお友達が欲しくて…。でもここに来て不安な気持ちをスタッフに聞いてもらってホッとしました。
- ・ただ遊ばせるだけでなく、スタッフが声をかけてくださるので安心できました。天候に関係なく遊びに来られるし私自身も子育てに煮詰まっていたので気分転換できました！
- ・運営団体それぞれのプログラムやカラーがあって、日によって違う雰囲気を味わえますよ！！

里帰り出産で帰ってきている人や市外から遊びに来ている人もいます。保護者が子どもを通じて交流したり、情報交換したり、親子でリフレッシュできる場になっています。

Woody Khu giao lưu nuôi dạy trẻ

Đây là không gian vui chơi dành cho các bậc phụ huynh đang nuôi con nhỏ (chủ yếu là trẻ em trước độ tuổi đi học) có thể đến giao lưu và vui đùa. Không gian này được vận hành bởi các cơ quan chuyên trách hỗ trợ nuôi dạy trẻ, các tổ chức cộng đồng v.v.

※ Trong trường hợp quá đông người sử dụng, chúng tôi có thể từ chối tiếp nhận.

Đơn vị vận hành:

- Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ địa phương
 - Tổ chức phi lợi nhuận đặc thù, Mạng lưới chăm sóc trẻ - Milk (Hoiku Network - Milk)
 - Trung tâm Nhân lực cao tuổi "Kangaroo nuôi dạy trẻ"
 - Hỗ trợ nuôi dạy trẻ - Hot Hot
-
- Trong tòa nhà có thư viện chi nhánh, bạn có thể sử dụng sách và tham gia các sự kiện.
 - Trên sân hiên có khu vui chơi bãi cỏ, nơi trẻ em có thể vui chơi ngoài trời dưới bầu trời trong xanh!
 - Vừa mới chuyển đến đây nên muốn có bạn bè... Nhưng khi đến đây, tôi đã chia sẻ những lo lắng của mình với các nhân viên và cảm thấy nhẹ nhõm.
 - Không chỉ để trẻ được tự do vui chơi, mà các nhân viên còn chủ động trò chuyện và quan tâm, khiến tôi cảm thấy yên tâm. Dù thời tiết thế nào cũng có thể đến chơi, và bản thân tôi cũng được giải tỏa căng thẳng trong quá trình nuôi con.
 - Mỗi đơn vị vận hành đều có chương trình và phong cách riêng, nên bạn có thể trải nghiệm những không khí khác nhau tùy theo từng ngày!

Có những phụ huynh về quê sinh con hoặc đến từ ngoài thành phố để vui chơi tại đây.

Không gian này trở thành nơi mà phụ huynh có thể giao lưu, trao đổi thông tin và cùng con trẻ thư giãn, nghỉ ngơi.

地域子育て支援センター みな・とっちひろば

子育ての仲間づくりや親子で楽しめるプログラムがいろいろと用意されています。子育てについての不安や疑問などの相談にも応じてくれます。

問い合わせ

運営団体 学校法人湊川相野学園 湊川短期大学

四ツ辻 1430

☎ 079-560-7109 FAX 079-560-7204

Mail hiroba@live.minatogawa.ac.jp

HP 湊川短期大学 みな・とっちひろば

月～金曜日 10:00～16:00/土曜日(月 2 回) 9:30～14:30

ようこそ、みな・とっちひろばへ

お庭で外遊びもできます。夏の水遊びは大好評！学食。図書館も利用できます。

こんなプログラムがあります。

子育て応援団

人形劇、運動遊びなど毎月違う活動を楽しみます。

子育てグループ「ふたば」

同じメンバーで集まります。茶道体験やリトミック等の活動を通して仲間づくりをサポートします。

子育てあいあい講座

短大教員が子育てに役立つお話や実践を行います。

一緒にあそぼう

手遊び・おはなし・ダンスなどみんなで一緒にあそびましょう。

Trung tâm hỗ trợ nuôi dạy trẻ khu vực, Không gian giao lưu Mina-tocchi

Tại đây có nhiều chương trình phong phú giúp phụ huynh kết nối với nhau và cùng con tham gia các hoạt động vui chơi. Đồng thời, trung tâm cũng hỗ trợ tư vấn những lo lắng và thắc mắc trong quá trình nuôi dạy trẻ.

Hỏi đáp

Đơn vị vận hành : Đơn vị quản lý Trường đại học ngắn hạn Minatogawa, Tập đoàn Giáo dục Minatogawa Aino Gakuen Địa chỉ: Yotsutsuji 1430.

☎ 079-560-7109 FAX 079-560-7204

Mail hiroba@live.minatogawa.ac.jp

web của Đơn vị quản lý Trường đại học ngắn hạn Minatogawa, Tập đoàn Giáo dục Minatogawa Aino Gakuen Không gian giao lưu Mina-tocchi

Thứ 2～Thứ 5 10:00～16:00/ Thứ 6 (2 lần/tháng) 9:30～14:30

Chào mừng bạn đến với Không gian giao lưu Mina-tocchi

Có thể vui chơi ngoài sân vườn, và các hoạt động chơi với nước mùa hè cũng rất được yêu thích! Bạn cũng có thể sử dụng căn tin và thư viện của trường.

Các chương trình bao gồm:

Nhóm hỗ trợ nuôi dạy con

Các hoạt động hàng tháng như: múa rối, trò chơi vận động, v.v.

Nhóm nuôi dạy trẻ “Futaba”

Các thành viên gặp gỡ theo một nhóm cố định. Thông qua các hoạt động như trải nghiệm trà đạo, nhạc vận động, v.v, nhóm hỗ trợ việc kết nối và xây dựng mối quan hệ bạn bè giữa các phụ huynh.

Khóa học Ai-ai về nuôi dạy trẻ

Các giảng viên của cao đẳng ngắn hạn sẽ chia sẻ những kiến thức và thực hành hữu ích cho việc nuôi dạy trẻ.

Cùng nhau vui chơi

Cùng nhau tham gia các trò chơi bằng tay, kể chuyện, nhảy múa và các hoạt động vui chơi khác.

駅前子育て交流ひろば

▶親子で参加

▶夫婦で参加

▶一時保育付き講座あり

プレマプレパパ、産後、子育てとあらゆるニーズに沿った講座・イベント開催中

※詳細は三田市ホームページ、駅前ひろば Facebook をご覧ください。

運営団体

特定非営利活動法人 保育ネットワーク・ミルク

駅前町 2-1 キッピーモール 6F 幼児室

☎ 079-556-5230 FAX 079-556-5231

Mail: ekimaekosodate@solid.ocn.ne.jp

火・水・木・日曜日 10:00～17:30

経験豊かな保育スタッフが常駐してお待ちしています！

Khu giao lưu nuôi dạy trẻ em trước ga

▶ Tham gia cùng con

▶ Tham gia cùng vợ/chồng

▶ Một số khóa học có dịch vụ trông trẻ tạm thời.

Các khóa học và sự kiện được tổ chức phù hợp với mọi nhu cầu: cha mẹ tương lai, sau sinh, nuôi dạy trẻ.

※Xem chi tiết trên trang web thành phố Sanda hoặc Facebook không gian trước ga.

Đơn vị vận hành :

Mạng lưới chăm sóc trẻ - Milk (Hoiku Network - Milk)

Địa chỉ: Ekimae-cho 2-1 Kippi Mall 6F Phòng nhi đồng.

☎ 079-556-5230 FAX 079-556-5231

Mail: ekimaekosodate@solid.ocn.ne.jp

Thứ 3, Thứ 4, Thứ 5, Chủ Nhật 10:00～17:30

Các nhân viên nuôi dạy trẻ giàu kinh nghiệm luôn túc trực để hỗ trợ.

毎月開催しています。

専門員による子育て相談

〈開催日時〉月 3 回 14:00～16:00

親子であそぼう

〈開催日時〉月 2 回 11:00～11:20

身長体重測定日

〈開催日時〉第 2 日・火・水・木 10:00～17:00

ミルクサポひろば(企画ミルクサポーターズ)

〈開催日時〉第 3 水曜日 10:00～12:00

・つくってあそぼう

・思い出バトンタッチ

マタニティ Day

〈開催日時〉第 3 木曜日 11:30～12:00

※変更の場合あり・電話予約可能です

絵本のよみきかせ

〈開催日時〉第 4 火曜日 11:00～11:30

助産師相談

〈開催日時〉月 1 回 10:00～11:30

ランチスペース

〈開催日時〉12:00～13:00

Tổ chức hàng tháng.

Tư vấn nuôi dạy trẻ bởi chuyên viên

〈Ngày giờ〉 3 lần/tháng 14:00～16:00

Hãy cùng nhau chơi nào, cả gia đình

〈Ngày giờ〉 2 lần/tháng 11:00～11:20

Ngày đo chiều cao và cân nặng

〈Ngày giờ〉 Chủ Nhật thứ 2 trong tháng, Thứ Ba, Tư, Năm 10:00～17:00

Không gian Miru Sapo (Lập kế hoạch Milk Supporters.)

〈Ngày giờ〉 thứ 4 của tuần thứ 3 10:00～12:00

・ Cùng làm và chơi nào.

・ Chia sẻ kỷ niệm

Ngày dành cho mẹ bầu

〈Ngày giờ〉 thứ 5 của tuần thứ 3 11:30～12:00

※Ngày tổ chức có thể thay đổi - có thể đặt chỗ qua điện thoại.

Đọc sách tranh cho bé

〈Ngày giờ〉 thứ 2 của tuần thứ 4 11:00～11:30

Tư vấn bởi hộ sinh

〈Ngày giờ〉 1 lần/tháng 10:00～11:30

Khu vực ăn trưa

〈Ngày giờ〉 12:00～13:00

地域子育て支援推進事業

市立幼稚園・認定こども園地域子育て支援推進事業

市立幼稚園・認定こども園では、就園前の乳幼児と一緒に遊び、子育て中の保護者同士が仲間の輪を広げられるよう、子育て支援推進事業を実施しています。各園において、乳幼児の体験活動や親子活動、子育て相談などを行っています。気軽に参加してください。

市立幼稚園・認定こども園は、子育てを応援します。(幼稚園一覧はP5-11)

▶各園園庭開放を行っています。芝生の庭で一緒に体を動かしてみませんか。

▶その他、地域子育て支援推進事業“げんき”、アウトリーチ型地域子育て支援推進事業などを計画しています。

問い合わせ

各幼稚園・認定こども園または幼児教育振興課

☎ 079-559-5232

地域子育て支援推進事業「ホッ♡とステーション」

三田保育所では、乳幼児のお子さんが親子で楽しんでいただく場、くつろいでいただく場として、子育て支援推進事業を実施しています。親子活動や子育て相談などを行い、育児を応援します。

ホッ♡としたいとき、育児の悩みを相談したいときはお気軽にご参加ください。

三田市のホームページでお知らせしています。

問い合わせ 三田保育所(天神 2-3-3)

☎ 079-564-2418 Fax 079-564-2438

Chương trình thúc đẩy hỗ trợ nuôi dạy trẻ tại cộng đồng

Chương trình thúc đẩy hỗ trợ nuôi dạy trẻ tại cộng đồng tại các trường mầm non công lập và cơ sở giáo dục mầm non được công nhận

Tại các trường mầm non công lập và cơ sở giáo dục mầm non được công nhận, chương trình hỗ trợ nuôi dạy trẻ được triển khai nhằm tạo cơ hội để trẻ nhỏ trước độ tuổi đi học cùng vui chơi và để phụ huynh đang nuôi con mở rộng mối quan hệ, giao lưu với nhau. Tại mỗi cơ sở có tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ nhỏ, hoạt động cha mẹ – con cái và tư vấn về nuôi dạy trẻ. Xin vui lòng tham gia một cách thoải mái.

Các trường mầm non công lập và cơ sở giáo dục mầm non được công nhận luôn đồng hành, ủng hộ việc nuôi dạy trẻ.

Danh sách các trường mầm non xem tại trang 5-11.

▶Các trường đều tổ chức mở cửa sân trường. Bạn có muốn cùng con vận động và vui chơi trên sân cỏ không.

▶Ngoài ra, còn có kế hoạch triển khai các chương trình khác như Chương trình hỗ trợ nuôi dạy trẻ tại cộng đồng “Genki”, chương trình hỗ trợ nuôi dạy trẻ tại cộng đồng theo hình thức tiếp cận trực tiếp (outreach).

Hỏi đáp

Vui lòng liên hệ từng trường mầm non, cơ sở giáo dục mầm non được công nhận hoặc Phòng Phát triển Giáo dục Mầm non

☎ 079-559-5232

Chương trình Thúc đẩy Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ tại địa phương: "Hotto♡Station"

Tại Nhà trẻ Sanda, chúng tôi triển khai dự án thúc đẩy hỗ trợ nuôi dạy trẻ, tạo ra một không gian để cha mẹ và các bé trong độ tuổi sơ sinh - mầm non cùng vui chơi và thư giãn. Chúng tôi luôn đồng hành và ủng hộ quý vị thông qua các hoạt động tương tác giữa cha mẹ và con cái cũng như tư vấn về việc nuôi dạy trẻ. Khi muốn thư giãn, khi muốn trao đổi nỗi lo nuôi con, xin hãy thoải mái tham gia.

Thông tin chi tiết được thông báo trên trang web của thành phố Sanda.

Hỏi đáp Nhà trẻ Sanda (Tenjin 2-3-3)

☎ 079-564-2418 Fax 079-564-2438

三田市「赤ちゃんの駅」マップ

「赤ちゃんの駅」とは 外出中に授乳やおむつ替えができる施設の愛称です。
赤ちゃんを連れてお出かけの際には、お気軽にご利用ください。

三田市では、乳幼児を抱える保護者の子育てを応援する取り組みの一環として、授乳やおむつ交換等ができる施設を「赤ちゃんの駅」として登録し、その所在を広く周知するとともに設置を促すことにより、安心して外出できる環境づくりを推進していきます。

三田・三輪地区(施設名)

- ・三田市役所
- ・まちづくり協働センター
- ・有馬富士共生センター
- ・郷の音ホール
- ・さんだ市民センター
- ・図書館
- ・総合福祉保健センター
- ・城山公園

- ・心道会館
- ・ガラス工芸館
- ・池尻児童館
- ・ふるさと学習館
- ・コタニ住研本社ショールーム
- ・農協市場館パスカルさんだ一番館
- ・池田泉州銀行三田支店
- ・カフェイーストワン
- ・タイヤ館三田

小野・高平地区(施設名)

- ・高平ふるさと交流センター
- ・野外活動センター
- ・永沢寺 花しょうぶ園

広野・藍・本庄地区(施設名)

- ・ベルデ薬局 新三田店
- ・藍市民センター
- ・広野市民センター
- ・有馬富士自然学習センター
- ・トヨタカローラ神戸株式会社三田店
- ・神戸トヨペット(株)新三田店
- ・下青野公園

Bản đồ "Trạm dừng chân cho bé" của thành phố Sanda.

“Trạm dừng chân cho bé” là tên gọi thân thiện dành cho các cơ sở có thể cho bé bú hoặc thay tã khi đang ra ngoài. Khi đưa bé đi ra ngoài, xin vui lòng sử dụng một cách thoải mái.

Tại Thành phố Sanda, trong khuôn khổ các hoạt động hỗ trợ nuôi dạy trẻ nhỏ, những cơ sở có thể cho bé bú, thay tã... được đăng ký là “Trạm dừng chân cho bé”. Thành phố đẩy mạnh thông tin rộng rãi về vị trí các cơ sở này và khuyến khích mở rộng thêm, nhằm xây dựng môi trường để phụ huynh có thể yên tâm ra ngoài cùng trẻ nhỏ.

Sanda /Miwa (Danh sách các cơ sở)

- ・Toà thị chính
- ・Trung tâm hợp tác xây dựng thành phố
- ・Trung tâm cộng sinh Arima Fuji Kyosei
- ・Trung tâm Văn hóa Tổng hợp Thành phố Sanda "Hội trường Sato no Ne"
- ・Trung tâm cộng đồng Sanda
- ・Thư viện
- ・Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda
- ・Công viên Shiroyama

- ・Trung tâm hội nghị Shindo
- ・Nhà trưng bày thủy tinh mỹ nghệ
- ・Nhà thiếu nhi Ikejiri
- ・Nhà học tập truyền thống Furusato
- ・Showroom trụ sở chính Kotani Juken
- ・Trung tâm chợ nông sản Nokyo Ichibakan JA Pascal Sanda
- ・Ngân hàng Ikeda Senshu – Chi nhánh Sanda
- ・Quán cà phê East One
- ・Cửa hàng lớp xe Taiyakan Sanda

Ono /Takahira (Danh sách các cơ sở)

- ・Trung tâm giao lưu cộng đồng Takahira Furusato
- ・Trung tâm các hoạt động ngoài trời
- ・Vườn hoa Diên vĩ Chùa Yotaku (Yotakuji)

Hirono /Ai /Honjo (Danh sách các cơ sở)

- ・Nhà thuốc Verde chi nhánh Shin-Sanda
- ・Trung tâm cộng đồng Ai
- ・Trung tâm cộng đồng Hirono
- ・Trung tâm Học tập Thiên nhiên Arimafuji
- ・Công ty Toyota Corolla Kobe chi nhánh Sanda
- ・Công ty Kobe Toyopet chi nhánh Shin-Sanda
- ・ông viên Shimoaono

- ・ふれあいと創造の里
- ・兵庫県立有馬富士公園パークセンター

フラワータウン地区（施設名）

- ・フラワータウン市民センター
- ・多世代交流館
- ・三田谷公園
- ・イオンリテール(株)イオン三田店
- ・(株)神戸マツダ三田店
- ・兵庫県立人と自然の博物館

ウッディタウン・カルチャータウン地区（施設名）

- ・ウッディタウン市民センター
- ・市民病院
- ・駒ヶ谷運動公園
- ・池田泉州銀行三田ウッディタウン支店
- ・中央公園
- ・イオンリテール(株)イオン三田ウッディタウン店
- ・ケーズデンキ三田ウッディタウン店
- ・アクサス三田ウッディタウン店
- ・ジョーシン三田ウッディタウン店
- ・ホームセンターコーナン新三田店
- ・湊川短期大学附属キッズポート保育園
- ・三田市シルバー人材センター

- ・ Làng giao lưu và sáng tạo (Fureai to Sozo no Sato)
- ・ Trung tâm Công viên Arimafuji tỉnh Hyogo

Flower Town (Danh sách các cơ sở)

- ・ Trung tâm cộng đồng Flower Town
- ・ Trung tâm giao lưu đa thế hệ
- ・ Công viên Sandadani
- ・ Công ty AEON Retail cửa hàng AEON Sanda
- ・ Công ty Kobe Mazda chi nhánh Sanda
- ・ Bảo tàng Con người và Thiên nhiên tỉnh Hyogo

Woody Town/ Culture Town (Danh sách các cơ sở)

- ・ Trung tâm cộng đồng Woody Town
- ・ Bệnh viện Thành phố
- ・ Công viên Thể thao Komagadani
- ・ Ngân hàng Ikeda Senshu chi nhánh Sanda Woody Town
- ・ Công viên Chuo
- ・ Công ty AEON Retail cửa hàng AEON Sanda Woody Town
- ・ Cửa hàng điện máy K's Denki Sanda Woody Town
- ・ Cửa hàng Axas Sanda Woody Town
- ・ Cửa hàng điện máy Joshin Sanda Woody Town
- ・ Trung tâm điện máy và đồ gia dụng Kohnan Shin-Sanda
- ・ Nhà trẻ Kids Port trực thuộc Trường Cao đẳng Minatogawa
- ・ Trung tâm Nhân lực Người cao tuổi Thành phố Sanda

全国版救急受診アプリ「Q助(きゅうすけ)」

アプリをダウンロードして該当する症状を選択すると緊急度を素早く判定し、対応方法をアドバイスしてもらえます。

Web版ハザードマップさんだ

スマートフォン等で目的の場所を簡単に詳しく表示でき、日本語のほか英語、中国語(簡体)の表示にも対応しています。

- ・災害種別ごと(土砂災害、洪水)に切り替えて表示します。
- ・縮尺変更によりマップ細部の確認が可能です。
- ・住所検索により検索した住所を中心とするマップを表示できます。
- ・スマートフォンでは位置情報を利用することにより、土地勘の無い方でも現在地周辺の災害想定や最寄りの避難所等を確認することができます。

Ứng dụng chẩn đoán cấp cứu toàn quốc "Q-Suke".

Tải ứng dụng và chọn các triệu chứng thích hợp, ứng dụng sẽ nhanh chóng phán đoán mức độ khẩn cấp và đưa ra lời khuyên về cách xử lý phù hợp.

Bản đồ nguy cơ thiên tai trực tuyến Sanda

Có thể dễ dàng hiển thị chi tiết địa điểm mong muốn trên điện thoại thông minh và các thiết bị khác; ngoài tiếng Nhật còn hỗ trợ hiển thị bằng tiếng Anh và tiếng Trung (giản thể).

- Có thể chuyển đổi hiển thị theo từng loại hình thiên tai (sạt lở đất, lũ lụt).
- Có thể thay đổi tỷ lệ thu phóng để kiểm tra chi tiết bản đồ.
- Có thể tìm kiếm theo địa chỉ và hiển thị bản đồ lấy địa chỉ đó làm trung tâm.
- Trên điện thoại thông minh, bằng cách sử dụng thông tin vị trí, ngay cả những người không quen thuộc với khu vực cũng có thể kiểm tra dự báo rủi ro thiên tai xung quanh vị trí hiện tại và nơi sơ tán gần nhất.

備えよう赤ちゃんの防災

赤ちゃんが生まれてから、防災グッズや避難経路を見直しましたか？「赤ちゃん」ならではの必要なグッズは、普段使い慣れたものを中心に、大人の防災用品とあわせて、持ち出しやすい場所に準備しておきましょう。また、この機会に避難場所や連絡方法も、改めて家族で話し合しましょう。

Chuẩn bị phòng chống thiên tai cho gia đình có trẻ em.

Từ khi bé chào đời, bạn đã xem lại đồ dùng phòng chống thiên tai và lộ trình sơ tán chưa? Những vật dụng cần thiết dành riêng cho trẻ sơ sinh nên ưu tiên các đồ dùng quen thuộc hằng ngày của bé. Hãy chuẩn bị sẵn cùng với đồ phòng chống thiên tai của người lớn và đặt ở nơi dễ mang theo. Nhân dịp này, gia đình cũng nên cùng nhau trao đổi lại về địa điểm sơ tán và phương thức liên lạc.

赤ちゃんに必要な防災用品リスト/ Danh sách vật dụng phòng chống thiên tai cần thiết cho bé		
場面/ Bối cảnh	品目/ Danh mục hàng hoá	説明/ Giải thích
移動/ Di chuyển	母子健康手帳、マイナンバーカード (健康保険証)、乳幼児等医療費受給者証、お薬手帳の写し Sổ tay sức khỏe mẹ và bé, thẻ My Number (thẻ bảo hiểm y tế), giấy chứng nhận trợ cấp chi phí y tế cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, bản sao sổ theo dõi thuốc.	母子健康手帳は常に携帯し、赤ちゃんに関する情報が記載されたページのコピーも防災セットに加えておきましょう。 Sổ tay sức khỏe mẹ và bé nên luôn mang theo bên mình, hãy photo những trang có ghi thông tin liên quan đến em bé và cho vào bộ đồ dùng phòng chống thiên tai.
	抱っこひも Địu em bé	移動する時や、避難所で不安がって離れない時に便利です。おんぶもできるものがおすすめです。 Tiện lợi khi di chuyển hoặc khi ở nơi sơ tán mà bé lo lắng, không chịu xa cha mẹ, khuyến khích chọn loại có thể địu cả trước mặt và sau lưng được.
	ホイッスル Còi	身動きができない時や避難所で防犯ブザーとして活用できます。濡れても使える玉無しタイプがおおすすめです。 Có thể sử dụng khi không thể cử động được hoặc làm còi báo động phòng chống tội phạm tại nơi sơ tán. Khuyến khích loại không có bi bên trong, có thể sử dụng ngay cả khi bị ướt.
	子どもの靴 Giày của em bé	慌てて抱っこして避難したため靴がなくて困ったという人が多いです。防災セットに入れておくと安心です。 Nhiều người khi vội vàng bế con đi sơ tán đã gặp khó khăn vì không có giày cho trẻ. Chuẩn bị sẵn trong bộ dụng cụ phòng chống thiên tai sẽ giúp bạn yên tâm hơn.
授乳・食事/ Cho con bú·ăn uống	ミルク・離乳食 Sữa và thức ăn dặm	食べ慣れたものを多めに用意しましょう。特にアレルギーがある場合は必須です。 Hãy chuẩn bị nhiều những loại bé đã ăn quen. Đặc biệt, trong trường hợp có dị ứng thực phẩm thì đây là thứ không thể thiếu.
	哺乳瓶、マグカップ、紙コップ Bình sữa, cốc uống nước, cốc giấy	使い捨て哺乳瓶があると煮沸消毒の手間がかからず、便利で衛生的に使えます。カップや紙コップで授乳する方法もあります。 Nếu có bình sữa dùng một lần thì không cần mất công tiệt trùng bằng cách đun sôi, rất tiện lợi và đảm bảo vệ sinh. Ngoài ra cũng có thể cho bé uống sữa bằng cốc hoặc cốc giấy.
	食器(お皿・スプーンなど) Đồ dùng ăn uống (đĩa, thìa, v.v.)	いつもと違う食器を嫌がることもあるので、使い慣れたものを入れておきましょう。 Trẻ có thể không thích dùng đồ ăn khác lạ, vì vậy hãy chuẩn bị những vật dụng mà bé đã quen sử dụng.
	調乳用具、洗浄消毒剤 Dụng cụ pha sữa, chất tẩy rửa và khử trùng	火が使えない場合に備えて、カセットコンロなどのお湯を沸かせる器具一式を用意しましょう。 Để phòng trường hợp không thể sử dụng lửa, hãy chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ có thể đun nước nóng như bếp gas mini.

トイレ・衛生/ Nhà vệ sinh・tính vệ sinh	紙おむつ Tã giấy	普段から多めに備蓄しておきましょう。ライナータイプがあれば、おむつの枚数を減らせます。 Hãy dự trữ dư sẵn từ ngày thường. Nếu có loại lót (liner) thì có thể giảm số lượng tã cần mang theo.
	おしりふき、ごみ袋(廃棄用) Khăn lau mông, túi rác (để thải bỏ)	手拭き代わりに使えます。水に流せるタイプも便利です。使用済みおむつを廃棄するためのごみ袋も備えましょう。 Cũng có thể dùng thay cho khăn lau tay. Loại có thể xả trôi trong nước cũng tiện lợi. Cũng hãy chuẩn bị túi rác để vứt bỏ tã đã sử dụng.
	除菌シート、ティッシュ Khăn lau khử khuẩn, khăn giấy	感染症への対策として多めに備えておきましょう。 Để phòng chống bệnh truyền nhiễm, hãy chuẩn bị với số lượng nhiều hơn bình thường.
	タオル、ごみ袋 Khăn bông, túi rác	おむつ替え、授乳、防寒などさまざまな用途に使えるため、あると便利です。 Vì có thể sử dụng cho nhiều mục đích như thay tã, cho bé bú, giữ ấm..., nên có sẵn sẽ tiện lợi.
	生理用品、母乳パッド Băng vệ sinh, miếng thấm sữa mẹ	特に母乳パッドは備蓄されている避難所がないため、用意しておきましょう。 Đặc biệt là miếng thấm sữa mẹ vì thường không được dự trữ tại các nơi sơ tán, vì vậy hãy chủ động chuẩn bị trước.
リラックス/ Thư giãn	おもちゃ、絵本 Đồ chơi, sách tranh	避難所での悩みで特に多いのが、赤ちゃんがぐずってしまうこと。気を紛らわせることができるものを用意しておきましょう。 Một trong những khó khăn thường gặp nhất tại nơi sơ tán là em bé quấy khóc. Hãy chuẩn bị những món đồ có thể giúp bé phân tâm và cảm thấy dễ chịu hơn.
	お菓子、おやつ Bánh kẹo, đồ ăn vặt	好きなものや食べ慣れたもので、ほっとできる時間を作りましょう。 Chuẩn bị những món bé thích và quen ăn để tạo những khoảnh khắc giúp bé cảm thấy yên tâm và dễ chịu hơn.
	家族写真 Ảnh gia đình	大切な家族の写真を用意しておきましょう。被災でデータを失うこともあるので、印刷したものを用意しましょう。 Hãy chuẩn bị sẵn những bức ảnh của gia đình thân yêu. Trong trường hợp thiên tai có thể làm mất dữ liệu, nên chuẩn bị ảnh đã in sẵn để phòng khi cần thiết.

医療機関

日頃から、自分や家族の健康について相談できる「かかりつけ医」をもちましょう！
(掲載内容は令和7年4月現在の情報です。)

三田市内医療機関一覧表(医科)

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel	診療科目 / Chuyên khoa khám chữa bệnh
三田 / Sanda			
大坪胃腸科外科 / Phòng khám Ngoại khoa Tiêu hóa Otsubo	南が丘 1-39-23 / 1-39-23 Minamigaoka, Sanda	563-3511	外科、肛門外科、消化器内科 / Ngoại khoa, Ngoại khoa hậu môn, Nội khoa tiêu hóa
かみはらペインクリニック / Phòng khám Pain Kamihara	貴志 141-1 / 141-1 Kishi, Sanda	564-1715	ペインクリニック科、麻酔科、リハビリテーション科 / Khoa giảm đau, Khoa gây mê, Khoa phục hồi chức năng.
きんぼしクリニック / Phòng khám Kinboshi	南が丘 2-13-82 / 2-13-82 Minamigaoka, Sanda	564-3761	脳神経内科、内科 / Nội khoa thần kinh, Nội khoa
さつきクリニック / Phòng khám Satsuki	横山町 7-7 / 7-7 Yokoyama-cho, Sanda	563-3533	内科、人工透析内科 / Nội khoa, Nội khoa chạy thận nhân tạo
澤外科 / Ngoại khoa Sawa	屋敷町 17-4 / 17-4 Yashikimachi, Sanda	563-2713	内科、外科、消化器科 / Nội khoa, Ngoại khoa, Khoa tiêu hóa
三田さかいクリニック / Phòng khám Sanda Sakai	天神 1-1-12 / 1-1-12 Tenjin, Sanda	563-1188	精神科、心療内科 / Khoa tâm thần, Khoa trị liệu tâm lý
宝塚三田病院 / Bệnh viện Takarazuka Sanda	西山 2-22-10 / 2-22-10 Nishiyama, Sanda	563-4871	精神科、神経科 / Khoa tâm thần, Khoa thần kinh
中津クリニック / Phòng khám Nakatsu	南が丘 1-52-8 / 1-52-8 Minamigaoka, Sanda	561-2277	内科、眼科、脳神経外科 / Nội khoa, Khoa mắt, Khoa Ngoại thần kinh
平島病院 / Bệnh viện Hirashima	天神 1-2-15 / 1-2-15 Tenjin, Sanda	564-5381	消化器内科、消化器外科、整形外科、循環器内科、呼吸器内科、腎臓内科、皮膚科、肛門外科、眼科、放射線科、小児科、ペインクリニック内科、リハビリテーション科、内科、脳神経内科、外科、泌尿器科、臨床検査科、麻酔科 / Nội khoa tiêu hóa, Khoa Ngoại tiêu hóa, Khoa chỉnh hình, Khoa Nội tim mạch, Khoa Nội hô hấp, Khoa Nội thận, Khoa da liễu, Khoa ngoại hậu môn, Khoa mắt, Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa nhi, Khoa Nội giảm đau, Khoa phục hồi chức năng, Nội khoa, Nội khoa thần kinh, Ngoại khoa, Khoa tiết niệu, Khoa xét nghiệm lâm sàng, Khoa gây mê
ひろスポーツクリニック / Phòng khám Sports Hiro	南が丘 2-13-80 / 2-13-80 Minamigaoka, Sanda	556-7733	整形外科、リハビリテーション科 / Khoa chỉnh hình, Khoa phục hồi chức năng.
前橋内科循環器科医院 / Phòng khám Nội Tim mạch Maebashi	貴志字 79-1 / 79-1 Thành phố Sanda, khu Kishi	553-8088	内科、呼吸器内科、循環器内科 / Nội khoa, Khoa Nội hô hấp, Khoa Nội tim mạch
横山駅前ハート内科クリニック / Phòng khám Nội tim mạch Heart trước ga Yokoyama	南が丘 2-6-3 / 2-6-3 Minamigaoka, Sanda	563-8300	内科 / 循環器内科 / リハビリテーション科 / Nội khoa, Khoa Nội tim mạch, Khoa phục hồi chức năng
三輪 / Miwa			
安部整形外科クリニック / Phòng khám Chỉnh hình Abe	三輪 4-8-14 / 4-8-14 Miwa, Sanda	560-2311	整形外科 / Khoa chỉnh hình
いとうメンタルクリニック / Phòng khám Tâm lý Ito	駅前町 1-38 JR 三田駅 NKビル 4F / Tầng 4, tòa nhà NK, ga JR Sanda, thành phố Sanda, 1-38 Ekimaecho, Sanda	564-9600	精神科 / Khoa tâm thần
いなずみ内科・循環器科 / Phòng khám Nội tim mạch Inazumi	中央町 14-35 / 14-35 Chuocho, Sanda	559-2990	内科、循環器内科、小児科 / Nội khoa, Khoa Nội tim mạch, Nhi khoa

Cơ sở y tế

Hãy chủ động có một “bác sĩ gia đình” để thường xuyên tham vấn về sức khỏe của bản thân và gia đình. (Nội dung đăng tải là thông tin tại thời điểm tháng 4 năm 2025.)

Danh sách các cơ sở y tế trong thành phố Sanda (Y khoa)

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel	診療科目 / Chuyên khoa khám chữa bệnh
三輪 / Miwa			
木村クリニック / Phòng khám Kimura	駅前町 9-3 三田サウス I 2F / Toà nhà Sanda South I tầng 2, 9-3 Ekimaecho, Sanda	562-7627	内科、消化器内科、放射線科、リハビリテーション科/ Nội khoa, Nội khoa tiêu hóa, Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa phục hồi chức năng
黒須内科クリニック / Phòng khám Nội khoa Kurosu	中央町 9-38 ユマニティビル 1F / Toà nhà Yumanity tầng 1, 9-38 Chuocho, Sanda	569-7103	内科、呼吸器科/ Nội khoa, Chuyên khoa: Khoa hô hấp
上田医院 / Phòng khám Ueda	駅前町 4-31 / 4-31 Ekimaecho, Sanda	563-2213	内科、循環器内科/ Nội khoa, Khoa Nội tim mạch
小泉形成外科クリニック / Phòng khám phẫu thuật tạo hình Koizumi	高次 1-3-33 / 1-3-33 Takasugi	553-5123	形成外科、美容外科/ Khoa phẫu thuật tạo hình, Khoa phẫu thuật thẩm mỹ
近藤眼科 / Phòng khám mắt Kondo	中央町 4-5 三田ビル 3F / Sanda Bldg 3F, 4-5 Chuocho, Sanda	563-1510	眼科/ Khoa mắt
きしもと泌尿器科クリニック / Phòng khám tiết niệu Kishimoto	駅前町 1-24-201 / 1-24-201 Ekimaecho, Sanda	564-2002	泌尿器科/ Khoa tiết niệu,
シオタニレディースクリニック / Phòng khám phụ sản Shiotani	中央町 10-10 中央第一ビル 3F / 1st Chuo Bldg 3F, 10-10 Chuocho, Sanda	561-3500	産婦人科 / Khoa sản
整形外科ふくしまクリニック / Phòng khám Chỉnh hình Fukushima	中央町 9-36 / 9-36 Chuocho, Sanda	564-0300	整形外科、リウマチ科、リハビリテーション科/ Khoa chỉnh hình, Khoa thấp khớp, Khoa phục hồi chức năng
せや眼科 / Phòng khám mắt Seya	駅前町 1-24-101 / 1-24-101 Ekimaecho, Sanda	559-8887	眼科/ Khoa mắt
武本内科診療所 / Phòng khám Nội khoa Takemoto	中央町 10-10 中央第一ビル 2F / 1st Chuo Bldg 2F, 10-10 Chuocho, Sanda	562-9530	内科、消化器内科、放射線科/ Nội khoa, Nội khoa tiêu hóa, Khoa chẩn đoán hình ảnh
たていし小児科 / Phòng khám nhi Tateishi	駅前町 13-6 / 13-6 Ekimaecho, Sanda	558-7871	小児科、アレルギー科/ Nhi khoa, Khoa dị ứng
つじい医院 / Phòng khám Tsuji	中町 11-16 / 11-16 Nakamachi, Sanda	563-2174	皮膚科 / Khoa da liễu
もり整形外科 / Phòng khám chỉnh hình Mori	高次 1-10-10 / 1-10-10 Takasugi, Sanda	562-5169	整形外科、リハビリテーション科、リウマチ科/ Khoa chỉnh hình, Khoa phục hồi chức năng, Khoa thấp khớp
なかじま脳神経外科クリニック / Phòng khám Khoa Ngoại thần kinh Nakajima	高次 1-2-5/ 1-2-5 Takasugi, Sanda	565-1015	脳神経外科、内科、リハビリテーション科/ Nội khoa thần kinh, Nội khoa, Khoa thấp khớp
中田内科クリニック / Phòng khám Khoa Nội Nakata	駅前町 1-38 JR 三田駅 NKビル 3F / JR Sanda Station NK Bldg 3F, 1-38 Ekimaecho, Sanda	563-5700	内科、消化器科/ Nội khoa, Khoa tiêu hóa
ながやす皮フ科クリニック / Phòng khám da liễu Nagayasu	駅前町 1-38 JR 三田駅 NKビル 3F / JR Sanda Station NK Bldg 3F, 1-38 Ekimaecho, Sanda	559-8883	皮膚科 / Khoa da liễu
なんりクリニック / Phòng khám Nanri	高次 2-13-1 / 2-13-1 Takasugi, Sanda	553-6161	内科、消化器内科 / Nội khoa, Nội khoa tiêu hóa
ひがしうら心療内科 / Phòng khám Nội tâm lý Higashiura	中央町 10-10 中央第 1 ビル 5F/ 1st Chuo Bldg 5F, 10-10 Chuocho, Sanda	553-8851	精神科、心療内科/ Khoa tâm thần, Khoa trị liệu tâm lý
兵庫中央病院 / Bệnh viện Trung ương Hyogo-chuo	大原 1314 / 1314 Ohara, Sanda	563-2121	内科、呼吸器外科、消化器内科、消化器外科、整形外科、糖尿病内科、脳神経内科、麻酔科、リハビリテーション科、結核内科、循環器内科、外科、肛門外科、放射線科、病理診断科、歯科/ Nội khoa, Phẫu thuật lồng ngực, Tiêu hóa, phẫu thuật đường tiêu hóa, chỉnh hình, tiểu đường, thần kinh học, gây mê, phục hồi chức năng, lao, tim mạch, phẫu thuật tổng quát, hậu môn trực tràng, X quang, bệnh lý học, nha khoa

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel	診療科目 / Chuyên khoa khám chữa bệnh
三輪 / Miwa			
森本耳鼻咽喉科医院 / Phòng khám Tai – Mũi – Họng Morimoto	中央町 3-8 / 3-8 Chuocho, Sanda	563-2492	耳鼻咽喉科 / Khoa Tai – Mũi – Họng
広野 / Hirono			
アイルさんだクリニック / Phòng khám Airu Sanda	福島 148-1 新三田 MC ビル 3F / Tòa nhà Shin Sanda MC, Tầng 3, 148-1 Fukushima, Sanda	567-5150	内科、緩和ケア内科 / Nội khoa, Khoa Nội Chăm sóc giảm nhẹ
秋久医院 / Phòng khám Akihisa	加茂 1086-3 / 1086-3 Kamo, Sanda	567-0020	内科、糖尿病内科 / Nội khoa, Nội khoa bệnh tiểu đường
ごとう内科 / Phòng khám Nội Goto	福島 148-1 新三田 MC ビル 2F / Shin-Sanda MC Bldg 2F, 148-1 Fukushima, Sanda	567-3155	内科 / Nội khoa
三田高原病院 / Bệnh viện Sanda Kogen	下内神 525-1 / 525-1 Shimouchigami, Sanda	567-5555	内科、リハビリテーション科 / Nội khoa, Khoa thấp khớp
平明会クリニック / Phòng khám Heimeikai	福島 66-4 / 66-4 Fukushima, Sanda	567-7711	内科、人工透析内科 / Nội khoa, Lọc máu nhân tạo nội khoa
みのだ整形外科クリニック / Phòng khám chỉnh hình Minoda	福島 412 / 412 Fukushima, Sanda	567-3750	整形外科、リハビリテーション科 / Khoa chỉnh hình, Khoa thấp khớp
門中医院 / Phòng khám Monnaka	広野 32-3 / 32-3 Hirono, Sanda	567-0010	内科、循環器科 / Nội khoa, Tim mạch
高平 / Takahira			
高平診療所 / Phòng khám Takahira	木器 2227-3 / 2227-3 Kozuki, Sanda	560-8030	内科 / Nội khoa
藍 / Ai			
富田クリニック / Phòng khám Tomita	下相野 319-1 / 319-1 Shimoaino, Sanda	560-7700	外科、消化器内科、リハビリテーション科、肛門外科 / Ngoại khoa, Tiêu hóa, Khoa thấp khớp, Phẫu thuật hậu môn
中井医院 / Phòng khám Nakai	西相野 1018 / 1018 Nishiaino, Sanda	568-6762	内科 / Nội khoa
本庄 / Honjo / 本庄			
あいの病院 / Bệnh viện Aino	東本庄 2493 / 2493 Higashihonjo, Sanda	568-1351	精神科、神経科、内科(入院患者のみ) / Khoa tâm thần, Khoa thần kinh, Nội khoa (Chỉ nhận bệnh nhân nhập viện)
あおぞらクリニック / Phòng khám Aozora	大畑清水 357-1 / 357-1 Ohatashimizu, Sanda	560-0325	内科、整形外科、リハビリテーション科 / Nội khoa, Khoa chỉnh hình, Khoa thấp khớp
医療福祉センターさくら / Trung tâm Y tế và Phúc lợi Sakura	東本庄 1188 / 1188 Higashihonjo, Sanda	568-4103	小児科、内科、精神科、リハビリテーション科、歯科 / Nhi khoa, Nội khoa, Tâm thần học, Phục hồi chức năng, Nha khoa
三田温泉病院 / Bệnh viện Sanda Onsen	東山 897-2 / 897-2 Higashiyama, Sanda	568-5555	内科、リハビリテーション科 / Nội khoa, Khoa thấp khớp
三田西病院 / Bệnh viện Sanda Nishi	東本庄 2017 / 2017 Higashihonjo, Sanda	568-0025	精神科、神経科 / Khoa tâm thần, Khoa thần kinh
武中内科クリニック / Phòng khám Nội Takenaka	東本庄 1086-1 / 1086-1 Higashihonjo, Sanda	568-4567	内科 / Nội khoa
フラワータウン / Flower Town			
阿部内科 / Phòng khám Nội Abe	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 7F / Tòa nhà ga Flower Town, Tầng 7, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	562-8478	内科、消化器内科 / Nội khoa, Tiêu hóa

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel	診療科目 / Chuyên khoa khám chữa bệnh
フラワータウン / Flower Town			
伊田眼科クリニック / Phòng khám mắt Ida	武庫が丘 7-7-4 エムズ II 1F / Tòa nhà Emuzu II, Tầng 1, 7-7-4 Mukogaoka, Sanda	556-8600	眼科/ Khoa mắt
いまだ内科クリニック/ Phòng khám Nội Imada	武庫が丘 7-7-4 エムズ II 2F / Tòa nhà Emuzu II, Tầng 2, 7-7-4 Mukogaoka, Sanda	553-6500	内科、外科、消化器内科、腎臓内科、泌尿器科、乳腺外科、肛門外科、在宅訪問、腫瘍内科/ Nội khoa, Phẫu thuật, Tiêu hóa, Thận học, Tiết niệu, Phẫu thuật vú, Hậu môn trực tràng, Dịch vụ khám tại nhà, Ung bướu
エバラこどもクリニック/ Phòng khám nhi Ebara	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 7F / Tòa nhà ga Flower Town, Tầng 7, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	562-8580	小児科/ Nhi khoa
おだわら内科 / Phòng khám Nội Odawara	弥生が丘 1-2-2 / 1-2-2 Yayoigaoka, Sanda	558-8018	内科/ Nội khoa,
カンオクリニック / Phòng khám Casio	狭間が丘 2-1-7 / 2-1-7 Hasamagaoka, Sanda	564-5014	内科、循環器内科/ Nội khoa, Tim mạch
さんだりハビリテーション病院 / Bệnh viện phục hồi chức năng Sanda	富士が丘 5-16-1 / 5-16-1 Fujigaoka, Sanda	564-7063	リハビリテーション科、脳神経内科、心臓血管外科 / Phục hồi chức năng Thần kinh học., Khoa Ngoại tim mạch
谷耳鼻咽喉科医院 / Phòng khám Tai – Mũi – Họng Tani	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 7F / Tòa nhà ga Flower Town, Tầng 7, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	562-8487	耳鼻咽喉科 / Khoa Tai – Mũi – Họng
さくらこころのクリニック / Phòng khám tâm lý Sakura	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 5F / Tòa nhà ga Flower Town, Tầng 5, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	553-5687	心療内科、精神科/ Y học tâm thần, tâm thần học
とくやまクリニック/ Phòng khám Tokuyama	弥生が丘 2-13-4 / 2-13-4 Yayoigaoka, Sanda	562-0002	外科、小児科、内科、皮膚科/ Phẫu thuật, Nhi khoa, Nội khoa, Da liễu
中内整形外科/ Phòng khám chỉnh hình Nakauchi	武庫が丘 7-7-5 エムズ I 1F / M'sI, Tầng 7, 7-7-5 Mukogaoka, Sanda	563-0500	整形外科/ Khoa chỉnh hình
長宗内科医院 / Phòng khám Nội Nagamune	弥生が丘 2-13-3 / 2-13-3 Yayoigaoka, Sanda	564-0886	内科/ Nội khoa
別所眼科/ Phòng khám mắt Bessho	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 7F / Tòa nhà ga Flower Town, Tầng 7, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	562-1717	眼科/ Khoa mắt
円山医院 / Phòng khám Maruyama	武庫が丘 4-1-1 / 4-1-1 Mukogaoka, Sanda	563-8641	内科/ Nội khoa
ウッディータウン・カルチャータウン / Woddy Town・Culture Town			
浅井眼科医院 / Phòng khám mắt Asai	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ 3F / Tòa nhà Erumu Plaza, Tầng 3, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	565-3377	眼科/ Khoa mắt
あしだ眼科クリニック / Phòng khám mắt Ashida	あかしあ台 5-32-1 ウッディ殿ビル 4階/ Tòa nhà Woody Den, Tầng 4, 5-32-1 Akashidai, Sanda	553-0035	眼科/ Khoa mắt
あらい腎泌尿器科クリニック / Phòng khám Thận – Tiết niệu Arai	あかしあ台 1-49-1 / 1-49-1 Akashiadai, Sanda	553-8886	泌尿器科 / Niệu khoa
おかもと小児科 / Phòng khám nhi Okamoto	けやき台 3-76-5 / 3-76-5 Keyakidai, Sanda	565-1699	小児科、内科、アレルギー科/ Nhi khoa, Nội khoa, Dị ứng

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel	診療科目 / Chuyên khoa khám chữa bệnh
ウッディータウン・カルチャータウン / Woddy Town・Culture Town			
三田市民病院 / Bệnh viện Thành phố Sanda	けやき台 3-1-1 / 3-1-1 Keyakidai, Sanda	565-8000	内科、外科、消化器内科、消化器外科、循環器内科、小児科、腎臓内科、整形外科、形成外科、脳神経外科、皮膚科、泌尿器科、産婦人科、眼科、耳鼻咽喉科、放射線科、リハビリテーション科、麻酔科、病理診断科/ Nội khoa, Ngoại khoa, Tiêu hóa, Phẫu thuật tiêu hóa, Tim mạch, Nhi khoa, Thận học, Chính hình, Phẫu thuật thẩm mỹ, Phẫu thuật thần kinh, Da liễu, Tiết niệu, Sản phụ khoa, Nhân khoa, Tai mũi họng, Chẩn đoán hình ảnh, Y học phục hồi chức năng, Gây mê hồi sức, Giải phẫu bệnh
すぎたファミリークリニック / Phòng khám gia đình Sugita	ゆりのき台 2-25-1 / 2-25-1 Yurinokidai, Sanda	562-2700	小児科、内科、/ Nhi khoa, Nội khoa
高雄耳鼻咽喉科クリニック / Phòng khám Tai – Mũi – Họng Takao	けやき台 1-10-1 / 1-10-1 Keyakidai, Sanda	563-8741	耳鼻咽喉科/ Khoa Tai – Mũi – Họng
たなかホームケアクリニック / Phòng khám chăm sóc tại nhà Tanaka	けやき台 1-10-1 / 1-10-1 Keyakidai, Sanda	565-9911	内科/ Nội khoa
まんかいメディカルクリニック / Phòng khám Medical Mankai	すずかけ台 1-12/ 1-12 Suzukakedai, Sanda	565-2525	内科、呼吸器内科、小児科、救急科、訪問診療科、形成外科、皮膚科/ Nội khoa, Chuyên khoa hô hấp, nhi khoa, cấp cứu, khám chữa bệnh tại nhà, phẫu thuật thẩm mỹ, da liễu
どうもと内科クリニック / Phòng khám Nội Domoto	すずかけ台2-3-1 えるむプラザ3F / Tòa nhà Erumu Plaza, Tầng 3, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	565-3322	内科、循環器内科/ Nội khoa, Tim mạch
殿勝胃腸科クリニック / Phòng khám tiêu hóa Tonokatsu	あかしあ台 5-32-1 ウッディ殿ビル 2F / Tòa nhà Woody Den, Tầng 2, 5-32-1 Akashiadai, Sanda	560-2760	内科、消化器内科/ Nội khoa Tim mạch
長谷川内科医院/ Phòng khám Nội Hasegawa	あかしあ台 1-52-1 / 1-52-1 Akashiadai, Sanda	565-1465	内科、糖尿病内科、消化器内科、リハビリテーション科/ Nội khoa. Bệnh tiểu đường, Nội khoa, Tiêu hóa, Y học phục hồi chức năng
はやしべ皮膚科 / Phòng khám da liễu Hayashibe	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ 3F / Tòa nhà Erumu Plaza, Tầng 3, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	565-8808	皮膚科、形成外科、アレルギー科/ Da liễu, Phẫu thuật thẩm mỹ, Dị ứng học
藤村耳鼻咽喉科医院 / Phòng khám Tai – Mũi – Họng Fujimura	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ 3F / Tòa nhà Erumu Plaza, Tầng 3, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	565-5977	耳鼻咽喉科 / Khoa Tai – Mũi – Họng
やすおか心療内科 / Phòng khám Nội tâm lý Yasuoka	けやき台 1-10-1 / 1-10-1 Keyakidai, Sanda	562-2762	心療内科、精神科/ Y học tâm thần, tâm thần học
山口内科医院 / Phòng khám Nội Yamaguchi	けやき台 1-10-1 / 1-10-1 Keyakidai, Sanda	559-2628	内科、循環器内科、呼吸器内科/ Nội khoa Tim mạch, Nội khoa hô hấp
山本医院 / Phòng khám Yamamoto	あかしあ台 5-32-1 ウッディ殿ビル 2F / Tòa nhà Woody Den, Tầng 2, 5-32-1 Akashiadai, Sanda	560-2800	外科、呼吸器内科、リハビリテーション科 /
ひろせクリニック/ Phòng khám Hirose	学園 7-1-5 / 7-1-5 Gakuen, Sanda	565-9000	内科、小児科 / Nội khoa, Nhi khoa

三田市内医療機関一覧表(歯科)

Danh sách các cơ sở y tế trong thành phố Sanda (Nha khoa)

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel
三田 / Sanda		
愛川歯科医院 / Phòng khám nha khoa Aikawa	貴志 696-3/ 696-3 Kishi, Sanda	560-2643
飯田歯科医院 / Phòng khám nha khoa Iida	南が丘 1-40-22 井之上建設ビル 2F / Inoue kensetsu Bldg 2F, 1-40-22 Minamigaoka, Sanda	564-4868
大槻歯科医院 / Phòng khám nha khoa Otsuki	南が丘 1-30-17 / 1-30-17 Minamigaoka, Sanda	563-2100
岸歯科医院 / Phòng khám nha khoa Kishi	南が丘 2-3-25 / 2-3-25 Minamigaoka, Sanda	563-7800
小寺歯科医院 / Phòng khám nha khoa Kodera	三田町 23-5 / 23-5 Sandacho, Sanda	562-7000
小林デンタルクリニック / Phòng khám nha khoa Kobayashi	貴志 140-1/ 140-1 Kishi, Sanda	556-5886
坂東歯科医院 / Phòng khám nha khoa Bando	西山 1-9-19 / 1-9-19, Nishiyama, Sanda	558-7640
ばんどう歯科/ Nha khoa Bando	三田町 7-4 カタケビル 1F / Tòa nhà Katake, Tầng 1, 7-4 Sandacho, Sanda	553-2148
宮地歯科医院 / Phòng khám nha khoa Miyachi	天神 3-1-5 / 3-1-5 Tenjin, Sanda	564-1616
ワタセ歯科 / Nha khoa Watase	対中町 12-14 / 12-14 Tainakacho, Sanda	563-8440
三輪 / Miwa		
あしざわ歯科医院 / Phòng khám nha khoa Ashizawa	三輪 2-1-11 / 2-1-11 Miwa, Sanda	563-2580
あらがき矯正歯科 / Phòng khám chỉnh nha Aragaki	駅前町 2-1 キッピーモール 5F / Kippy Mall 5F, 2-1 Ekimaecho, Sanda	564-1122
井殿歯科医院 / Phòng khám nha khoa Idono	中央町 4-24 井殿ビル 2F / Idono Bldg 2F, 4-24 Chuocho, Sanda	562-0418
ウイング矯正歯科 / Nha khoa chỉnh nha Wingu	駅前町 11-1「レバンテ三田 A 号室」メルクスホテル内/ Bên trong khách sạn Melxe (Phòng A, Lebante Sanda), 11-1 Ekimaecho	564-1914
おおにし歯科 / Phòng khám nha khoa Onishi	中央町 10-10 中央第一ビル 4F / Tầng 4, Tòa nhà Chuo Dai-ichi, 10-10 Chuocho, Sanda	561-2552
尾崎歯科医院 / Phòng khám nha khoa Ozaki	友が丘 2-2-13 / 2-2-1 Tomogaoka, Sanda	562-6480
黒瀬歯科クリニック/ Phòng khám nha khoa Kurose	駅前町 2-1 キッピーモール 5F / Kippy Mall 5F, 2-1 Ekimaecho, Sanda	564-0175
小西デンタルクリニック / Phòng khám nha khoa Konishi	中央町 9-36 1F / 1F, 9-36 Chuocho, Sanda	569-8211
嶋谷歯科医院 / Phòng khám nha khoa Shimatani	三輪 2-4-6 マルワハイツ II 1F / Tầng 1, Tòa nhà Maruwa Heights II, 2-4-6 Miwa, Sanda	559-0011
すず歯科医院 / Phòng khám nha khoa Suzu	駅前町 13-10 / 13-10 Ekimaecho, Sanda	559-6474
辻井歯科医院 / Phòng khám nha khoa Tsujii	中町 3-8 / 3-8 Nakamachi, Sanda	562-4180
中西歯科医院 / Phòng khám nha khoa Nakanishi	高次 1-10-5 / 1-10-5 Takasugi, Sanda	564-4841
中道歯科医院 / Phòng khám nha khoa Nakamichi	大原 810-3 / 810-3 Ohara, Sanda	563-7131
南歯科医院 / Phòng khám nha khoa Minami	駅前町 8-4 三田サウスⅢ 2F / Tầng 2, Tòa nhà Sanda South III, 8-4 Ekimaecho, Sanda	563-7400
広野 / Hirono		
福田歯科医院 / Phòng khám nha khoa Fukuda	上井沢 75 / 75 Kamiisawa, Sanda	567-1511
ぶんど歯科クリニック/ Phòng khám nha khoa Bungo	広野 27 / 27 Hirono, Sanda	567-0121

医療機関名 / Tên cơ sở y tế	住所 / Địa chỉ	Tel
広野 / Hirono		
吉田歯科診療所 / Phòng khám nha khoa Yoshida	福島 354 / 354 Fukushima, Sanda	567-1133
ヨルソラ歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Yorusora	福島 1-19 An Claire 102 / An Claire 102, 1-19, Fukushima, Sanda	558-8066
藍 / Ai		
生田歯科 / Nha khoa Ikuta	下相野 380-1 / 380-1 Shimoaino, Sanda	568-7711
おおや歯科医院 / Phòng khám nha khoa Ooya	大川瀬 1307-45 / 1307-45 Okawaze, Sanda	560-0808
杉本歯科医院 / Phòng khám nha khoa Sugimoto	つつじが丘北 2-2-6 / 2-2-6 Tsutsujigaokakita, Sanda	568-0005
本庄 / Honjo		
さんあい歯科医院 / Phòng khám nha khoa San'ai	東本庄 2493 / 2493 Higashihonjo, Sanda	568-5237
フラワータウン / Flower Town		
いわさか歯科医院 / Phòng khám nha khoa Iwasaka	弥生が丘 1-2-1 / 1-2-1 Yayoigaoka, Sanda	502-0461
岡本歯科医院 / Phòng khám nha khoa Okamoto	武庫が丘 4-1-2 / 4-1-2 Mukogaoka, Sanda	563-2050
きしもと歯科 / Phòng khám nha khoa Kishimoto	弥生が丘 5-14-3 / 5-14-3 Yayoigaoka, Sanda	559-8211
喜多歯科医院 / Phòng khám nha khoa Kita	弥生が丘 1-1-2 サンフラワー1F106 / Tầng 1, Tòa nhà Sun Flower #106, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	559-4118
田中歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Tanaka	弥生が丘 2-19 / 2-19 Yayoigaoka, Sanda	559-4811
吉原歯科医院 / Phòng khám nha khoa Yoshihara	弥生が丘 1-11 フラワータウン駅ビル 7F / Tầng 7, Tòa nhà ga Flower Town, 1-11 Yayoigaoka, Sanda	562-8471
ウッディータウン・カルチャータウン / Woddy Town・Culture Town		
あさはら歯科医院 / Phòng khám nha khoa Asahara	ゆりのき台 5-31-3 / 5-31-3 Yurinokidai, Sanda	553-7111
英保歯科 / Nha khoa Abo	けやき台 3-76-6 / 3-76-6 Keyakidai, Sanda	565-7766
ウッディ吉原歯科 / Nha khoa Woody Yoshihara	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ 3F / Elm Plaza 3F, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	556-7786
おくしゃ歯科医院 / Phòng khám nha khoa Okusha	すずかけ台 1-6-1 / 1-6-1 Suzukakedai, Sanda	565-0886
くわな歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Kuwana	けやき台 1-10-1 センチュリープラザ 1F / Century Plaza, Tầng 1, 1-10-1 Keyakidai, Sanda	553-2987
しらやま歯科 / Phòng khám nha khoa Shirayama	けやき台 3-12-1 / 3-12-1 Keyakidai, Sanda	564-4618
たなか歯科医院 / Phòng khám nha khoa Tanaka	あかしあ台 1-52-2 / 1-52-2 Akashiadai, Sanda	565-2000
たにぐちデンタルクリニック / Phòng khám nha khoa Taniguchi	すずかけ台 2-3-7 OLビルディング 3F / Tầng 3, Tòa nhà OL, 2-3-7 Suzukakedai, Sanda	563-7550
前田歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Maeda	けやき台 1-6-2 イオン三田ウッディタウン 1 番街 / Khu số 1, Trung tâm thương mại Aeon Sanda Woody Town, 1-6-2 Keyakidai, Sanda	556-5551
松割歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Matsuware	学園 7-1-2 / 7-1-2 Gakuen, Sanda	559-8888
サンダデンタルクリニック / Phòng khám nha khoa Sanda	あかしあ台 5-32-1 ウッディ殿ビル 3F / Woody Den Bldg 3F, 5-32-1 Akashiadai, Sanda	560-2011
吉城歯科クリニック / Phòng khám nha khoa Yoshiki	すずかけ台 1-32-4 / 1-32-4 Suzukakedai, Sanda	563-2807
渡辺デンタルクリニック / Phòng khám nha khoa Watanabe	ゆりのき台 2-25-2 / 2-25-2 Yurinokidai, Sanda	559-7648

夜間・休日診療・電話相談

休日診療

三田市休日応急診療センター

<診療科目> 内科・小児科を中心とした外来応急診療

<住所> 三田市天神 1-10-14 (兵庫県三田総合庁舎内)

<電話> 079-556-5005

<診療日> 日曜日・祝日・年末年始 (12月29日～1月3日)

<受付時間> (午前) 8:45～11:30 (午後) 13:00～16:30

<持ち物> マイナ保険証等加入している医療保険情報が確認できるもの、福祉医療証 (乳幼児等医療費受給者証等)、お薬手帳

※受診前に必ず電話連絡 (079-556-5005) をお願いいたします。

お子さんの休日・夜間診療

神戸こども初期急病センター

診療受付

<診療科目> 15歳未満のお子さんの内科系疾患が対象

<住所> 神戸市中央区脇浜海岸通 1-4-1 (HAT 神戸内)

<電話> 078-891-3999

<診療日・受付時間>

平日 19:30～翌朝 6:30

土曜日 14:30～翌朝 6:30

日曜・祝・年末年始 (12/29～1/3) 8:30～翌朝 6:30

※各受付開始時間の30分後から診療開始

<持ち物> マイナ保険証等加入している医療保険情報が確認できるもの、福祉医療証 (乳幼児等・こども医療費受給者証等)、お薬手帳

電話相談受付

<電話> 078-891-3499

<電話受付>

平日 20:00～翌朝 7:00

土曜日 15:00～翌朝 7:00

日曜・祝日 9:00～翌朝 7:00



Khám bệnh đêm/ngày lễ và tư vấn qua điện thoại

Ngày lễ và tư vấn

Trung tâm khám chữa bệnh khẩn cấp ngày nghỉ thành phố Sanda

<Nội dung> Khám cấp cứu ngoại trú tập trung vào Nội khoa và Nhi khoa

<Địa điểm> 1-10-14 Tenjin, thành phố Sanda (Bên trong Tòa nhà Hành chính Tổng hợp Sanda, tỉnh Hyogo)

<TEL> 079-556-5005

<Ngày khám bệnh> Các ngày Chủ nhật, ngày lễ và kỳ nghỉ Tết Dương lịch (từ ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1)

<Giờ lễ tân> 8:45 - 11:30, 13:00 - 16:30

<Đồ mang theo> Khi đi khám, vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm My Number hoặc thông tin bảo hiểm y tế đang tham gia, Thẻ phúc lợi y tế (Thẻ chứng nhận thụ hưởng chi phí y tế cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, v.v.), Sổ tay thuốc.

※Bắt buộc phải liên hệ qua điện thoại (079-556-5005) trước khi đến khám.

Khám bệnh ban đêm, ngày lễ cho trẻ em

Trung tâm cấp cứu nhi khoa ban đầu Kobe

Đăng ký tư vấn y tế

<Nội dung> Áp dụng cho các bệnh lý nội khoa của trẻ dưới 15 tuổi.

<Địa điểm> 4-1-1 Wakinohama Kaigandori, quận Chuo, thành phố Kobe (trong HAT Kobe)

<TEL> 078-891-3999

<Ngày khám bệnh / Giờ lễ tân>

Các ngày trong tuần: 19:30 - 6:30 sáng hôm sau

Thứ Bảy: 14:30 - 6:30 sáng hôm sau

Chủ nhật, ngày lễ và kỳ nghỉ Tết Dương lịch (29 tháng 12 - 3 tháng 1): 8:30 - 6:30 sáng hôm sau

※Buổi tư vấn sẽ bắt đầu 30 phút sau mỗi khung giờ bắt đầu đã định.

<Đồ mang theo> Khi đi khám, vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm My Number hoặc thông tin bảo hiểm y tế đang tham gia, Thẻ phúc lợi y tế (Thẻ chứng nhận thụ hưởng chi phí y tế cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, v.v.), Sổ tay thuốc.

Tư vấn qua điện thoại

<TEL> 078-891-3499

<Tiếp nhận tư vấn điện thoại>

Các ngày trong tuần: 20:00 - 7:00 sáng hôm sau

Thứ Bảy: 15:00 - 7:00 sáng hôm sau

Chủ nhật và các ngày lễ: 9:00 - 7:00 sáng hôm sau

受診に迷う場合、健康上の相談など

さんだ健康医療相談ダイヤル 24

<電話>0120-310-328

<受付時間>24 時間年中無休

(非通知不可、三田市民のみご利用いただけます)

お子さんの急病、ケガなどでお困りのとき

兵庫県子ども医療電話相談

<電話>#8000 または 078-304-8899(ダイヤル回線、IP 電話)

<受付時間>平日、土曜日 18:00~翌朝 8:00、日曜、祝日、年末年始(12月29日~1月3日):

00~翌朝 8:00

休日歯科診療

<受付時間>9:00~12:30

日曜日や祝日の歯科診療は、休日歯科診療当番医を指定していますので、市広報誌や市ホームページでご確認のうえ、各医院で受診してください。

[休日歯科 三田市](#) [検索](#)

救急告示医療機関

市内救急告示病院/ Cơ sở y tế được công bố tiếp nhận cấp cứu	所在地/ Địa chỉ	TEL
三田市民病院/ Bệnh viện Thành phố Sanda	けやき台 3-1-1 / 3-1-1 Keyakidai, Sanda	079-565-8000
平島病院/ Bệnh viện Hirashima	天神 1-2-15 / 1-2-15 Tenjin, Sanda	079-564-5381

Trường hợp phân vân có nên đi khám hay không, cần tư vấn về sức khỏe, v.v.

Đường dây tư vấn y tế sức khỏe Sanda 24 giờ

<TEL>0120-310-328

<Tiếp nhận tư vấn điện thoại> Có thể liên lạc bất cứ lúc nào

(Cuộc gọi không chấp nhận số ẩn danh, và chỉ dành cho người dân Thành phố Sanda.)

Khi gặp khó khăn do trẻ bệnh đột xuất, bị thương, v.v.

Đường dây tư vấn y tế cho trẻ em tỉnh Hyogo

<TEL>078 - 304 - 8899 hoặc #8000 (Đường dây quay số, điện thoại IP) , Các ngày Chủ nhật,

ngày lễ và kỳ nghỉ Tết Dương lịch (từ ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1): từ 8:00 sáng đến

8:00 sáng ngày hôm sau.

Khám nha khoa ngày nghỉ

<Thời gian sử dụng>9:00~12:30

Đối với khám nha khoa vào Chủ nhật và ngày lễ, thành phố chỉ định nha sĩ trực ngày nghỉ. Vui lòng kiểm tra thông tin trên Bản tin thành phố hoặc trang web chính thức của thành phố, sau đó đến khám tại từng phòng khám được chỉ định.

[Khám nha khoa ngày nghỉ Sanda](#) [Tìm kiếm](#)

Cơ sở y tế được công bố tiếp nhận cấp cứu

子どもを預けるときは

1号認定を受けて利用する(幼稚園など)

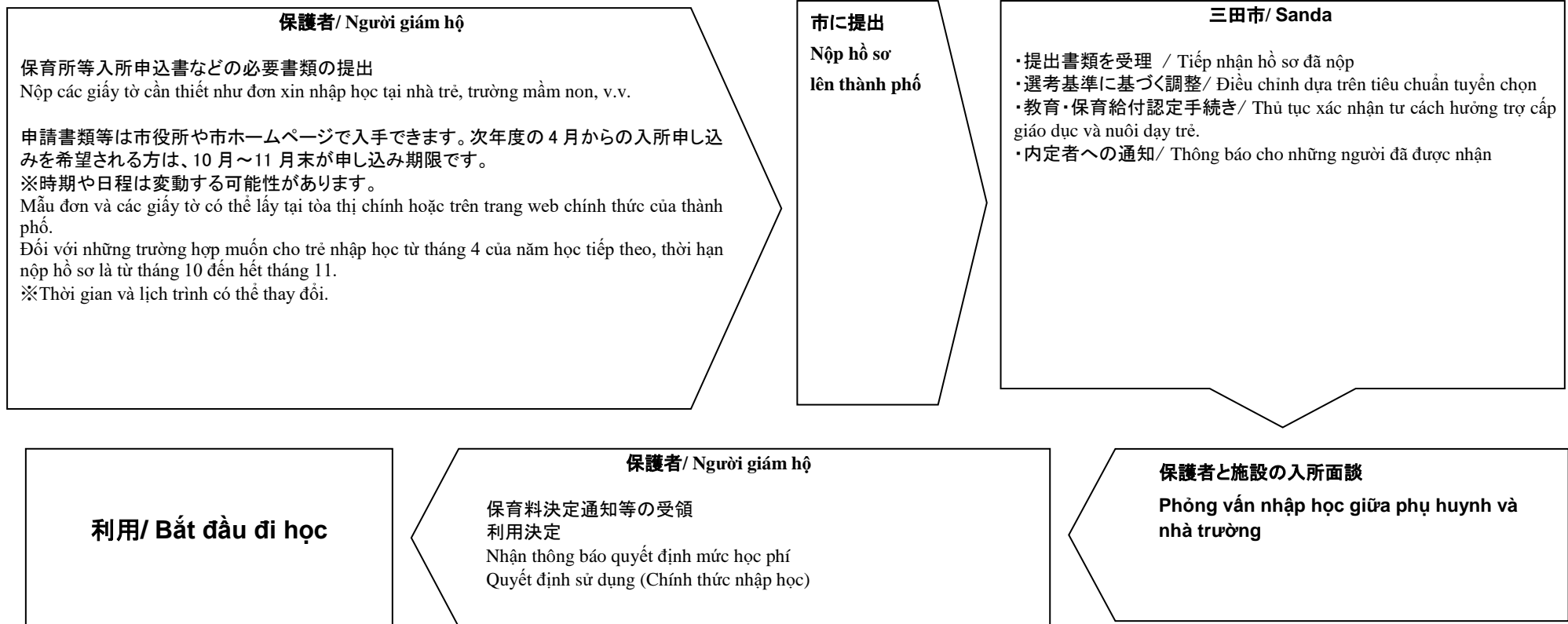
Khi gửi trẻ

Trường hợp sử dụng Chứng nhận loại 1 (Trường mầm non, v.v.)



2号認定・3号認定を受けて利用する(保育所など)

Trường hợp sử dụng Chứng nhận loại 2 – 3 (Nhà trẻ, v.v.)



「保育コンシェルジュ」にご相談ください！

保育振興課には保育資格、保育経験がある専門の相談員の「保育コンシェルジュ」がいます！！お子さんの保育に関してご相談いただけるほか、保育の制度やサービスの情報提供を行っています。それぞれのご家庭にピッタリの保育サービスをご一緒に考えます。いつでもお気軽にご相談ください。

問い合わせ：保育振興課

TEL079-559-5073 FAX 079-563-3611

Hãy trao đổi với "Cố vấn nuôi dạy trẻ"

Tại Phòng Thúc đẩy Nuôi dạy trẻ luôn có các "Cố vấn nuôi dạy trẻ", là những tư vấn viên chuyên nghiệp có bằng cấp và kinh nghiệm trong lĩnh vực chăm sóc trẻ!! Các tư vấn viên không chỉ lắng nghe và tư vấn về việc chăm sóc, gửi trẻ mà còn cung cấp thông tin về các chế độ, hệ thống và dịch vụ chăm sóc trẻ. Chúng tôi sẽ cùng bạn tìm ra dịch vụ chăm sóc trẻ phù hợp nhất với từng gia đình. Xin đừng ngần ngại liên hệ tư vấn bất cứ lúc nào nhé.

【Hỏi đáp】 Phòng Phát triển Chăm sóc Trẻ em

☎079-559-5073 FAX : 079-563-3611

保育所

問い合わせ: 保育振興課

TEL079-559-5073 FAX 079-563-3611

保育所は、保護者が共に働いていたり病気などの理由で、お子さんを家庭で保育できない場合に、保護者に代わって保育を行うための児童福祉施設です。

<対象年齢>

0歳から小学校就学前まで(あさひ若草ナースリーは2歳児まで)※施設により受入可能な年齢に違いがあります。

<利用者負担額(保育料)>

保護者の前年度(または本年度)の市民税課税額と毎年度当初(4月1日時点)の年齢によって決まります。(0~2歳児)

Nhà trẻ

【Hỏi đáp】 Phòng Phát triển Chăm sóc Trẻ em

☎079-559-5073 FAX : 079-563-3611

Nhà trẻ là cơ sở phúc lợi trẻ em được thiết lập để chăm sóc trẻ thay cho phụ huynh khi phụ huynh cùng đi làm hoặc vì lý do bệnh tật, không thể chăm sóc trẻ tại nhà.

<Độ tuổi áp dụng>

Từ 0 tuổi đến trước khi vào tiểu học (riêng cơ sở Asahi Wakakusa Nursery nhận đến 2 tuổi) ※Độ tuổi nhận trẻ có thể khác nhau tùy từng cơ sở.

<Chi phí (học phí)>

Được quyết định dựa trên mức thuế thị dân của phụ huynh năm trước đó (hoặc năm hiện tại) và tuổi của trẻ tính vào đầu mỗi năm học (tính đến ngày 1/4). (trẻ từ 0-2 tuổi)

名称/ Tên cơ sở	所在地/ Địa chỉ	Tel / Fax
市立/ Cơ sở công lập		
三田保育所 / Nhà trẻ Sanda	天神 2-3-3 / 2-3-3 Tenjin, Sanda	564-2418/ F564-2438
私立/ Cơ sở dân lập		
三田こぼと保育園 / Nhà trẻ Sanda Kobato	屋敷町 7-25 / 7-25 Yashikimachi, Sanda	562-4059 / F562-4093
光の子保育園 / Nhà trẻ Hikarinoko	あかしあ台 5-30-1 / 5-30-1 Akashiadai, Sanda	565-0052 / F565-2122
あいの保育園 / Nhà trẻ Aino	下相野 1904 / 1904 Shimoaino, Sanda	568-6292 / F568-6292
あさひ若草ナースリー / Nhà trẻ Asahi Wakakusa Nursery	あかしあ台 4-14-4 / 4-14-4 Akashiadai, Sanda	564-5133/ F564-5134
湊川短期大学附属キッズポート保育園 / Nhà trẻ Kidsport thuộc Đại học Ngắn hạn Minatogawa	すずかけ台 2-16 / 2-16 Suzukakedai, Sanda	569-8653 / F569-8661
よこやま保育園 / Nhà trẻ Yokoyama	南が丘 2-9-5 / 2-9-5 Minamigaoka, Sanda	553-8707 / F553-8708
さんだのもり保育園 / Nhà trẻ Sandanomori	高次 1-1-4 / 1-1-4 Takasugi, Sanda	562-6633 / F562-6639
三田虹の子保育園 / Nhà trẻ Sanda Nijinoko	駅前町 3-15-102 / 3-15-102 Ekimaecho, Sanda	556-7555 / F556-7556
ほしのさと保育園 / Nhà trẻ Hoshinosato	ゆりのき台 2-3-1 / 2-3-1, Yurinokidai	562-4152 / F562-4153

通常の保育時間終了後も引き続き保育します(別途延長保育料が必要)。園庭開放や子育て相談を行っている園もあります。くわしくは各園にお問い合わせください。

Sau khi kết thúc giờ giữ trẻ thông thường, cơ sở vẫn tiếp tục trông giữ trẻ (cần đóng thêm phí giữ trẻ ngoài giờ). Một số cơ sở còn tổ chức mở cửa sân trường và tư vấn nuôi dạy trẻ. Vui lòng liên hệ trực tiếp từng cơ sở để biết thêm chi tiết.

認定こども園

問い合わせ:各認定こども園

認定こども園は、教育と保育を一体的に行う施設です。つまり、幼稚園と保育所の機能をあわせ持っています。保育サービスを希望される場合は、保育所と同様に保護者が共に働いていたり病気などの理由で、お子さんを家庭で保育できない場合に、保護者に代わって保育を行います。また、満3歳児から小学校就学前児童に限っては、入所後保護者の就労状況等に変化が生じ、保護者がお子さんを家庭で保育できるようになった場合でも、引き続き幼稚園として教育サービスを受けることができる点が大きな特長となっています。
※市内の認定こども園一覧、詳細は P5-12 を参照。

〈対象年齢〉

0歳から小学校就学前(施設により受入可能な年齢に違いがあります。)

〈利用者負担額(保育料)〉

保護者の前年度(または本年度)の市市民税課税額と毎年度当初(4月1日時点)の年齢によって決まります。(0~2歳児)

Nhà trẻ phức hợp

【Hỏi đáp】 Các cơ sở giáo dục trẻ em được công nhận

Đây là Nhà trẻ phức hợp, tức là kết hợp chức năng của trường mầm non và nhà trẻ.

Khi phụ huynh mong muốn sử dụng dịch vụ chăm sóc trẻ, giống như nhà trẻ, cơ sở sẽ chăm sóc trẻ thay cho phụ huynh khi phụ huynh cùng đi làm hoặc vì lý do bệnh tật, không thể chăm sóc trẻ tại nhà.

Ngoài ra, điểm nổi bật là đối với trẻ từ tròn 3 tuổi đến trước khi vào tiểu học, ngày cả sau khi nhập học, tình hình công việc của phụ huynh thay đổi và phụ huynh có thể chăm sóc trẻ tại nhà, thì trẻ vẫn có thể tiếp tục được hưởng dịch vụ giáo dục với tư cách là học sinh mầm non.

※Danh sách các cơ sở giáo dục trẻ em được công nhận trong thành phố và chi tiết xem ở P5-12.

〈Độ tuổi áp dụng〉

Từ 0 tuổi đến trước khi vào tiểu học (Độ tuổi nhận trẻ có thể khác nhau tùy từng cơ sở.)

〈Chi phí (học phí)〉

Được quyết định dựa trên mức thuế thị dân của phụ huynh năm trước đó (hoặc năm hiện tại) và tuổi của trẻ tính vào đầu mỗi năm học (tính đến ngày 1/4). (trẻ từ 0-2 tuổi)

小規模保育

問い合わせ: 各小規模保育

小規模保育とは、保育を必要とする3歳未満の子どもを対象とした施設で、少人数(定員19人以下)での、きめ細やかな保育が特長です。

三田市では、平成28年4月から小規模保育(A型)を開設しています。

小規模保育(A型)とは、保育従事者の全てが「保育士」により運営される小規模保育のことで、

小規模保育を卒園後は、認定こども園や保育所(連携施設)へ引き続き入所することができます。

〈対象年齢〉

0歳から2歳児まで(施設により受入可能な年齢に違いがあります。)

〈利用者負担額(保育料)〉

保護者の前年度(または本年度)の市民税課税額と毎年度当初(4月1日時点)の年齢によって決まります。

Cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ

【Hỏi đáp】 Các cơ sở chăm sóc trẻ quy mô nhỏ

Chăm sóc trẻ quy mô nhỏ là các cơ sở dành cho trẻ dưới 3 tuổi cần được chăm sóc, Đặc trưng của mô hình này là số lượng trẻ ít (từ 19 trẻ trở xuống) do đó có thể chăm sóc một cách tỉ mỉ, chu đáo. Tại thành phố Sanda, từ tháng 4 năm 2016, đã triển khai cơ sở chăm sóc trẻ quy mô nhỏ (Loại A). Chăm sóc trẻ quy mô nhỏ (Loại A) là cơ sở chăm sóc trẻ được vận hành hoàn toàn bởi các nhân viên chăm sóc trẻ có chứng chỉ “bảo mẫu chăm sóc trẻ”.

Sau khi tốt nghiệp cơ sở chăm sóc trẻ quy mô nhỏ, trẻ có thể tiếp tục nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non được công nhận hoặc nhà trẻ (cơ sở liên kết).

〈Độ tuổi áp dụng〉

Từ 0 tuổi đến trước khi vào tiểu học (Độ tuổi nhận trẻ có thể khác nhau tùy từng cơ sở.)

〈Chi phí (học phí)〉

Được quyết định dựa trên mức thuế thị dân của phụ huynh năm trước đó (hoặc năm hiện tại) và tuổi của trẻ tính vào đầu mỗi năm học (tính đến ngày 1/4). (trẻ từ 0-2 tuổi)

名称/ Tên cơ sở	所在地/ Địa chỉ	Tel / Fax	連携施設/ Các cơ sở đối tác
こぐまプリスクール三田園 Trường Koguma Preschool chi nhánh Sanda	駅前町 11-1 レバンテ三田 1 階 / Lebante Sanda tầng 1, 11-1 Ekimaecho, Sanda	556-5580 F 556-5580	北摂第一幼稚園/ Trường mầm non Hokusetsu Daiichi
			ゆうかりフレンズ/ Trường Yukari Friends
			三田虹の子保育園/ Nhà trẻ Sanda Nijinoko
やよいキッズ Trường Yayoi Kids	駅前町 1-38 JR 三田駅 NKビル 5 階 Tòa nhà NK Ga JR Sanda tầng 5, 1-38 Ekimaecho, Sanda	559-7799 F 559-7799	やよい幼稚園/ Trường mầm non Yayoi
ミルクたんぽぽ園 Trường Milk Tampopo	西山 1-13-6 1-13-6, Nisiyama, Sanda	558-8500 F 558-8502	よこやま保育園/ Nhà trẻ Yokoyama
			北摂第一幼稚園/ Trường mầm non Hokusetsu Daiichi
			三田こぼと保育園/ Nhà trẻ Sanda Kobato
湊川短期大学附属ぽるとこども園 Cơ sở giáo dục mầm non Porto - Thuộc ĐH Ngắn hạn Minatogawa	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ 2 階 Elm Plaza 2F, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	555-6270 F 555-6271	北摂中央幼稚園/ Trường mầm non Hokusetsu Chuo キッズポート保育園/ Nhà trẻ Kids Port
けやきキッズガーデン Trường Keyaki Kids Garden	あかしあ台 5-32-1 ウッディ殿ビル 3 階 Woody Den Bldg 3F, 5-32-1 Akashiadai, Sanda	564-8330 F 564-8331	三田けやき台認定こども園/ Cơ sở giáo dục mầm non được công nhận Sanda Keyakidai
コスモチャイルド保育園三田園 Nhà trẻ Cosmo Child chi nhánh Sanda	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ 2 階 Elm Plaza 2F, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	556-7756 F 556-7759	北摂中央幼稚園/ Trường mầm non Hokusetsu Chuo
			光の子保育園/ Nhà trẻ Hikarinoko

一時預かり(一時保育)

保護者の就労形態の多様化、急病や育児疲れ解消などのため、一時的に預かりが必要となる小学校就学前の児童を保育園又は認定こども園で一時的にお預かりします。

・**非定型的保育サービス** (※原則として週 3 日程度)

保護者の就労形態などにより、家庭での育児が断続的に困難となり一時的に預かりが必要となる場合。(※保護者の短時間・断続的勤務、職業訓練、就学などのため、平均週 3 日程度まで、家庭での育児が困難となる場合)

・**緊急保育サービス・私的理由による保育サービス** (※原則として 1 か月につき 15 日程度)

保護者の傷病、出産などの緊急時や、保護者の育児疲れなど私的な理由により一時的に預かりが必要となる場合。

＜対象＞

満 1 歳～就学前の児童

※ 認可保育園、認定こども園、小規模保育、幼稚園等に在籍している児童は対象外

＜利用方法＞

①事前実施園で親子面談を受けてください。

②実施園の予約受付方法により利用予約を行ってください。

利用までに健康保険証、母子健康手帳、印鑑を持参のうえ「一時預かり事業利用申請書」を実施園に提出してください。

(提出時期は実施園によって異なります。上記申請書は実施園にあります。市ホームページからもダウンロード可能です。)

＜利用料＞

1 日(4 時間超)2,800 円

半日(4 時間以内)2,000 円

※給食代を含みます。

※直接実施園にお支払いください。

実施園

あいの保育園 一時預かり「アップル」

問い合わせ:TEL/FAX 079-568-6292

＜所在地＞〒669-1345 下相野 1904

＜定員＞おおむね 12 名程度(ただし、通常の保育業務の都合によりお断りする場合もあります。)

＜開設日と保育時間＞月～金曜日 8:30 ～17:00 までの間で、保育が必要な時間(土曜日、日曜日、祝日、12 月 29 日～1 月 3 日、その他、行事のある日などは利用できません。)

＜予約受付時間＞月～金曜日 10:00～17:00

Gửi trẻ tạm thời (Dịch vụ giữ trẻ ngắn hạn)

Đề đáp ứng sjaw đa dạng hoá trong hình thức làm việc của phụ huynh, hoặc do bệnh đột xuất, giải tỏa mệt mỏi nuôi con..v.v, các nhà trẻ và cơ sở giáo dục mầm non được công nhận sẽ tiếp nhận chăm sóc tạm thời cho trẻ em trong độ tuổi mầm non trước độ tuổi vào tiểu học.

● **Dịch vụ chăm sóc trẻ không định kỳ** (※Nguyên tắc là khoảng 3 ngày/tuần.)

Áp dụng khi do hình thức làm việc của phụ huynh hoặc các lý do khác khiến việc chăm sóc trẻ tại nhà gặp khó khăn gián đoạn, cần gửi trẻ tạm thời. (※Cụ thể, trong các trường hợp phụ huynh làm việc ngắn giờ hoặc không liên tục, tham gia đào tạo nghề, đi học, khiến việc chăm sóc trẻ tại nhà khó khăn, có thể sử dụng dịch vụ này trung bình đến khoảng 3 ngày/tuần.)

● **Dịch vụ giữ trẻ khẩn cấp/ Dịch vụ giữ trẻ vì lý do cá nhân** (※Nguyên tắc là khoảng 15 ngày mỗi tháng)

Áp dụng trong các trường hợp khẩn cấp như phụ huynh bị ốm, sinh nở, hoặc vì lý do cá nhân như mệt mỏi trong việc chăm sóc con khiến cần gửi trẻ tạm thời.

〈Độ tuổi áp dụng〉

trẻ từ 1 tuổi đến trước khi vào tiểu học.

※Không dành cho trẻ đang theo học tại các nhà trẻ được chứng nhận, cơ sở mầm non được công nhận, cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ, trường mầm non, v.v.

〈Cách thức sử dụng〉

①Trước tiên, phụ huynh và bé cần đến phòng vấn trực tiếp tại cơ sở thực hiện dịch vụ.

②Thực hiện đặt lịch hẹn theo phương thức tiếp nhận riêng của từng trường.

Trước khi sử dụng, Mang theo Thẻ bảo hiểm y tế, Sổ tay mẹ con, Con dấu và nộp "Đơn đăng ký sử dụng dịch vụ gửi trẻ tạm thời" cho nhà trường.

(Thời hạn nộp hồ sơ sẽ khác nhau tùy thuộc vào từng cơ sở thực hiện. Đơn đăng ký nêu trên có sẵn tại các cơ sở. Ngoài ra, cũng có thể tải đơn xuống từ trang web củ thành phố.)

〈Chi phí sử dụng〉

1 ngày (trên 4 giờ): 2.800 yên

Nửa ngày (dưới 4 giờ): 2.000 yên

※Bao gồm chi phí bữa ăn.

※Thanh toán trực tiếp tại cơ sở thực hiện.

Các cơ sở thực hiện dịch vụ

Nhà trẻ Aino – Dịch vụ chăm sóc tạm thời “Apple”

【Hỏi đáp】 TEL/FAX 079-568-6292

〈Địa chỉ〉 〒669-1345 Shimoino1904

〈Số người tối đa〉 Số lượng khoảng 12 trẻ (Tuy nhiên, tùy vào tình hình thực tế của các hoạt động chăm sóc trẻ thông thường, cũng có trường hợp chúng tôi xin phép từ chối.)

〈Ngày mở cửa và Thời gian chăm sóc〉 Thứ Hai đến Thứ Sáu: Từ 8:30 đến 17:00 (Trẻ sẽ được tiếp nhận và chăm sóc vào thời gian đã đăng kí trong khoảng thời gian này) (Không thể sử dụng dịch vụ: Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày Lễ, 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1, Những ngày có tổ chức sự kiện, v.v.)

〈Thời gian tiếp nhận đặt lịch〉 Thứ 2～Thứ 6 10:00～17:00

三田けやき台認定こども園 一時預かり「にこにこちゃん」

問い合わせ:TEL 079-564-3332 FAX 079-564-3339

〈所在地〉〒669-1321 けやき台 3-74

〈定員〉おおむね 6 名程度(ただし、通常の保育業務の都合によりお断りする場合もあります。)

〈開設日と保育時間〉月～金曜日 9:00 ～17:00 までの間で、保育が必要な時間(土曜日、日曜日、祝日、12月29日～1月3日、その他、行事のある日などは利用できません。)

〈予約受付時間〉月～金曜日 9:00 ～17:00

さんだのもり保育園 一時預かり「ひまわり」

問い合わせ:TEL 079 -562- 6633 FAX 079 -562- 6639

〈所在地〉〒669-1512 高次1-1-4

〈定員〉おおむね6名程度(ただし、通常の保育業務の都合によりお断りする場合もあります。)

〈開設日と保育時間〉月～金曜日 9:00～18:00までの間で、保育が必要な時間(土曜日、日曜日、祝日、12月29日～1月3日、その他、行事のある日などは利用できません。)

〈予約受付時間〉月～金曜日 9:00～17:00

ほしのさと保育園

問い合わせ:TEL 079-562-4152 FAX 079-562-4153

〈所在地〉ゆりのき台 2-3-1

〈定員〉おおむね 5 名程度(定員に余裕のあるクラスでのみ一時預かり保育を行うため、定員数に空きがない場合はお断りする場合があります。)

〈開設日と保育時間〉月曜日から土曜日 9:00～18:00 までの間で、保育が必要な時間(日曜日、祝日、12月29日～1月3日、その他、行事のある日などは利用できません。)

〈予約受付時間〉月曜日～金曜日 9:00～17:00

Cơ sở giáo dục mầm non được công Sanda Keyakidai Dịch vụ chăm sóc tạm thời “Niko Niko-chan”

【Hỏi đáp】 TEL 079-564-3332 FAX 079-564-3339

〈Địa chỉ〉 〒 669-1321 Keyakidai 3-74

〈Số người tối đa〉 Số lượng khoảng 6 trẻ (Tuy nhiên, tùy vào tình hình thực tế của các hoạt động chăm sóc trẻ thông thường, cũng có trường hợp chúng tôi xin phép từ chối.)

〈Ngày mở cửa và Thời gian chăm sóc〉 Thứ Hai đến Thứ Sáu: Từ 8:30 đến 17:00 (Trẻ sẽ được tiếp nhận và chăm sóc vào thời gian đã đăng kí trong khoảng thời gian này) (Không thể sử dụng dịch vụ: Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày Lễ, 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1, Những ngày có tổ chức sự kiện, v.v.)

〈Thời gian tiếp nhận đặt lịch〉 Thứ 2～Thứ 6 9:00～17:00

Nhà trẻ Sandanomori Dịch vụ chăm sóc tạm thời"Himawari"

【Hỏi đáp】 TEL 079 -562- 6633 FAX 079 -562- 6639

〈Địa chỉ〉 〒 669-1512 Takasugi1-1-4

〈Số người tối đa〉 Số lượng khoảng 6 trẻ (Tuy nhiên, tùy vào tình hình thực tế của các hoạt động chăm sóc trẻ thông thường, cũng có trường hợp chúng tôi xin phép từ chối.)

〈Ngày mở cửa và Thời gian chăm sóc〉 Thứ Hai đến Thứ Sáu: Từ 9:00 đến 18:00 (Trẻ sẽ được tiếp nhận và chăm sóc vào thời gian đã đăng kí trong khoảng thời gian này) (Không thể sử dụng dịch vụ: Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày Lễ, 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1, Những ngày có tổ chức sự kiện, v.v.)

〈Thời gian tiếp nhận đặt lịch〉 Thứ 2～Thứ 6 9:00～17:00

Nhà trẻ Hoshinosato

【Hỏi đáp】 TEL079-562-4152 FAX 079-562-4153

〈Địa chỉ〉 Yurinokidai 2-3-1

〈Số người tối đa〉 Số lượng khoảng 6 trẻ (Chúng tôi chỉ cung cấp dịch vụ trông trẻ tạm thời trong các lớp học còn chỗ trống, vì vậy chúng tôi có thể phải từ chối yêu cầu của bạn nếu không còn chỗ trống.)

〈Ngày mở cửa và Thời gian chăm sóc〉 Thứ Hai đến Thứ Sáu: Từ 9:00 đến 18:00 (Trẻ sẽ được tiếp nhận và chăm sóc vào thời gian đã đăng kí trong khoảng thời gian này) (Không thể sử dụng dịch vụ: Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày Lễ, 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1, Những ngày có tổ chức sự kiện, v.v.)

〈Thời gian tiếp nhận đặt lịch〉 Thứ 2～Thứ 6 9:00～17:00

ファミリーサポートセンター

問い合わせ:さんだファミリーサポートセンター(多世代交流館内シニア・ユースひろば)

☎ 079-559-8996 Fax 079-562-8424

「子育ての応援をしてほしい人」と「子育ての応援をしたい人」が依頼・協力・両方のいずれかの会員に登録し、地域の中でつながり、育児の相互援助活動を行う会員制の組織です。援助を受けた会員は協力会員に規定の報酬と実費を払います。

〈対象児童年齢〉概ね 0 歳～小学 6 年生

〈活動の報酬〉800 円～(1 時間・子ども 1 人当たり)

※きょうだい割引、ひとり親家族への助成あり

〈援助できる内容〉

- ・保育施設、放課後児童クラブ終了後の預かりや送迎など
- ・買い物等外出の際の子どもの預かり
- ・子どもの習い事等への送迎
- ・保護者の病気や急用時の子どもの預かり など

〈制度に関するお問い合わせ〉

子ども政策課(三田市役所 2 階)

TEL 079-559-5079 FAX 079-563-3611

子育て家庭ショートステイ

問い合わせ:子ども家庭課 家庭児童相談室

☎ 079-559-5076 Fax 079-563-3611

家庭での子育てが一時的に困難になった場合(疾病、育児不安、育児疲れ、出産、冠婚葬祭、出張など)に、児童養護施設等で一定期間子どもを預かります。利用者負担金は、子どもの年齢・課税状況によって異なりますのでお問い合わせください。

病児・病後児保育施設「ふらっと・クローバー」

問い合わせ

ふらっと・クローバー(多世代交流館内)

TEL 079-553-8006

〈開所日時〉月～金曜日 8:00～18:00



「子どもが病気だけど、どうしても仕事を休めない」

そんな時に、保護者に代わってお子さんをお預かりできるのが、病児病後児保育施設「ふらっと・クローバー」です。

神戸電鉄フラワータウン駅すぐの多世代交流館ふらっとにて実施しておりますので、お困りの際は、ぜひご利用ください。

利用には、事前登録や医師連絡票の提出が必要となります。利用方法・料金等の詳細は、上記の二次元コードから市ホームページをご確認ください。

Trung tâm hỗ trợ gia đình

【Hỏi đáp】 SandaTrung tâm hỗ trợ gia đình (Trung tâm giao lưu đa thế hệ Quảng trường Thanh niên Cao cấp)

☎ 079-559-8996 Fax 079-562-8424

“Người muốn được hỗ trợ nuôi dạy trẻ” và “người muốn hỗ trợ nuôi dạy trẻ” sẽ đăng ký làm thành viên theo một trong các hình thức: nhận hỗ trợ hoặc cộng tác, nơi các thành viên kết nối trong cộng đồng và thực hiện các hoạt động giúp đỡ lẫn nhau trong việc nuôi dưỡng trẻ. Thành viên nhận hỗ trợ sẽ trả khoản thù lao quy định và chi phí thực tế cho thành viên cộng tác.

〈Độ tuổi áp dụng〉 trẻ từ khoảng 0 tuổi đến học sinh lớp 6 tiểu học.

〈Thù lao hoạt động〉 Từ 800 yên (1 tiếng / 1 trẻ)

※có giảm giá cho anh chị em, có hỗ trợ cho gia đình đơn thân.

〈Nội dung có thể hỗ trợ〉

- Trông giữ hoặc đưa đón trẻ sau khi kết thúc giờ học tại các cơ sở giữ trẻ hoặc câu lạc bộ thiếu nhi sau giờ học.
- Trông giữ trẻ khi phụ huynh cần đi ra ngoài (mua sắm, v.v.).
- Đưa đón trẻ đi học năng khiếu, học thêm.
- Trông giữ trẻ khi phụ huynh bị bệnh hoặc có việc gấp, v.v.

〈Liên hệ giải đáp thắc mắc về chế độ〉

Ban chính sách trẻ em(Tòa thị chính, Tầng 2)

☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

Lưu trú ngắn hạn cho gia đình nuôi dạy trẻ

【Hỏi đáp】 Phòng Trẻ em và Gia đình Phòng Tư vấn Gia đình và Trẻ em

☎ 079-559-5076 Fax 079-563-3611

Trong trường hợp việc nuôi dạy trẻ tại gia đình tạm thời gặp khó khăn (do bệnh tật, lo âu về nuôi dạy trẻ, mệt mỏi, sinh con, hiếu hỷ, đi công tác, v.v.), trẻ sẽ được trông giữ tại các cơ sở bảo trợ trẻ em trong một khoảng thời gian nhất định. Chi phí sử dụng sẽ khác nhau tùy thuộc vào độ tuổi của trẻ và tình trạng đóng thuế của gia đình, vì vậy vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.

Phòng nuôi dạy bệnh nhi “Furatto Clover”

【Hỏi đáp】 Furatto Clover (Trung tâm giao lưu đa thế hệ)

TEL 079-553-8006

〈Thời gian sử dụng〉 Thứ 2～Thứ 6 8:00～18:00

Trong trường hợp trẻ bị ốm nhưng phụ huynh không thể nghỉ làm, cơ sở chăm sóc trẻ ốm và sau ốm "Flat Clover" sẽ thay mặt phụ huynh để có thể chăm sóc bé.

Dịch vụ này được thực hiện tại Nhà giao lưu đa thế hệ 'Flat', ngay sát ga Flower Town của tuyến đường sắt Kobe Dentetsu. Khi gặp khó khăn, xin vui lòng liên hệ và sử dụng dịch vụ.

Để sử dụng, cần đăng ký trước và nộp Phiếu liên lạc của bác sĩ. Vui lòng quét mã QR phía trên để kiểm tra thông tin chi tiết về cách thức sử dụng, phí dịch vụ, v.v. trên trang web của thành phố."

障害児一時預かり事業

問い合わせ

かるがも園

〒669-1356 井ノ草 808

TEL 079-568-1626 FAX 079-560-7133

保護者のやむを得ない理由により、就学前の障害児を保育できない場合、月～金曜日(ただし、国民の祝日、かるがも園の休園日は除く)14:00～17:30の間で、一時的にお子さんをお預かりします。※事前登録が必要です。

<対象児童> 就学前の障害児

<利用料> 15分あたり200円

認可外保育施設

県知事に届出のある施設は次のとおりです。保育料・保育時間等の詳しいことは、各施設に直接お問い合わせください。

※月単位の保育は各保育園によって様々なコースがあります。

Dịch vụ giữ trẻ khuyết tật tạm thời

【Hỏi đáp】 Karugamoenn

〒669-1356 Inokusa 808

TEL 079-568-1626 FAX 079-560-7133

Trong trường hợp phụ huynh gặp lý do bất khả kháng và không thể chăm sóc trẻ khuyết tật chưa đến tuổi đi học, trẻ sẽ được nhận chăm sóc tạm thời từ thứ Hai đến thứ Sáu, (Ngoại trừ các ngày lễ quốc gia và ngày nghỉ của cơ sở giữ trẻ Karugamo). ※Cần phải đăng ký trước.

Thời gian: 14:00 – 17:30.

<Độ tuổi áp dụng> Trẻ em khuyết tật chưa học tiểu học.

<Chi phí> 200 Yên mỗi 15 phút

Cơ sở giữ trẻ ngoài cơ sở được cấp phép

Các cơ sở đã đăng ký với Thống đốc tỉnh như sau. Để biết thêm chi tiết về học phí, thời gian chăm sóc trẻ, v.v., vui lòng liên hệ trực tiếp với từng cơ sở.

※Đối với hình thức gửi trẻ theo tháng, mỗi nhà trẻ sẽ có nhiều gói khóa học đa dạng khác nhau.

名称/ Tên cơ sở	所在地/ Địa chỉ	Tel / Fax	一時預かり/ Gửi trẻ tạm thời
ミルクひまわり園 Trường Milk Himawari	弥生が丘 1-1-2 1-1 Yayoigaoka, Sanda	551-1660 F 551-5605	○
みどり保育園(日立 Astemo 阪神株式会社) Nhà trẻ Midori (Hitachi Astemo Hanshin Co., Ltd.)	大原 1-11 1-11 Ohara, Sanda	563-3629 F 563-3750	×
YSE International School 三田校 Trường Quốc tế YSE chi nhánh Sanda	天神 1-9-15 1-9-15, Tenjin, Sanda	562-2550	×
KID ACADEMY NURSERY 三田園 Trường KID ACADEMY NURSERY, chi nhánh Sanda	八景町 1004-1 イマムラビル 1A5 室 Tòa nhà Imamura Building, Phòng 1A5, 1004-1, Hakkeicho, Sanda	556-5000	○
保育所モーモーランド ウッディタウン Cơ sở giữ trẻ Moo-Moo Land, chi nhánh Woody Town	すずかけ台 2-3-1 えるむプラザ 2階 Tòa nhà Erumu Plaza, Tầng 2, 2-3-1 Suzukakedai, Sanda	558-8118 F 558-8118	○

・一時預かりのみ/ Chỉ nhận chăm sóc tạm thời

名称/ Tên cơ sở	所在地/ Địa chỉ	Tel / Fax
子育て支援スペースみるく Không gian hỗ trợ nuôi dạy trẻ Milk	弥生が丘 1-1-2 1-1 Yayoigaoka, Sanda	551-5489 F 551-5605

幼稚園・認定こども園

問い合わせ

各幼稚園、認定こども園

<対象年齢>

幼稚園は、満3歳から小学校就学前まで、認定こども園は、0歳から小学校就学前まで(各園により入園可能な年齢に違いがあります。市立幼稚園・認定こども園は3歳児からです。)

<必要な費用>

市立幼稚園・認定こども園は給食費、その他の費用

私立認定こども園は市が定める利用者負担額(保育料)と、各園が定める費用

Nhà trẻ phức hợp và cơ sở mầm non được công nhận

【Hỏi đáp】

Nhà trẻ phức hợp và cơ sở mầm non được công nhận

<Độ tuổi áp dụng> Trường mầm non: nhận trẻ từ đủ 3 tuổi cho đến trước khi vào tiểu học. Cơ sở mầm non được công nhận: nhận trẻ từ 0 tuổi cho đến trước khi vào tiểu học. Độ tuổi có thể nhập học sẽ khác nhau tùy vào từng trường. Riêng các trường mầm non công lập và cơ sở giáo dục mầm non công lập được công nhận của thành phố sẽ tiếp nhận trẻ từ 3 tuổi trở lên.

<Chi phí cần thiết> Đối với các trường mầm non công lập và cơ sở giáo dục mầm non công lập được công nhận của thành phố: Tiền ăn trưa và các chi phí khác.

Đối với các cơ sở giáo dục mầm non tư thục được công nhận: Mức phí phụ huynh phải đóng do thành phố quy định và các khoản phí do từng trường quy định riêng

名称/ Tên cơ sở	所在地/ Địa chỉ	Tel / Fax
市立/ Cơ sở công lập		
三田幼稚園/ Sanda mẫu giáo	西山 1-8-1 1-8-1 Nishiyama, Sanda	563-2343 F 563-2574
三輪幼稚園/ Miwa mẫu giáo	三輪 1-13-41 1-13-41 Miwa, Sanda	563-6529 F 563-6571
認定こども園ありまふじ幼稚園/ Cơ sở mầm non được công nhận Arimafuji mẫu giáo	志手原 881 881 Shidehara, Sanda	563-2854 F 563-2892
認定こども園みつば幼稚園/ Cơ sở mầm non được công nhận Mitsuba mẫu giáo	上井沢 310 310 Kami Isawa, Sanda	567-0344 F-567-0359
松が丘幼稚園/ Matsugaoka mẫu giáo	川除 547 547 Kawayoke, Sanda	563-4326 F 563-4347
私立/ Cơ sở dân lập		
認定こども園湊川短期大学附属北摂第一幼稚園/ Nhà trẻ phức hợp trực thuộc trường đại học ngắn hạn Minatogawa, trường mầm non Hokusetsu Daiichi.	武庫が丘 4-10 4-10 Mukogaoka, Sanda	563-7557 F 563-7754
認定こども園湊川短期大学附属北摂中央幼稚園/ Nhà trẻ phức hợp trực thuộc trường đại học ngắn hạn Minatogawa, trường mầm non Hokusetsu Chuo	すずかけ台 2-16 2-16 Suzukakedai, Sanda	565-0051 F 565-0444
認定こども園ふじ幼稚園/ Nhà trẻ phức hợp, Trường mầm non Fuji	富士が丘 2-16 2-16 Fujigaoka, Sanda	562-8122 F-562-7871
認定こども園三田あさひ幼稚園/ Nhà trẻ phức hợp, Trường mầm non Sanda Asahi	あかしあ台 4-21 4-21 Akashiadai, Sanda	565-2436 F 565-2437
認定こども園三田さち幼稚園/ Nhà trẻ phức hợp, Trường mầm non Sanda Sachi	狭間が丘 4-5 4-5 Hasamagaoka, Sanda	562-7117 F 553-3158
三田つつじが丘認定こども園/ Nhà trẻ phức hợp, Trường nhận Sanda Tsutsujigaoka	つつじが丘北 2-26 2-26 Tsutsujigaoka Kita, Sanda	568-3370 F 568-3371
三田けやき台認定こども園※/ Nhà trẻ phức hợp Sanda Keyakidai※	(3歳児以上/ Trẻ từ 3 tuổi trở lên) けやき台3-64/	565-4885 F 565-4886
	(3歳児未満/ Trẻ dưới 3 tuổi) けやき台 3-74/ 3-74 Keyakidai, Sanda	564-3332 F 564-3339

名称/ Tên cơ sở	所在地/ Địa chỉ	Tel / Fax
私立/ Cơ sở dân lập		
認定こども園湊川短期大学附属北摂学園幼稚園/ Nhà trẻ phức hợp trực thuộc trường đại học ngắn hạn Minatogawa, Trường mầm non Hokusetsu Gakuen	学園 7-1-3 7-1-3 Gakuen, Sanda	565-8585 F 565-8431
認定こども園やよい幼稚園/ Nhà trẻ phức hợp, Trường mầm non Yayoi	弥生が丘 5-13 5-13 Yayoi gaoka, Sanda	559-2322 F 559-4686
認定こども園神戸親和大学附属親和幼稚園/ Nhà trẻ phức hợp, Trường mầm non Shinwa - trực thuộc trường Đại học Kobe Shinwa	ゆりのき台 5-43 5-43 Yurinokidai, Sanda	565-5506 F 565-5539
ゆかりフレンズ※/ Nhà trẻ phức hợp theo mô hình kết hợp giáo dục mầm non và chăm sóc trẻ Yukari Friends※	狭間が丘 2-20 2-20 Hazamagaoka, Sanda	562-0250 F 562-0349
若草幼稚舎※/ Nhà trẻ phức hợp theo mô hình kết hợp giáo dục mầm non và chăm sóc trẻ Wakakusa Yochisha	けやき台 5-24 5-24 Keyakidai, Sanda	563-5481 F 563-5482

※幼保連携型認定こども園/ Nhà trẻ phức hợp theo mô hình kết hợp giáo dục mầm non và chăm sóc trẻ

※各園、通常の教育・保育時間終了後も引き続き保育する制度があります（別途料金）。

Mỗi trường đều có chế độ tiếp tục chăm sóc trẻ sau khi kết thúc giờ giáo dục và nuôi dạy thông thường. (Phí gửi ngoài giờ tính riêng)



幼稚園

幼児を保育し、適当な環境を提供し、その心身の発達を助長することを目的とする学校です。

認定こども園

【認定こども園とは】

保護者が働いている、働いていないにかかわらず小学校就学前の子どもを受け入れ、幼児教育・保育を一体的に提供することができる就学前施設です。また、地域の子育て家庭を対象に、相談活動や親子の集いの場などを提供し、子育て支援を行います。

市内には、幼稚園型認定こども園(11園)、幼保連携型認定こども園(3園)があります。利用方法や時間などくわしくは各園にお問い合わせください。

- ・幼稚園型認定こども園とは、幼稚園が保育の必要な子どものための保育時間を確保するなど、保育所的な機能を備える施設です。
- ・幼保連携型認定こども園とは、幼稚園と認可保育所とが連携して、一体的な運営を行う施設です。

園庭開放や子育て相談を行っている園もあります。くわしくは各園にお問い合わせください。

Trường mầm non

Đây là loại hình trường học nhằm mục đích nuôi dạy trẻ nhỏ, cung cấp môi trường thích hợp và hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển về cả tâm hồn lẫn thể chất của trẻ.

Cơ sở giáo dục mầm non được công nhận

【Cơ sở giáo dục mầm non được công nhận là gì?】

Đây là cơ sở giáo dục mầm non tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi trước khi vào tiểu học, bất kể phụ huynh có đang đi làm hay không. Cơ sở này có khả năng cung cấp đồng nhất cả hai chức năng: Giáo dục mầm non và Nuôi dạy trẻ. Ngoài ra, nơi đây còn thực hiện các hoạt động hỗ trợ nuôi dạy trẻ bằng cách cung cấp không gian giao lưu cho cha mẹ và bé, cũng như tổ chức các hoạt động tư vấn dành cho các gia đình đang nuôi con nhỏ trong khu vực.

Trong thành phố hiện có 11 trường mầm non được công nhận loại hình Mầm non và 3 trường mầm non được công nhận loại hình Liên kết Mầm non - Nhà trẻ. Để biết chi tiết về cách thức đăng ký và thời gian gửi trẻ, vui lòng liên hệ trực tiếp với từng trường.

- Cơ sở giáo dục mầm non loại hình mầm non: là cơ sở mầm non nhưng đảm bảo thời gian giữ trẻ cho những trẻ cần chăm sóc, đồng thời có chức năng giống nhà trẻ.
- Cơ sở giáo dục mầm non loại liên kết mầm non – nhà trẻ: là cơ sở liên kết giữa mầm non và nhà trẻ được cấp phép, hoạt động dưới quy trình quản lý tích hợp.

Ngoài ra, cũng có những trường tổ chức mở cửa sân chơi hoặc tư vấn về việc nuôi dạy trẻ. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ trực tiếp với từng trường.

小学校

Trường Tiểu học

名称/ Tên cơ sở	所在地/ Địa chỉ	Tel / Fax	放課後児童クラブの設置状況 Tình hình thành lập Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học
三田小学校 / Sanda Trường Tiểu học	屋敷町 2-20 2-20 Yashikimachi, Sanda	562-4751 / F-562-4752	○
三輪小学校 / Miwa Trường Tiểu học	三輪 1-12-1 1-12-11 Miwa, Sanda	564-4087 / F 564-4088	○
志手原小学校 / Shidehara Trường Tiểu học	志手原 881 881 Shidehara, Sanda	563-4406 / F 563-7492	
藍小学校 / Ai Trường Tiểu học	西相野 477-1 477-1 Nishiaino, Sanda	568-0001 / F 568-1549	
本庄小学校 / Honjo Trường Tiểu học	東本庄 1910 1910 Higashihonjo, Sanda	568-1002 / F 568-4639	
広野小学校 / Hirono Trường Tiểu học	上井沢 295 295 Kamiisawa, Sanda	567-0024 / F 567-0343	○
小野小学校 / Ono Trường Tiểu học	小野 1254-1 1254-1 Ono, Sanda	566-0201 / F 566-0327	
高平小学校 / Takahira Trường Tiểu học	下里 172 172 Shimozato, Sanda	569-0142 / F 569-0399	○
母子小学校 / Moushi Trường Tiểu học	母子 721 721 Moshi, Sanda	566-0200 / F 566-0045	
武庫小学校 / Muko Trường Tiểu học	武庫が丘 4-13 4-13 Mukogaoka, Sanda	563-1761 / F-563-5462	○
松が丘小学校 / Matsugaoka Trường Tiểu học	川除 535 535 Kawayoke, Sanda	563-4320 / F 563-4325	○
すずかけ台小学校 / Suzukakedai Trường Tiểu học	すずかけ台 2-45 2-45 Suzukakedai, Sanda	565-0081 / F 565-0082	○
狭間小学校 / Hasama Trường Tiểu học	狭間が丘 4-4 4-4 Hasamagaoka, Sanda	562-2145 / F 562-2141	○
富士小学校 / Fuji Trường Tiểu học	富士が丘 1-12 1-12 Fujigaoka, Sanda	562-8245 / F 562-8246	○
あかしあ台小学校 / Akashiadai Trường Tiểu học	あかしあ台 2-6 2-6 Akashiadai, Sanda	565-2712 / F 565-2713	○
弥生小学校 / Yayoi Trường Tiểu học	弥生が丘 2-20 2-20 Yayoigaoka, Sanda	562-5175 / F 562-5197	○
つつじが丘小学校 / Tsutsujigaoka Trường Tiểu học	つつじが丘南 3-829-1 3-829-1 Tsutsujigaokaminami, Sanda	568-3771 / F 568-3772	○
けやき台小学校 / Keyakidai Trường Tiểu học	けやき台 3-77 3-77 Keyakidai, Sanda	565-1950 / F 565-1951	○
学園小学校 / Gakuen Trường Tiểu học	学園 7-7 7-7 Gakuen, Sanda	565-8100 / F 565-8101	○
ゆりのき台小学校 / Yurinokidai Trường Tiểu học	ゆりのき台 4-24 4-24 Yurinokidai, Sanda	565-7145 / F 565-7146	○

三田市あすなろ教室

問い合わせ

学校教育課 TEL 079-559-5138 FAX 079-559-6400

三田市あすなろ教室 TEL 079-559-1868

学校に行きにくい小・中学生が安心して通える教室です。
教室では一人ひとりの子どもに応じた学習や、レクリエーション等、体験を通して人間関係づくりを学んでいきます。
本人と保護者へのカウンセリングも行っています。
学校を通じての申し込みになります。まず学校と相談をしてください。

放課後児童クラブ

問い合わせ

子ども育成課

TEL 079-559-5046 FAX 079-563-3611

放課後に家庭や地域で適切な保護を受けることができない小学生に、適切な遊びや生活の場を提供する事業です。利用にあたっては、育成料と児童生活費が必要です。
放課後児童クラブの設置状況については P5-14 の表をご覧ください。
放課後児童クラブを設置していない小学校の児童は、市の送迎車を使って近隣施設へ通所しています。
くわしくは、子ども育成課にお問い合わせください。

Lớp học Asunaro thành phố Sanda

【Hỏi đáp】

Phòng Giáo dục Trường học TEL 079-559-5138 FAX 079-559-6400

Lớp học Asunaro thành phố Sanda TEL 079-559-1868

Đây là lớp học dành cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở gặp khó khăn khi đến trường có thể an tâm theo học.

Tại lớp học này, các em sẽ được học tập phù hợp với năng lực của từng cá nhân, đồng thời thông qua các hoạt động vui chơi giải trí và trải nghiệm thực tế để học cách xây dựng các mối quan hệ xã hội.

Thực hiện tư vấn tâm lý cho cả bản thân học sinh và phụ huynh.

Việc đăng ký tham gia phải thông qua nhà trường. Trước tiên, phụ huynh vui lòng thảo luận với phía nhà trường

Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học

【Hỏi đáp】

Phòng Phát triển Trẻ em

TEL 079-559-5046 FAX 079-563-3611

Đây là chương trình cung cấp không gian vui chơi và sinh hoạt phù hợp cho các em học sinh tiểu học, những em không thể nhận được sự chăm sóc đầy đủ tại gia đình hoặc cộng đồng sau giờ học. Khi sử dụng dịch vụ này, phụ huynh cần đóng Phí nuôi dưỡng và Chi phí sinh hoạt của trẻ .

Về tình trạng thiết lập của Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học, vui lòng xem bảng biểu tại P5-14.

Đối với học sinh tại các trường tiểu học không thiết lập Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học, các em sẽ sử dụng xe đưa đón của thành phố để đến các cơ sở lân cận.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Phát triển Trẻ em.

支援・相談窓口

発達や発育が気になったら

児童発達支援センター

問い合わせ: かるがも園

〒669-1356 井ノ草 808

TEL 079-568-1626 FAX 079-560-7133

ぞうさんの足音

〒669-1322 すずかけ台 1-12

TEL 079-564-7785 FAX 079-556-7731

身近な地域における通所支援事業所としての専門機能を生かし、就学前の子どもの専門的な療育、地域の障害のある子どもやその家族からの相談、障害のある子どもを支援する施設への援助・助言を合わせて行うなど、地域の中核的な療育支援を行います。

障害児通所支援

問い合わせ: 障害福祉課

TEL 079-559-5075 FAX 079-562-1294

身体障害、知的障害、精神障害などのため、通所による療育等の支援が必要な児童に対し、専門的なサービスを受けることができます。

<サービス利用までの流れ>

- ①市役所に支給申請を行い、生活や障害の状況について面談をします。
- ②利用者が、サービス利用計画書の作成を相談支援事業者に依頼し、作成されたサービス利用計画書を市役所に提出します。
- ③面談等の内容を踏まえた支給決定がなされ、通所受給者証が交付されます。
- ④通所受給者証が交付されたら、指定支援事業者と利用契約を締結します。
- ⑤サービスを利用します。

・児童発達支援

日常生活における基本的な動作の指導、知識技能の付与、集団生活への適応訓練などを行います。(未就学児対象)

Quầy hỗ trợ và tư vấn

Nếu bạn lo lắng về sự phát triển hoặc tăng trưởng của trẻ

Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Trẻ em

【Hỏi đáp】Nhà trẻ Karugamo

〒669-1356 808 Inokusa, Sanda

TEL 079-568-1626 FAX 079-560-7133

Zou-san no Ashioto

〒669-1322 1-12 Suzukakedai, Sanda

TEL 079-564-7785 FAX 079-556-7731

Phát huy chức năng chuyên môn với tư cách là cơ sở hỗ trợ ngoại trú tại địa phương, trung tâm thực hiện hỗ trợ trị liệu cốt lõi trong khu vực, bao gồm: thực hiện trị liệu chuyên biệt cho trẻ em trong độ tuổi mầm non, tư vấn cho trẻ khuyết tật và gia đình tại địa phương, đồng thời thực hiện hỗ trợ và đưa ra lời khuyên cho các cơ sở đang hỗ trợ trẻ khuyết tật.

Hỗ trợ trẻ khuyết tật đi học

【Hỏi đáp】Phòng Phúc lợi Người khuyết tật

TEL 079-559-5075 FAX 079-562-1294

Đối với những trẻ em cần sự hỗ trợ như trị liệu chuyên biệt thông qua hình thức ngoại trú do khuyết tật thân thể, khuyết tật trí tuệ hoặc khuyết tật tâm thần, các em có thể nhận được các dịch vụ chuyên môn.

<Quy trình cho đến khi sử dụng dịch vụ>

- ①Thực hiện đơn xin cấp trợ cấp tại tòa thị chính và tiến hành phỏng vấn về tình trạng sinh hoạt cũng như tình trạng khuyết tật.
- ②Người sử dụng yêu cầu cơ sở hỗ trợ tư vấn lập bản dự thảo kế hoạch sử dụng dịch vụ, sau đó nộp bản dự thảo kế hoạch sử dụng dịch vụ đã lập cho tòa thị chính.
- ③Việc quyết định cấp chế độ được thực hiện dựa trên nội dung phỏng vấn và các yếu tố liên quan, sau đó Giấy chứng nhận thụ hưởng dịch vụ ngoại trú sẽ được cấp phát.
- ④Sau khi Giấy chứng nhận thụ hưởng dịch vụ ngoại trú được cấp phát, người sử dụng ký kết hợp đồng sử dụng với cơ sở hỗ trợ được chỉ định.
- ⑤Bắt đầu sử dụng dịch vụ.

・Hỗ trợ phát triển trẻ em

Thực hiện hướng dẫn các động tác cơ bản trong sinh hoạt hằng ngày, truyền đạt kiến thức và kỹ năng, rèn luyện khả năng thích nghi với sinh hoạt tập thể. (Đối tượng: Trẻ em chưa đến tuổi đi học)

名称/ Tên cơ sở	住所/ Địa chỉ	TEL/ FAX
かるがも園 / Nhà trẻ Karugamo	井ノ草 808/ 808 Inokusa, Sanda	568-1626 / F 560-7133
さくらこどもセンター「ケイキマナスクール」/ Trung tâm trẻ em Sakura "Trường Keiki Mana"	天神 2-11-6/2-11-6, Tenjin, Sanda	078-331-3200/F 558-7903
ぞうさんの足音/ Zou-san no Ashioto	すずかけ台 1-12/ 1-12 Suzukakedai, Sanda	564-7785 / F 556-7731
ふあんふあん/ Fan Fan	対中町 15-16/ 15-16 Tainakacho, Sanda	565-1311 / F 565-1317
UT キッズ三田 / UT Kids Sanda	南が丘 1-54-27/ 1-54-27 Minamigaoka, Sanda	559-6599 / F 559-6598
UT キッズ三田コネクト/ UT Kids Sanda Connect	南が丘 1-38-4/ 1-38-4 Minamigaoka, Sanda	563-2777 / F 563-2778
若草ベース/ Wakakusa Base	あかしあ台 4-21/ 4-21 Akashiadai	090-7466-2025

・放課後等デイサービス

学校の授業終了後または休業日に、生活能力の向上のために必要な訓練、社会との交流の促進などを行います。

・Dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ trẻ em sau giờ học

Thực hiện các hoạt động rèn luyện cần thiết để nâng cao năng lực sinh hoạt, thúc đẩy giao lưu với xã hội, v.v., vào thời điểm sau khi kết thúc giờ học ở trường hoặc vào các ngày nghỉ.

名称/ Tên cơ sở	住所/ Địa chỉ	TEL/ FAX
さくらこどもセンター「さくらっ子クラブ」/ Trung tâm trẻ em Sakura "Sakurakko Club"	天神 2-11-6/2-11-6, Tenjin, Sanda	078-331-3200 / F 558-7903
三田わくわく村(大原事務所) / Sanda Wakuwaku-mura	大原 1546-5 / 1546-5 Ohara, Sanda	564-0909 / F 564-8500
ぞうさんの足音 / Zou-san no Ashioto	すずかけ台 1-12 / 1-12 Suzukakedai, Sanda	564-7785 / F 556-7731
ぞうさんの足音えるむプラザ校 / Zou-san no Ashioto Trường Erumu Plaza	すずかけ台 2-3-1 2F / 2-3-1 2F Suzukakedai, Sanda	564-7785 / F 556-7731
ハッピーテラスさんだ教室 / Lớp học Happy Terrace Sanda	高次 1-3-16-101 / 1-3-16-101 Takasugi, Sanda	555-6161 / F 555-6162
ふあんふあん / Fan Fan	対中町 15-16 / 15-16 Tainakacho, Sanda	565-1311 / F 565-1317
放課後デイゆりのき / Trung tâm sau giờ học Yurinoki	ゆりのき台 2-1-3 / 2-1-3 Yurinokidai, Sanda	506-1226 / F 506-1226
UT キッズ三田 / UT Kids Sanda Connect	南が丘 1-54-27 / 1-54-27 Minamigaoka, Sanda	559-6599 / F 559-6598
UT キッズ三田コネクト / UT Kids Sanda Connect	南が丘 1-38-4 / 1-38-4 Minamigaoka, Sanda	563-2777 / F 563-2778
センターキッズ / Center Kids	井ノ草 808 子ども発達支援センターさんだ内 / Trung tâm hỗ trợ phát triển trẻ em Sanda bên trong Inokusa 808	568-1955 / F 560-0595
ユニバーサルスクール武庫が丘校 / Trường Yunibasaru Sukuru Mukogaoka	武庫が丘 3-2-1 / 3-2-1 Mukogaoka, Sanda	558-7884 / F 558-7894
ユニバーサルスクール三田本町校 / Trường Yunibasaru Sukuru Trường Sanda Honmachi	相生町 19-8 / 19-8 Aioicho, Sanda	555-6553 / F 555-6558
ピアチェーレ / Piacere	長坂 623-21 / 623-21 Nagasaka, Sanda	506-5600 / F 506-5601
だんだん / Dandan	上井沢 45-1 / 45-1, Kamiizawa, Sanda	550-9059 / F 550-9060

・保育所等訪問支援

障害児が集団生活を営む保育所などの施設を訪問し、集団生活への適応のための専門的な支援を行います。

・Hỗ trợ thăm khám nhà trẻ, v.v.

Thực hiện thăm các cơ sở như nhà trẻ, nơi trẻ khuyết tật đang sinh hoạt tập thể, để tiến hành hỗ trợ chuyên môn giúp trẻ thích nghi với sinh hoạt tập thể.

名称/ Tên cơ sở	住所/ Địa chỉ	TEL/ FAX
かるがも訪問支援 / Hỗ trợ thăm khám Karugamo	井ノ草 808 / 808 Inokusa, Sanda	568-1626 / F 560-7133
さくらこどもセンター / Trung tâm trẻ em Sakura	天神 2-11-6 / 2-11-6, Tenjin, Sanda	078-331-3200 / F 558-7903
ぞうさんの足音 / Zou-san no Ashioto	すずかけ台 1-12 / 1-12 Suzukakedai, Sanda	564-7785 / F 556-7731
ユニバーサルスクール三田本町校 / Trường Yunibasaru Sukuru Trường Sanda Honmachi	相生町 19-8 / 19-8 Aioicho, Sanda	555-6553 / F 555-6558
若草ベース / Wakakusa Base	あかしあ台 4-21 / 4-21	090-7466-2025

特別支援教育相談

問い合わせ: 教育支援課 特別支援教育サポートセンター 相談受付

TEL 079-569-7315 FAX 079-559-6400

子どもの発達や園所・学校生活での悩みや不安について相談に応じます。(予約制)

Tư vấn giáo dục hỗ trợ đặc biệt

【Hỏi đáp】Phòng Hỗ trợ Giáo dục Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục Đặc biệt - Tiếp nhận tư vấn

TEL 079-569-7315 FAX 079-559-6400

Tiếp nhận tư vấn về những lo lắng hay bất an liên quan đến sự phát triển của trẻ cũng như cuộc sống tại các trường mầm non, nhà trẻ và trường học. (Cần đặt chỗ trước)

子どもの幸せを願って

子どもの権利条約

世界中の子どもたちの権利を守るために、平成元(1989)年の国連総会で「児童の権利に関する条約(子どもの権利条約)」ができました。日本は、平成6(1994)年にこの条約を批准しました。この条約では、「子どもの最善の利益」を保障する大人の責任を定めるとともに、守るべき子どもの権利を次の4つにまとめています。

● 生命、生存および発達に対する権利(命を守られ成長できること)

すべての子どもの命が守られ、もって生まれた能力を十分に伸ばして成長できるよう、医療、教育、生活への支援などを受けることが保障されます。

● 子どもの最善の利益(子どもにとって最もよいこと)

子どもに関することが決められ、行われる時は、「その子どもにとって最もよいことは何か」を第一に考えます。

● 子どもの意見の尊重(意見を表明し参加できること)

子どもは自分に関係のある事柄について自由に意見を表すことができ、おとなはその意見を子どもの発達に応じて十分に考慮します。

● 差別の禁止(差別のないこと)

すべての子どもは、子ども自身や親の人種や国籍、性、意見、障がい、経済状況などどんな理由でも差別されず、条約の定めるすべての権利が保障されます。

子育ての悩みちょっと話してみませんか？

家庭児童相談室

子どもを養育するうえでのさまざまな悩み事、子どもの虐待についての相談に応じます。

● 父(母)の病気で子どもを養育できない

● 言葉の遅れなど心身の発達について悩んでいる

● なかなか友達ができない

● いらいらして手をあげてしまう

● ヤングケアラーなのかも…

● 子どもを少しの間だけ預かってほしい(子育て家庭ショートステイ参照 P5-8)

<18歳までの子どもの相談に応じます。>

面談・電話で対応します(必要に応じてご家庭を訪問し、お話を伺うこともできます)

相談内容によっては、川西こども家庭センターなどの関係機関と連携を図りながら、お子さんのためによりよい支援を考えます。

問い合わせ

24時間・全日対応 TEL 079-559-5076

※平日 16時30分～翌朝9時・土日祝日終日は児童養護施設の相談員が相談に応じます。

Vi hạnh phúc trẻ thơ

Công ước về quyền trẻ em

Đề bảo vệ quyền của trẻ em trên toàn thế giới, vào năm 1989, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua "Công ước về Quyền của Trẻ em (Công ước về Quyền Trẻ em)". Nhật Bản đã phê chuẩn công ước này vào năm 1994. Công ước này quy định trách nhiệm của người lớn trong việc bảo đảm "lợi ích tốt nhất của trẻ em", đồng thời tóm tắt các quyền của trẻ em cần được bảo vệ thành 4 nhóm sau đây.

● Quyền được sống, sinh tồn và phát triển Được bảo vệ tính mạng và có thể trưởng thành.

Tính mạng của mọi trẻ em đều được bảo vệ; trẻ được bảo đảm nhận được sự hỗ trợ về y tế, giáo dục, đời sống, v.v., để có thể phát triển và mở rộng tối đa năng lực bẩm sinh của mình.

● Lợi ích tốt nhất của trẻ em

Khi quyết định hoặc thực hiện những vấn đề liên quan đến trẻ, luôn ưu tiên điều gì tốt nhất cho chính đứa trẻ đó.

● Tôn trọng ý kiến của trẻ em (Có quyền bày tỏ ý kiến và tham gia).

Trẻ em có thể tự do bày tỏ ý kiến về những sự việc liên quan đến bản thân, và người lớn sẽ cân nhắc đầy đủ những ý kiến đó tùy theo mức độ phát triển của trẻ.

● Chăm phân biệt đối xử

Tất cả trẻ em đều không bị phân biệt đối xử vì bất kỳ lý do nào như chủng tộc, quốc tịch, giới tính, ý kiến, khuyết tật, tình trạng kinh tế của chính bản thân đứa trẻ hay của cha mẹ, đồng thời sẽ được bảo đảm tất cả các quyền mà Công ước đã quy định.

Bạn có muốn chia sẻ một chút về những trở ngại trong việc nuôi dạy con không?

Phòng Tư vấn Gia đình và Trẻ em

Chúng tôi tiếp nhận tư vấn về các nỗi lo khác nhau trong việc nuôi dưỡng trẻ nhỏ, cũng như các tư vấn về ngược đãi trẻ em.

● Cha (mẹ) bị bệnh nên không thể nuôi dưỡng con cái.

● Lo lắng về sự phát triển thân thể và tinh thần, chẳng hạn như chậm nói.

● Trẻ khó kết bạn.

● Cảm thấy bức bối, cáu gắt và đôi khi mất kiểm soát với trẻ.

● Có thể là trẻ hoặc thanh thiếu niên phải chăm sóc người khác.

● Muốn gửi con chỉ trong một khoảng thời gian ngắn. (Tham khảo mục "Lưu trú ngắn hạn cho gia đình nuôi dạy trẻ" tại trang P5-8)

〈Chúng tôi tiếp nhận tư vấn về trẻ em cho đến 18 tuổi.〉

Đáp ứng thông qua phòng vấn trực tiếp hoặc điện thoại. (Trong trường hợp cần thiết, chúng tôi có thể đến thăm gia đình để lắng nghe câu chuyện.)

Tùy vào nội dung tư vấn, chúng tôi sẽ vừa phối hợp với các cơ quan liên quan như Trung tâm Gia đình Trẻ em Kawanishi, vừa suy nghĩ phương án hỗ trợ tốt nhất cho trẻ.

【Hỏi đáp】Hỗ trợ 24 giờ, Tất cả các ngày TEL 079-559-5076

※Ngày thường từ 16:30 đến 9:00 sáng hôm sau, các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ, nhân viên tư vấn của Cơ sở Bảo trợ Trẻ em sẽ tiếp nhận tư vấn.

児童虐待

全国的に児童虐待が深刻な問題になっていることから、平成12年11月より「児童虐待の防止などに関する法律」が施行されています。子どもの健全な育成を妨げることは虐待にあたります。

- 身体的虐待
殴る、蹴る、叩く、家の外にしめだす など
- 性的虐待
子どもへの性的行為、性的行為を見せる など
- ネグレクト
乳幼児を家に置いて外出する、食事を与えない、自動車の中に放置する など
- 心理的虐待
言葉により脅かす、無視する、子どもの目の前で家族に対して暴力をふるう(DV)など

<児童虐待かな?と思ったらすぐにお電話ください。>

(児童虐待・緊急連絡参照 P8-1)

児童相談所 虐待対応ダイヤル189^{いちばやく}

- ・通話料無料
 - ・匿名でも大丈夫です
 - ・お住まいの地域の児童相談所につながります
 - ・秘匿情報は厳守します
- ※一部のIP電話からは繋がりません
- ☎ 189

ひとり親家庭をサポートします

問い合わせ

子ども家庭課

☎ 079-559-5072 Fax 079-563-3611

ひとり親家庭自立支援教育訓練給付金

母子家庭の母・父子家庭の父が就職やキャリアアップのために、あらかじめ指定されている教育訓練講座を受講した場合、受講に要した経費の一部を負担します。

ひとり親等ファミリーサポートセンター援助活動利用助成事業

母子、父子、遺児家庭がファミリーサポートセンターを利用した時、利用料の一部を補助します。

Ngược đãi trẻ em

Do tình trạng ngược đãi trẻ em đang trở thành vấn đề nghiêm trọng trên toàn quốc, "Luật về việc ngăn ngừa ngược đãi trẻ em, v.v." đã có hiệu lực từ tháng 11 năm 2000. Những hành vi gây cản trở sự phát triển lành mạnh của trẻ em đều được coi là ngược đãi.

- Ngược đãi về thể xác
Đám đá, đá, tát, nhốt trẻ ở ngoài nhà, v.v.
- Ngược đãi về tình dục

Thực hiện hành vi tình dục với trẻ em, cho trẻ xem các hành vi tình dục, v.v.

- Bỏ bê
Để mặc trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ ở nhà một mình rồi đi ra ngoài, không cho ăn uống, bỏ lại trẻ trong xe ô tô, v.v.
- Ngược đãi về tâm lý
Đe dọa bằng lời nói, phớt lờ/bỏ mặc, dùng bạo lực với các thành viên khác trong gia đình trước mặt trẻ (Bạo lực gia đình - DV), v.v.

<Nếu bạn nghi ngờ có ngược đãi trẻ em, hãy gọi điện ngay lập tức.>

(Tham khảo mục "Liên lạc khẩn cấp về ngược đãi trẻ em" tại P8-1.)

Tổng đài ứng phó ngược đãi của Trung tâm tư vấn nhi đồng: 189

- Miễn phí cước gọi.
- Có thể gọi ẩn danh
- Cuộc gọi sẽ được kết nối tới Trung tâm tư vấn nhi đồng tại khu vực bạn sinh sống.
- Thông tin bí mật được bảo mật nghiêm ngặt.

※Một số điện thoại IP sẽ không thể kết nối được.

☎ 189

Hỗ trợ gia đình đơn thân

【Hỏi đáp】

Phòng Trẻ em và Gia đình

☎ 079-559-5072 Fax 079-563-3611

Trợ cấp đào tạo giáo dục và hỗ trợ tự lập cho gia đình đơn thân

Trong trường hợp người mẹ thuộc gia đình đơn thân (mẹ đơn thân) hoặc người cha thuộc gia đình đơn thân (cha đơn thân) tham gia các khóa đào tạo giáo dục được chỉ định trước nhằm mục đích tìm kiếm việc làm hoặc thăng tiến trong sự nghiệp, một phần chi phí cần thiết cho việc học tập sẽ được hỗ trợ.

Chương trình trợ cấp sử dụng hoạt động hỗ trợ của Trung tâm Hỗ trợ Gia đình cho cha/mẹ đơn thân và gia đình trẻ mồ côi

Khi gia đình mẹ đơn thân, cha đơn thân hoặc gia đình trẻ mồ côi sử dụng Trung tâm Hỗ trợ Gia đình, chương trình sẽ hỗ trợ một phần phí sử dụng dịch vụ.

母子生活支援施設

母と子の生活指導をしながら、1日も早く母子世帯が自立できるよう設置された児童福祉施設です。家庭児童相談員や母子自立支援員が相談を受け付けています。

母子父子寡婦福祉資金貸付事業

母子家庭の母、父子家庭の父、寡婦、父母のいない子どもの経済的自立を支援するために、貸付を行っています。貸付金の種類や貸付期限についてはお問い合わせください。

JR 定期券の割引

児童扶養手当を受けている世帯の人が通勤定期乗車券を購入する場合、3割引きで購入できる証明書を発行します。

ひとり親家庭高等職業訓練促進給付金等事業

母子家庭の母・父子家庭の父が就職や転職に有利な資格を取得するため、養成機関で訓練を受ける場合に修業期間の安定した生活の支援のために訓練促進費を支給します。

ひとり親家庭高等学校卒業程度認定試験合格支援事業

高等学校卒業程度認定試験の対策講座を受講する場合、受講開始時・修了時・合格時に給付金を支給することで、高等学校を卒業していないひとり親家庭の学び直しを支援します。

養育費確保支援事業

子どもの健やかな成長に不可欠な経済的基盤となる養育費の継続した履行確保を図ることを目的とし、公正証書等作成費用や保証会社と養育費保証契約を結んだ初回保証料を補助します。

Cơ sở hỗ trợ sinh hoạt mẹ và con

Đây là cơ sở phúc lợi nhi đồng được thiết lập nhằm giúp các hộ gia đình mẹ con có thể tự lập sớm nhất có thể, thông qua việc hướng dẫn sinh hoạt cho mẹ và trẻ. Các nhân viên tư vấn gia đình trẻ em và nhân viên hỗ trợ tự lập mẹ con luôn sẵn sàng tiếp nhận các buổi tư vấn.

Dự án cho vay vốn phúc lợi dành cho mẹ đơn thân, cha đơn thân và góa phụ

Thực hiện cho vay nhằm hỗ trợ sự tự lập về kinh tế cho người mẹ thuộc gia đình đơn thân, người cha thuộc gia đình đơn thân, góa phụ và trẻ em không có cả cha lẫn mẹ. Vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết về các loại tiền vay và thời hạn cho vay.

Giảm giá vé định kỳ JR

Trong trường hợp người thuộc hộ gia đình đang nhận Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em nếu mua vé tàu định kỳ để đi làm, sẽ được cấp giấy chứng nhận để có thể mua vé với mức giảm giá 30% .

Chương trình trợ cấp thúc đẩy đào tạo nghề trình độ cao dành cho gia đình đơn thân

Trong trường hợp người mẹ thuộc gia đình đơn thân hoặc người cha thuộc gia đình đơn thân học tại các cơ sở đào tạo để lấy các chứng chỉ có lợi cho việc tìm việc hoặc chuyển việc, sẽ được trợ cấp chi phí hỗ trợ đào tạo nhằm hỗ trợ cuộc sống ổn định trong thời gian học tập.

Dự án hỗ trợ thi đỗ kỳ thi công nhận trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông dành cho gia đình đơn thân

Trường hợp tham gia các khóa học ôn thi cho kỳ thi chứng nhận trình độ tương đương tốt nghiệp trung học phổ thông, sẽ được cấp trợ cấp vào các thời điểm: khi bắt đầu khóa học, khi hoàn thành khóa học và khi thi đỗ. Chương trình này nhằm hỗ trợ việc học lại cho những người thuộc gia đình đơn thân chưa tốt nghiệp trung học phổ thông.

Chương trình hỗ trợ đảm bảo chi phí nuôi dưỡng trẻ em

Với mục đích nhằm đảm bảo việc thực hiện liên tục nghĩa vụ thanh toán chi phí nuôi dưỡng, là nền tảng kinh tế không thể thiếu cho sự phát triển khỏe mạnh của trẻ em, dự án này sẽ hỗ trợ chi phí lập văn bản công chứng v.v., và phí bảo lãnh lần đầu khi ký kết hợp đồng bảo lãnh chi phí nuôi dưỡng với công ty bảo lãnh.

制度

さまざまな制度があります

手当など

児童手当

高校生年代までの児童を養育している人に支給されます。転入・出生後 15 日以内に手続きが必要です。なお、請求日の翌月から支給対象となります。

児童扶養手当

父または母と生計を共にしていない、あるいは父または母が重度の障害をもつ 18 歳以下(心身に中度以上の障害がある場合は 20 歳未満)の子どもを養育している人に支給されます。(所得制限やその他の支給要件があります。)

特別児童扶養手当

重度障害または中度障害のある 20 歳未満の子どもを養育している人に支給されます。(所得制限やその他の支給要件があります。)

お問い合わせ: こども家庭課

☎ 079-559-5072 Fax 079-563-3611

障害児福祉手当

著しく重度の障害があるため、日常生活において常時特別の介護が必要な在宅の子どもに支給されます。(所得制限やその他の支給要件があります。)

重度心身障害者(児)介護手当

重度の心身障害者(児)を介護する人に支給されます。(対象者などの支給要件があります。)

自立支援医療(育成医療)給付

身体に障害がある 18 歳未満の児童で、治療効果を期待できる指定医療機関の医療に対して公費負担が受けられます。保護者の所得状況に応じて自己負担があります。(一定所得以上は対象にならないことがあります。)

お問い合わせ: 障害福祉課

☎ 079-559-5075 Fax 079-562-1294

Chế độ

Có nhiều chế độ khác nhau

khoản trợ cấp, v.v.

Trợ cấp trẻ em

Được chi trả cho người đang nuôi dưỡng trẻ em đến độ tuổi học sinh trung học phổ thông . Cần làm thủ tục trong vòng 15 ngày kể từ khi chuyển đến nơi ở mới hoặc sau khi trẻ được sinh ra. goài ra, trợ cấp sẽ được tính và chi trả từ tháng sau tháng nộp đơn.

Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em

Được chi trả cho những người đang nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tuổi (dưới 20 tuổi nếu trẻ có khuyết tật về thân thể hoặc tinh thần từ mức độ trung bình trở lên) mà không sống cùng cha hoặc mẹ, hoặc có cha hoặc mẹ bị khuyết tật nặng. (Có giới hạn về thu nhập và các điều kiện chi trả khác.)

Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt

Được chi trả cho những người đang nuôi dưỡng trẻ em dưới 20 tuổi có khuyết tật nặng hoặc khuyết tật mức độ trung bình. (Có giới hạn về thu nhập và các điều kiện chi trả khác.)

【Hỏi đáp】Phòng Trẻ em và Gia đình☎ 079-559-5072 Fax 079-563-3611

Trợ cấp phúc lợi cho trẻ khuyết tật

Được chi trả cho trẻ em khuyết tật đang sinh sống tại nhà, do có khuyết tật cực kỳ nghiêm trọng nên cần có sự chăm sóc đặc biệt thường xuyên trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. (Có giới hạn về thu nhập và các điều kiện chi trả khác.)

Trợ cấp chăm sóc người khuyết tật nặng (trẻ em)

Trợ cấp này được trả cho những người chăm sóc người khuyết tật nặng (trẻ em). (Có các yêu cầu về điều kiện, bao gồm cả tiêu chí đủ điều kiện.)

Cấp phát y tế hỗ trợ tự lập

Đối với trẻ em dưới 18 tuổi có khuyết tật về cơ thể, có thể nhận được sự chi trả từ ngân sách công cho các chi phí y tế tại các cơ sở y tế chỉ định mà việc điều trị có kỳ vọng mang lại hiệu quả. Sẽ có phần tự chi trả tùy thuộc vào tình trạng thu nhập của người bảo hộ. Trường hợp thu nhập trên một mức nhất định có thể không thuộc đối tượng được hưởng.

【Hỏi đáp】Bộ phận Phúc lợi cho Người khuyết tật

☎ 079-559-5075 Fax 079-562-1294

軽・中度難聴児補聴器購入費助成

身体障害者手帳の交付対象とならない軽度・中度難聴児の言語の習得、教育における健全な発達を支援するため、18歳以下の児童を対象に助成します。
(その他助成要件があります。)

小児慢性特定疾病児童等日常生活用具給付

小児慢性特定疾病児童等、児童福祉法第19条の3第3項に規定する医療費支給認定を受けた在宅の児童等に対し、特殊寝台等の日常生活用具を給付します。
(所得やその他給付要件があります。)

お問い合わせ: 障害福祉課

☎ 079-559-5075 Fax 079-562-1294

Trợ cấp chi phí mua máy trợ thính cho trẻ khiếm thính mức độ nhẹ và trung bình

Nhằm hỗ trợ việc học ngôn ngữ và sự phát triển lành mạnh trong giáo dục cho trẻ khiếm thính mức độ nhẹ và trung bình không thuộc đối tượng được cấp Sổ tay người khuyết tật, chương trình hỗ trợ chi phí cho trẻ em từ 18 tuổi trở xuống.
(Có các điều kiện trợ cấp khác.)

Cấp phát dụng cụ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ mắc bệnh mãn tính đặc định ở trẻ em, v.v.

Cấp phát các dụng cụ sinh hoạt hàng ngày như giường chuyên dụng, v.v. cho những trẻ em đang sinh sống tại nhà đã được chứng nhận cấp chi phí y tế theo quy định tại Khoản 3 Điều 19-3 của Luật Phúc lợi Nhi đồng, chẳng hạn như trẻ em mắc bệnh mãn tính đặc định ở trẻ em.
(Có quy định về thu nhập và các điều kiện cấp phát khác.)

【Hỏi đáp】Bộ phận Phúc lợi cho Người khuyết tật

☎ 079-559-5075 Fax 079-562-1294

医療費助成

乳幼児等・こども医療費の助成

高校生期以下(18歳に達した最初の3月31日までの間にある子ども)の医療費を助成します。未就学児および低所得世帯の通院は自己負担なし。低所得世帯を除く小学生・中学生・高校生期の通院は市民税(所得割額)に応じて自己負担があります。(1日上限800円もしくは400円)入院は自己負担なし。
※令和7年10月以降は、世帯所得に関わらず、高校生期までの全ての子どもの医療にかかる自己負担が無料となります。

母子、父子、遺児医療費の助成

18歳に達した最初の3月31日までの間にある子ども、及びその子どもを監護する母または父が通院・入院した場合の医療費を助成します。(高等専門学校等に在学中の場合は、20歳に達する日の属する月末まで)
(所得制限があります。)

重度障害者(児)医療費の助成

身体障害者1・2・3級、療育手帳A判定、精神障害者保健福祉手帳1級の方が通院・入院した場合の医療費を助成します。
(所得制限があります。)

お問い合わせ: 国保医療課給付係

☎ 079-559-5050 Fax 079-559-2636

Hỗ trợ chi phí y tế

Hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và trẻ em

hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em từ độ tuổi học sinh trung học phổ thông trở xuống (tức là đến ngày 31/3 đầu tiên sau khi đủ 18 tuổi). Trẻ chưa đi học và hộ gia đình thu nhập thấp thì khám bệnh ngoại trú không phải tự chi trả. Học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông (trừ hộ thu nhập thấp) thì khi khám ngoại trú sẽ có phần tự chi trả, tùy theo mức thuê cư trú (phần thu nhập chịu thuế) của hộ gia đình. (Mức trần mỗi ngày: 800 yên hoặc 400 yên) Nhập viện thì không cần tự chi trả.
※ Từ tháng 10 năm 2025 trở đi, không phân biệt thu nhập của hộ gia đình, toàn bộ chi phí y tế tự chi trả của tất cả trẻ em cho đến độ tuổi học sinh trung học phổ thông sẽ được miễn phí.

Hỗ trợ chi phí y tế cho mẹ đơn thân, cha đơn thân và trẻ mồ côi

Hỗ trợ chi phí y tế trong trường hợp trẻ em (trong khoảng thời gian cho đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau khi tròn 18 tuổi) và người mẹ hoặc người cha đang giám hộ trẻ đó đi khám ngoại trú hoặc nhập viện. Trường hợp đang theo học tại các trường cao đẳng chuyên nghiệp, v.v., thời gian hỗ trợ kéo dài đến cuối tháng ngày trẻ tròn 20 tuổi.
(Có giới hạn về thu nhập.)

Hỗ trợ chi phí y tế cho người (trẻ em) khuyết tật nặng

hỗ trợ chi phí y tế trong trường hợp những người có sổ tay người khuyết tật thân thể bậc 1, 2, 3; người có sổ tay phục hồi chức năng loại A; hoặc Sổ tay phúc lợi sức khỏe tinh thần bậc 1 đi khám ngoại trú hoặc nhập viện.
(Có giới hạn về thu nhập.)

【Hỏi đáp】Phòng Bảo hiểm Y tế Quốc dân Phần thanh toán

☎ 079-559-5050 Fax 079-559-2636

小児慢性特定疾病医療費助成

内分泌疾患・悪性新生物など厚生労働大臣の定める「小児慢性特定疾病」の患者(新規申請は18歳未満)で、国の認定基準を満たしている場合、医療費の一部を助成します。自己負担額は健康保険上の世帯員の市民税(所得割)額に応じて決定されます。

お問い合わせ: 兵庫県宝塚健康福祉事務所(宝塚保健所)

☎ 0797-62-7308 Fax 0797-61-5188

Hồ trợ chi phí y tế cho bệnh mãn tính đặc định ở trẻ em

Thực hiện hỗ trợ một phần chi phí y tế đối với các bệnh nhân (đăng ký mới dưới 18 tuổi) mắc các "Bệnh mãn tính đặc định ở trẻ em" do Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi quy định như bệnh nội tiết, khối u ác tính, v.v., và đáp ứng các tiêu chuẩn chứng nhận của quốc gia. Mức tự chi trả được quyết định dựa trên mức thuế thị dân (phần tính theo thu nhập) của các thành viên trong hộ gia đình theo bảo hiểm y tế.

【Hỏi đáp】P Văn phòng Phúc lợi Sức khỏe Takarazuka tỉnh Hyogo (Trung tâm Y tế Takarazuka). ☎ 0797-62-7308 Fax 0797-61-5188

その他

就学援助

経済的理由によって就学困難な児童・生徒の保護者に、三田市立小・中学校で必要な費用の一部を援助しています。(所得制限やその他の支給要件があります。)

お問い合わせ: 各小・中学校、または教育支援課学務担当

☎ 079-559-5136 Fax 079-559-6400

大学等受験料・模擬試験受験料助成事業

ひとり親世帯及び低所得世帯に、大学等を受験する際の受験料及び高等学校・大学等受験のための模擬試験受験料を助成します。(所得制限やその他の支給要件があります)

お問い合わせ: 子ども家庭課

☎ 079-559-5072 Fax 079-563-3611

người khác

Hỗ trợ đi học

Thực hiện hỗ trợ một phần các chi phí cần thiết tại các trường Tiểu học và Trung học cơ sở công lập của thành phố Sanda cho những người bảo hộ có con em gặp khó khăn trong việc đi học vì lý do kinh tế. (Có giới hạn về thu nhập và các điều kiện chi trả khác).

【Hỏi đáp】Các trường Tiểu học/Trung học cơ sở, hoặc Bộ phận Phụ trách Học vụ thuộc Phòng Hỗ trợ Giáo dục. ☎ 079-559-5136 Fax 079-559-6400

Dự án hỗ trợ lệ phí thi đại học và lệ phí thi thử

Hỗ trợ lệ phí khi dự thi đại học và lệ phí thi thử để thi vào trung học phổ thông hoặc đại học, v.v. cho các hộ gia đình đơn thân và hộ gia đình thu nhập thấp. (Có giới hạn về thu nhập và các điều kiện chi trả khác.)

【Hỏi đáp】Phòng Trẻ em và Gia đình

☎ 079-559-5072 Fax 079-563-3611

妊婦健康診査費の助成

三田市に住民登録のある妊婦が妊婦健康診査を受診した場合、健診にかかる費用の一部を市が助成します。

産婦健康診査費の助成

申請時及び健診時に三田市に住民登録がある人で医療機関等で実施された出産後9週未満の産婦健康診査のうち、保険診療適用外の費用の一部を助成します。

お問い合わせ: 子ども政策課

(三田市役所2階) ☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

(三田市総合福祉保健センター2階)

☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe cho phụ nữ mang thai

Trong trường hợp phụ nữ mang thai có đăng ký cư trú tại thành phố Sanda đi khám sức khỏe định kỳ cho thai phụ, thành phố sẽ hỗ trợ một phần chi phí khám.

Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe cho sản phụ

Hỗ trợ một phần chi phí không thuộc phạm vi chi trả của bảo hiểm y tế cho các buổi khám sức khỏe định kỳ sau sinh (dưới 9 tuần sau khi sinh) được thực hiện tại các cơ sở y tế, v.v. Đối tượng là những người có đăng ký cư trú tại thành phố Sanda tại thời điểm đăng ký và thời điểm thăm khám.

【Hỏi đáp】Ban chính sách trẻ em

(Toà thị chính, Tầng 2) ☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

(Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2) ☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

低所得妊婦の初回産科受診費用の助成

初回産科受診時の妊娠判定に必要な検査、診察など医療保険適用外(自費)で実施する費用のうち、上限1回10,000円を助成します。対象者の条件は、ホームページを確認してください。

お問い合わせ: 子ども政策課

(三田市役所2階) ☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

Hỗ trợ chi phí khám sản khoa lần đầu cho phụ nữ mang thai có thu nhập thấp

Thực hiện hỗ trợ tối đa 10.000 Yên/lần cho các chi phí thực hiện ngoài phạm vi bảo hiểm y tế (tự túc), bao gồm các xét nghiệm và thăm khám cần thiết để xác định mang thai trong lần khám sản khoa đầu tiên. Vui lòng kiểm tra trang web để biết các điều kiện về đối tượng được thụ hưởng.

【Hỏi đáp】 Ban chính sách trẻ em

(Toà thị chính, Tầng 2) ☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

不育症治療等費用の助成

2回以上の流産や死産、早期新生児死亡の既往があると医師に診断されている三田市内に住民票のある夫婦に医療保険が適用されていない不育症の検査費及び治療費の全額をそれぞれ20万円を上限に助成します。(1年度に1回限り)

不妊治療ペア検査費用の助成

夫婦そろって不妊検査を受診した場合、夫婦のいずれかが三田市に住所等がある人について、医療保険が適用されない不妊検査費の金額を5万円を上限に市が助成します。(夫婦1組につき1回限り)

未熟児養育医療給付

身体の発育が未熟なまま出生した新生児で、指定医療機関の医師が入院養育を必要と認めた場合に入院医療費と入院時食事療養費の自己負担額の給付が受けられます。対象となる方は早目にご相談ください。

新生児聴覚検査費助成制度

令和7年4月1日以降に子どもが生まれた世帯に対し、検査費の全額(上限5千円)を助成します。検査費の助成は令和7年10月1日より開始し、令和7年4月1日に遡って助成します。詳細はホームページをご確認ください。

1か月児健康診査費の助成

令和7年4月1日以降に生まれた世帯に対し、健診費用の全額(上限6千円)を助成します。健診費用の助成は令和7年10月1日より開始し、令和7年4月1日に遡って助成します。詳細はホームページをご確認ください。

お問い合わせ: 子ども政策課

(三田市総合福祉保健センター2階) ☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

Hỗ trợ chi phí điều trị sảy thai liên tiếp, v.v.

Hỗ trợ toàn bộ chi phí kiểm tra và điều trị sảy thai liên tiếp không thuộc phạm vi bảo hiểm y tế cho các cặp vợ chồng có đăng ký cư trú tại thành phố Sanda, được bác sĩ chẩn đoán có tiền sử từ 2 lần sảy thai, thai chết lưu hoặc tử vong sơ sinh sớm trở lên. Mức hỗ trợ tối đa là 200.000 Yên cho mỗi loại (chỉ giới hạn 1 lần trong 1 năm tài chính).

Hỗ trợ chi phí kiểm tra vô sinh cho cặp vợ chồng

Trường hợp cả vợ và chồng cùng đi kiểm tra vô sinh, nếu một trong hai người có địa chỉ cư trú tại thành phố Sanda, thành phố sẽ hỗ trợ chi phí kiểm tra vô sinh không thuộc phạm vi bảo hiểm y tế với mức tối đa là 50.000 Yên (chỉ giới hạn 1 lần cho mỗi cặp vợ chồng).

Cấp phát y tế nuôi dưỡng trẻ sinh non

Đối với trẻ sơ sinh có cơ thể phát triển chưa hoàn thiện và được bác sĩ tại cơ sở y tế chỉ định xác nhận cần phải nhập viện để nuôi dưỡng, trẻ sẽ được nhận hỗ trợ cho phần chi phí tự trả của phí y tế nhập viện và chi phí ăn uống trong thời gian nhập viện. Những người thuộc đối tượng tiếp nhận trợ cấp hãy liên hệ tư vấn sớm.

Chế độ hỗ trợ chi phí kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh

Đối với các hộ gia đình có con sinh ra từ ngày 1 tháng 4 năm 2025 trở đi, thành phố sẽ hỗ trợ toàn bộ chi phí kiểm tra (tối đa 5.000 Yên). Việc hỗ trợ chi phí kiểm tra sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2025 và được áp dụng truy hồi cho các trường hợp từ ngày 1 tháng 4 năm 2025. Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.

Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi

Đối với các hộ gia đình có con sinh ra từ ngày 1 tháng 4 năm 2025 trở đi, thành phố sẽ hỗ trợ toàn bộ chi phí khám sức khỏe (tối đa 6.000 Yên). Việc hỗ trợ chi phí khám sức khỏe sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2025 và được áp dụng truy hồi cho các trường hợp từ ngày 1 tháng 4 năm 2025. Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.

【Hỏi đáp】 Ban chính sách trẻ em

(Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2) ☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

出産育児一時金

妊娠4か月(満12週)以上で分娩した場合に支給されます。

お問い合わせ: 出産時点で加入している健康保険

育児休業給付金

雇用保険に加入されている人が育児休業により勤務できなかった場合に、休業日数に応じて支給されます。

お問い合わせ: 勤務先

空き家リフォーム補助事業

若年・子育て世帯(パートナーシップ・ファミリーシップ宣誓者を含む)が市内にある空き家を取得し、自己居住用として改修する場合に必要な改修費の一部を補助します。

お問い合わせ: 都市デザイン課

☎ 079-559-5128 Fax

結婚新生活支援事業(ハッピーウェディング応援制度)

市内で新生活をスタートさせようとする世帯(パートナーシップ・ファミリーシップ宣誓者を含む)を対象に、結婚に伴う新生活のスタートアップにかかる費用(家賃・引越費用等)を支援します。

住み替え支援補助事業(「住みかエール」補助制度)

市内で新築・中古住宅を購入する市内・外の若年・子育て世帯など(パートナーシップ・ファミリーシップ宣誓者を含む)へ住宅取得にかかる費用を支援します。

お問い合わせ: 移住定住促進課

☎ 079-555-6776 Fax 079-563-1366

Tiền trợ cấp thai sản và nuôi con

Được chi trả trong trường hợp sinh con khi mang thai từ tháng thứ 4 (tròn 12 tuần) trở lên.

【Hỏi đáp】 Bảo hiểm y tế đang tham gia tại thời điểm sinh.

Tiền trợ cấp nghỉ nuôi con

Được chi trả tương ứng với số ngày nghỉ trong trường hợp người có tham gia bảo hiểm thất nghiệp không thể đi làm do nghỉ nuôi con.

【Hỏi đáp】 Nơi làm việc.

Dự án hỗ trợ cải tạo nhà bỏ hoang

Hỗ trợ một phần chi phí cải tạo cần thiết trong trường hợp các hộ gia đình trẻ hoặc hộ gia đình đang nuôi con (bao gồm cả những người đã tuyên thệ Quan hệ đối tác - Partnership/Quan hệ gia đình - Familyship) mua lại nhà bỏ hoang trong thành phố để cải tạo làm nơi ở cho chính mình.

【Hỏi đáp】 Bộ phận Thiết kế Đô thị

ự án hỗ trợ cuộc sống hôn nhân mới (Chế độ ủng hộ Đám cưới Hạnh phúc)

Hỗ trợ các chi phí liên quan đến việc khởi đầu cuộc sống mới khi kết hôn (tiền thuê nhà, chi phí chuyển nhà, v.v.) dành cho các hộ gia đình định bắt đầu cuộc sống mới trong thành phố (bao gồm cả những người đã tuyên thệ Quan hệ đối tác/Quan hệ gia đình).

Chương trình trợ cấp hỗ trợ tái định cư nhà ở (hệ thống trợ cấp "Sumika Yell")

Hỗ trợ các chi phí liên quan đến việc mua nhà cho các hộ gia đình trẻ hoặc hộ gia đình đang nuôi con, v.v. (bao gồm cả những người đã tuyên thệ Quan hệ đối tác/Quan hệ gia đình) ở trong hoặc ngoài thành phố thực hiện mua nhà xây mới hoặc nhà cũ trong thành phố.

【Hỏi đáp】 Ban xúc tiến di cư và định cư

☎ 079-555-6776 Fax 079-563-1366

相談機関

こんなとき、誰に相談すればいいの？

子どもたちのこと、家庭のこと、自分自身のことなど、毎日の生活に悩みや不安はありませんか？

どんなご相談にも対応できるよう、三田市では、きめ細かな相談体制を整えています。

悩みを抱え込む前に、ほんの少し勇気を出して…きっといい解決策が見つかるはずです！

Quầy hỗ trợ và tư vấn

Khi gặp những tình huống này, nên liên hệ ai để được tư vấn?

Bạn có đang lo lắng về con cái, gia đình hay chính bản thân mình trong cuộc sống hằng ngày không?

Để có thể ứng đáp với bất kỳ nội dung tư vấn nào, thành phố Sanda đã thiết lập hệ thống tư vấn chi tiết và kỹ lưỡng.

Trước khi để những muộn phiền dồn nén, hãy can đảm lên một chút... chắc chắn bạn sẽ tìm thấy giải pháp tốt!

名称/ Tên cơ sở	相談内容/ Nội dung tư vấn	相談機関 Cơ quan tư vấn	Tel / Fax	対応時間 Thời gian tiếp nhận
児童虐待・緊急連絡 / Ngược đãi trẻ em - Liên lạc khẩn cấp				
全国児童相談所 Trung tâm Tư vấn Trẻ em Toàn quốc	・18歳未満の子どもの虐待についての通告・相談に応じます。 Tiếp nhận thông báo và tư vấn về việc ngược đãi trẻ em dưới 18 tuổi.	児童相談所 Trung tâm tư vấn trẻ em	いちはやく/iichihayaku TEL 1 8 9	24時間対応 Tiếp nhận 24 giờ
三田警察署 Sở cảnh sát Sanda	・少年の悩みごとなど Các vấn đề lo âu của thiếu niên, v.v.	三田警察署 Sở cảnh sát Sanda	TEL079-563-0110	緊急時 Khi khẩn cấp
子どもに関する相談/ Tư vấn liên quan đến trẻ em				
家庭児童相談 Tư vấn gia đình trẻ em	・0～18歳の児童とその家庭が対象です。ことばのおくれ、育児不安、児童虐待、養護などのご相談に応じます。 Đối tượng là trẻ em từ 0 đến 18 tuổi và gia đình của các em. Chúng tôi tiếp nhận tư vấn về các vấn đề như: chậm nói, lo âu trong việc nuôi dạy trẻ, ngược đãi trẻ em, chăm sóc nuôi dưỡng, v.v.	家庭児童相談室(子ども家庭課) Phòng Tư vấn Gia đình và Trẻ em (Phòng Trẻ em và Gia đình)	TEL079-559-5076 FAX079-563-3611	24時間・全日対応 平日 16時30分～翌朝9時・土日祝日の終日は児童養護施設の相談員が相談に応じます。 Tiếp nhận 24 giờ / Tất cả các ngày trong tuần Vào ngày thường từ 16:30 đến 9:00 sáng hôm sau, riêng các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày Lễ toàn thời gian, nhân viên tư vấn của cơ sở bảo trợ trẻ em sẽ tiếp nhận tư vấn.
青少年の悩み相談 Tư vấn nỗi lo của thanh thiếu niên	・不登校、進路、友達関係、親子関係、思春期の悩み、非行など、学校や家庭でのさまざまな悩みの相談に応じます。三田市ホームページに問い合わせフォームがあります。 Tiếp nhận tư vấn về các vấn đề đa dạng tại trường học hoặc gia đình như: không đi học, định hướng tương lai, quan hệ bạn bè, quan hệ cha mẹ và con cái, những lo âu tuổi dậy thì, hành vi lệch lạc, v.v. Có biểu mẫu liên hệ trên trang web của thành phố Sanda.	青少年育成センター Trung tâm Phát triển Thanh thiếu niên	TEL079-563-1110	月～金曜日 Thứ 2～Thứ 6 9:00～16:30
ひょうごっ子(いじめ・体罰・子ども安全)相談 24時間ホットライン Đường dây nóng 24h tư vấn cho trẻ em Hyogokko <Bắt nạt – Bạo lực thân thể - An toàn của trẻ>	・いじめ、不登校、友人関係や進路、体罰だけでなく、子どものSOS全般について児童生徒や保護者などの相談に応じます。 Tiếp nhận tư vấn từ học sinh, sinh viên và người bảo hộ về tất cả các tín hiệu cần giúp đỡ (SOS) của trẻ em, không chỉ giới hạn ở việc bắt nạt, không đi học, quan hệ bạn bè, định hướng tương lai hay bạo lực thân thể.	ひょうごっ子悩み相談センター Trung tâm tư vấn nỗi lo trẻ em Hyogokko	TEL0120-0-78310	24時間 Tiếp nhận 24 giờ

名称/ Tên cơ sở	相談内容/ Nội dung tư vấn	相談機関 Cơ quan tư vấn	Tel / Fax	対応時間 Thời gian tiếp nhận
子どもに関する相談/ Tư vấn liên quan đến trẻ em				
多世代交流館 子育て交流ひろば Trung tâm giao lưu đa thế hệ Khu giao lưu nuôi dạy trẻ	・主に就学前の子育ての相談に応じます。子育てグループについての相談にも応じます。 Tiếp nhận tư vấn chủ yếu về nuôi dạy trẻ ở độ tuổi trước khi đi học. Ngoài ra cũng tiếp nhận tư vấn về các nhóm nuôi dạy trẻ.	多世代交流館子育て交流ひろば Trung tâm giao lưu đa thế hệ Khu giao lưu nuôi dạy trẻ	TEL079-562-8421 FAX079-562-8422	火～日曜日 Thứ 3 ~ Chủ Nhật 9:30～17:30
児童発達支援センター Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Trẻ em	・障害のある子どもと家族の相談に応じます。 Tiếp nhận tư vấn dành cho trẻ em khuyết tật và gia đình。 ・児童発達支援や放課後等デイサービスなど、さまざまな福祉サービスの紹介や利用のためのお手伝いをします。 Hỗ trợ giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các dịch vụ phúc lợi đa dạng như: Hỗ trợ phát triển trẻ em, dịch vụ chăm sóc trẻ sau giờ học, v.v.	①かるがも園 Nhà trẻ Karugamo ②ぞうさんの足音 Zou-san no Ashioto	① TEL079-568-1626 FAX079-560-7133 ② TEL079-564-7785 FAX079-556-7731	月～金曜日 Thứ 2 ~Thứ 6 9:00～17:15
特別支援教育相談 Tư vấn giáo dục hỗ trợ đặc biệt	・子どもの発達や園所・学校生活での悩みや不安について電話や面接による相談に応じます。 Tiếp nhận tư vấn qua điện thoại hoặc phỏng vấn trực tiếp về những lo âu, bất an trong sự phát triển của trẻ hoặc trong đời sống tại trường học/nhà trẻ.	教育支援課特別支援教育サポートセンター Phòng Hỗ trợ Giáo dục Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục Đặc biệt - Tiếp nhận tư vấn	TEL079-569-7315 FAX 079-559-6400	月～金曜日 Thứ 2 ~Thứ 6 9:00～17:00
子ども発達支援センター Trung tâm hỗ trợ phát triển trẻ	・発達、子育てについての相談に応じます。専門的に発達評価、療育指導も行います。 Tiếp nhận tư vấn về sự phát triển và nuôi dạy trẻ. Thực hiện đánh giá sự phát triển và hướng dẫn trị liệu giáo dục mang tính chuyên môn.	子ども発達支援センター Trung tâm hỗ trợ phát triển trẻ	TEL079-568-1955 FAX079-560-0595	月～金曜日 Thứ 2 ~Thứ 6 9:30～18:00
電話相談 Tư vấn qua điện thoại	・子育てについての疑問、育児でお困りのことなどに、専任の相談員がお応えします。 Nhân viên tư vấn chuyên trách sẽ giải đáp các thắc mắc về nuôi dạy trẻ hoặc những khó khăn mà bạn đang gặp phải trong quá trình nuôi con.	地域子育て支援センター Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy Trẻ em Khu vực	TEL079-560-7109 FAX079-560-7204	月～金曜日 / Thứ 2 ~Thứ 6 9:30～16:00 土曜日 / Thứ 7 9:30～14:00
民生委員・児童委員 Ủy viên Dân sinh / Ủy viên trẻ em	・地域内の家庭や児童に関する相談に応じています。各専門機関との連絡・連携を図っています。 Tiếp nhận tư vấn liên quan đến gia đình và trẻ em trong khu vực. Thực hiện kết nối và liên kết với các cơ quan chuyên môn liên quan.	地域福祉課(担当民生委員・児童委員の紹介) Phòng Phúc lợi Cộng đồng (Giới thiệu Ủy viên Dân sinh/Ủy viên trẻ em phụ trách.)	TEL079-559-5069 FAX079-563-7776	月～金曜日 / Thứ 2 ~Thứ 6 9:00～17:30
川西こども家庭センター Trung tâm Gia đình Trẻ em Kawanishi	・18歳未満の児童についての相談のうち、専門的な知識及び技術を必要とするものに応じ、必要により、一時保護や施設入所措置等を行います。 Tiếp nhận các tư vấn về trẻ em dưới 18 tuổi cần đến kiến thức và kỹ thuật chuyên môn; thực hiện bảo hộ tạm thời hoặc các biện pháp đưa vào cơ sở bảo trợ, v.v. nếu cần thiết.	川西こども家庭センター Trung tâm Gia đình Trẻ em Kawanishi	TEL072-756-6633 FAX072-756-6006	月～金曜日/ Thứ 2 ~Thứ 6 9:00～17:45

名称/ Tên cơ sở	相談内容/ Nội dung tư vấn	相談機関 Cơ quan tư vấn	Tel / Fax	対応時間 Thời gian tiếp nhận
子どもに関する相談/				
児童家庭支援センター Trung tâm Hỗ trợ Gia đình Trẻ em	・川西子ども家庭センター管轄内の専門的な知識や技術を必要とする相談に応じます。 Tiếp nhận các tư vấn cần kiến thức và kỹ thuật chuyên môn trong phạm vi quản lý của Trung tâm Gia đình Trẻ em Kawanishi.	子そだてサポートひかり Hỗ trợ nuôi dạy trẻ Hikari	TEL0797-81-2775 FAX0797-81-2775	月～土曜日/Thứ 2～Thứ 7 9:00～17:00 (虐待などの緊急の場合は 365日 24 時間電話対応) (Ứng đáp điện thoại 24 giờ/365 ngày đối với các trường hợp khẩn cấp như ngược đãi.)
ひとり親等 / Gia đình đơn thân, v.v.				
ひとり親等相談 Tư vấn cho gia đình đơn thân, v.v.	・母子家庭、父子家庭、寡婦の人からのさまざまな相談に応じ、自立に必要な助言・指導を行います。 Tiếp nhận các nội dung tư vấn đa dạng từ những người thuộc gia đình mẹ đơn thân, cha đơn thân, phụ nữ góa chồng; đưa ra lời khuyên và hướng dẫn cần thiết cho việc tự lập.	子ども家庭課 Phòng Trẻ em và Gia đình	TEL079-559-5072 FAX079-563-3611	月～金曜日/ Thứ 2～Thứ 6 9:00～16:30
保健・医療 / Sức khỏe - Y tế				
チャッピー子育て支援センター Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy Trẻ em Chappy	・妊娠・出産期から子育て期(就学前まで)の、さまざまな悩み・質問・相談について保健師等がお伺いします。 Đội ngũ y tá sức khỏe cộng đồng, v.v. sẽ lắng nghe các lo lắng, câu hỏi và tư vấn đa dạng từ giai đoạn mang thai, sinh con đến giai đoạn nuôi dạy trẻ (cho đến trước khi đi học).	子ども政策課 Ban chính sách trẻ em	①三田市役所 2 階 / Toà thị chính, Tầng 2 TEL079-559-5093 FAX079-563-3611 ②三田市総合福祉保健センター2 階 / Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2 TEL079-559-5701 FAX079-559-5705	①月～金曜日/ Thứ 2～Thứ 6 9:00～17:15 (来所相談 / Tư vấn trực tiếp 9:00～16:30) ②月～金曜日/ Thứ 2～Thứ 6 9:00～17:30
チャッピーサポートセンター Trung tâm hỗ trợ Chappy	・妊娠・出産期から子育て期(就学前まで)の、さまざまな悩み・質問・相談について子育て支援員がお伺いします。 Nhân viên hỗ trợ nuôi dạy trẻ sẽ lắng nghe các lo lắng, câu hỏi và tư vấn đa dạng từ giai đoạn mang thai, sinh con đến giai đoạn nuôi dạy trẻ (cho đến trước khi đi học).	子ども政策課 Ban chính sách trẻ em	①多世代交流館子育て交流ひろば / Trung tâm giao lưu đa thế hệ Khu giao lưu nuôi dạy trẻ TEL079-553-8003 FAX079-562-8422 ②ウッディタウン市民センター2 階 / Trung tâm cộng đồng Woody Town TEL 079-550-9116	①火～土曜日/ Thứ 3～Thứ 7 9:30～17:00 ②月～金曜日/ Thứ 2～Thứ 6 9:00～17:00

名称/ Tên cơ sở	相談内容/ Nội dung tư vấn	相談機関 Cơ quan tư vấn	Tel / Fax	対応時間 Thời gian tiếp nhận
保健・医療 / Sức khỏe - Y tế				
三田市休日応急診療センター Trung tâm khám chữa bệnh khẩn cấp ngày nghỉ thành phố Sanda	・内科・小児科を中心とした外来応急診療。 Khám cấp cứu ngoại trú tập trung vào Nội khoa và Nhi khoa	三田市休日応急診療センター Trung tâm khám chữa bệnh khẩn cấp ngày nghỉ thành phố Sanda	TEL079-556-5005 (診療日のみ / Chỉ hoạt động vào ngày có lịch khám)	日曜日、祝日、12月29日～1月3日 Các ngày Chủ nhật, ngày lễ, từ ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1. 受付/ thu nhận (午前/ AM) 8:45～11:30 (午後/ PM) 13:00～16:30
女性/ Phụ nữ				
女性のための相談 Tư vấn dành cho phụ nữ	・夫婦、親子、人間関係、仕事のことなど、女性が抱えるさまざまな悩みをお聞きます(予約制)。 Lắng nghe các nỗi lo đa dạng mà phụ nữ đang gặp phải về vấn đề vợ chồng, cha mẹ con cái, quan hệ nhân sinh, công việc, v.v. (Chế độ đặt lịch trước).	人権共生推進課 Ban xúc tiến cộng sinh và nhân quyền	TEL079-563-8000	月～金曜日、第2・4土曜日 Thứ 2～Thứ 6, Thứ Bảy thứ hai và thứ tư 9:00～17:15
男性 / Nam giới				
男性のための電話相談 Tư vấn qua điện thoại dành cho nam giới	・夫婦、親子、人間関係、仕事のことなど男性が抱えるさまざまな悩みをお聞きます。 Lắng nghe các nỗi lo đa dạng mà nam giới đang gặp phải về vấn đề vợ chồng, cha mẹ con cái, quan hệ nhân sinh, công việc, v.v.	人権共生推進課 Ban xúc tiến cộng sinh và nhân quyền	TEL 080-8309-6559	第4木曜日/ Thứ Năm thứ tư 18:00～20:00
DV				
配偶者暴力相談 Tư vấn bạo lực từ bạn đời	・配偶者や恋人からの暴力に対する相談に応じます。 Tiếp nhận tư vấn đối với các hành vi bạo lực từ vợ/chồng hoặc người yêu.	配偶者暴力相談支援センター Trung tâm Hỗ trợ Tư vấn Bạo lực từ Bạn đời	TEL079-563-7830	月～金曜日、第2・4土曜日 Thứ 2～Thứ 6, Thứ Bảy thứ hai và thứ tư 9:00～17:15

●とくに緊急性の高い相談ケースについては、適切な専門機関との迅速な連携を図ります。

Đặc biệt đối với các trường hợp tư vấn có tính khẩn cấp cao, chúng tôi sẽ nỗ lực liên kết nhanh chóng với các cơ quan chuyên môn phù hợp.

●相談者の意向(守秘義務)を尊重しながら、希望に応じて他の機関を紹介し、連携を図ります。

Chúng tôi tôn trọng ý chí của người tư vấn (nghĩa vụ bảo mật thông tin), đồng thời giới thiệu và liên kết với các cơ quan khác tùy theo nguyện vọng của người đó.

さんだ子育てハンドブック 笑顔ですくすくSUN だっこ

令和 7 年 6 月発行

※本誌掲載内容は令和 7 年 5 月現在のものです。

今後変更が生じる場合もあります。

詳細は各問い合わせ先にご確認ください。

発行

三田市子ども・未来部 子ども政策課

〒669-1595 兵庫県三田市三輪2丁目1-1

TEL: 079-559-5079

株式会社サイネックス

編集協力:さんだ子育てハンドブック編集委員会

多言語版発行

人権共生推進課

〒669-1595 兵庫県三田市三輪 2-1-1

TEL: 079-559-5023

翻訳

三田市国際交流協会通訳翻訳委員会

本ハンドブック多言語版は三田市国際交流協会作成の「さんだ子育てハンドブック多言語化版 2015」(平成 28 年 3 月)をもとに作成しました。

Sanda Cẩm nang Nuôi dạy trẻ bản đa ngôn ngữ 2025 “ Nụ cười rạng rỡ SUN Dakko “

Phát hành tháng 6 năm 2025

※Nội dung đăng tải trong ấn phẩm này là thông tin cập nhật tại thời điểm tháng 5 năm 2025. Trong tương lai có thể sẽ có thay đổi.

Vui lòng liên hệ trực tiếp với từng cơ quan phụ trách để xác nhận chi tiết.

Phát hành

Ban chính sách trẻ em, Bộ Trẻ em và Tương lai thành phố Sanda

〒669-1595 2-1-1, Miwa, Sanda, Hyogo

TEL : 079-559-5079

Công ty Cổ phần Scinex

Hỗ trợ biên tập : Ủy ban biên tập Sổ tay nuôi dạy trẻ Sanda

Phát hành bản đa ngôn ngữ

Ban xúc tiến cộng sinh và nhân quyền

〒669-1595 2-1-1 Miwa, Sanda, Hyogo

TEL : 079-559-5023

Biên dịch

Ủy ban Thông dịch và Biên dịch thuộc Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Sanda

Bản đa ngôn ngữ của cuốn sổ tay này được xây dựng dựa trên "Sổ tay nuôi dạy trẻ Sanda bản đa ngôn ngữ 2015" (tháng 3 năm 2016) do Hiệp hội Giao lưu Quốc tế thành phố Sanda biên soạn.